

Tác Giả và Tác Phẩm

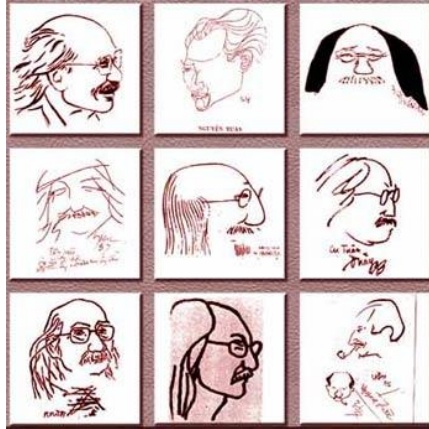
Nguyễn Tuân (II)

Tiểu sử

Sinh ngày 10.7.1910 tại làng Mọc (Nhân Mục) Thanh Trì Hà Đông.

Tác phẩm

Chiếc Lư Đồng Mắt Cua - Ngọn Đèn Dầu Lạc - Tàn Đèn dầu Lạc



Chân dung nhà văn Nguyễn Tuân
của các họa sĩ: Thanh Cương, Sĩ Ngọc, Quách
Đại Hải, Tạ Ty, Phạm Minh Ngọc, Văn Cao

Mục Lục

Nguyễn Tuân và quá trình hiện đại hoá xã hội... – Vương Trí Nhàn - 2

Chữ người tử tù - 11

Vấn đề văn bản của truyện ngắn “Chữ người tử tù” – Hà Thị Thanh Vân – 14

Chém treo ngành – 19

Bác Nguyễn – Nam Dao - 25

Ném bút chì - 33

Nguyễn Tuân – Tô Hoài – 38

Tôi theo kháng chiến - 42

Nguyễn Tuân giết... trống – Hoàng Cầm - 44

Tàn Đà và Nguyễn Tuân – Hoàng Yên Lưu - 46

Phụ đính I :

Báo oán – Ngòi mà cũ

Phụ đính II :

Đời roi – Thà thơ

Về Nguyễn Tuân ba bài viết ngắn...- Chuyện ít ai biết...

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Nguyễn Tuân và quá trình hiện đại hoá xã hội Việt Nam thế kỷ XX: trường hợp *Thiếu quê hương* Vương Trí Nhàn

Sáng tác của Nguyễn Tuân thời tiền chiến thường được xem xét theo một định kiến thiên lệch. Trong khi trình độ nghệ thuật của chúng được đề cao thì nội dung xã hội lại bị lên án.

Khi nhận xét về *Vang bóng một thời*, *Một chuyến đi*, *Chiếc lư đồng mắt cua*, *Nguyễn...* cả những nhà nghiên cứu thận trọng và nhiều thiện cảm với tác giả cũng thường nhấn mạnh rằng, con người được miêu tả trong các tác phẩm đó là những cá nhân thông minh nhưng bất lực, họ quay lưng lại xã hội, họ phủ nhận cuộc đời, đi vào hưởng lạc và như vậy tư tưởng bao trùm trong ông Nguyễn là duy mỹ là suy đồi. Lý do khiến cho các sáng tác ấy có giá trị lâu dài chỉ là ở chỗ trong đó bàng bạc một tinh thần yêu nước kín đáo.

Nhưng đọc lại Nguyễn Tuân, chúng tôi muốn đề xuất một cách đánh giá khác:

- Đối chiếu với xu thế chung của thời đại và xét theo sự tiến hoá xã hội thì con người trong Nguyễn Tuân là loại con người tích cực. Họ muốn sống với những đổi mới mà thời đại mang lại. Họ khao khát được bộc lộ lòng ham sống và ý muốn được sống hết tầm người. Họ khao khát tự do (cái tự do chân chính mà chỉ trong xã hội hiện đại các cá nhân được phát triển toàn diện trên phương diện tinh thần mới cảm thấy và biết sử dụng). Các nhân vật ấy cho thấy sự chuyển biến về chất lượng của con người Việt Nam thế kỷ 20 so với các thế kỷ trước, nó cũng là điều kiện để nước Việt Nam gia nhập vào thế giới hiện đại .

- Không chỉ yêu nước mà điều quan trọng là lòng yêu nước của Nguyễn Tuân có sắc thái mới so với cách hiểu thông thường, kể cả lòng yêu nước của sĩ phu trong các thời kỳ trước. Chắc chắn việc chỉ ra lòng yêu nước ấy mang đậm dấu ấn thời đại thế nào, cách yêu nước của Nguyễn Tuân độc đáo ra sao, là cần thiết, bởi đó là những bài học mà ngày nay chúng ta có thể tiếp nhận khi bàn về thái độ nhà văn đối với các vấn đề xã hội.

Nhiều nhà văn Việt Nam họ Nguyễn, song nói đến chàng Nguyễn, cụ Nguyễn, nhiều người nghĩ ngay đến Nguyễn Tuân. Chính tác giả góp phần tạo ra thói quen đó. Bởi một trong những cuốn tùy bút hay nhất của ông mang tên *Nguyễn* và nhân vật chính ở đó được gọi là Nguyễn. Nhưng nhà văn còn sống với một cái tên nữa là Bạch, cái tên ông dùng để gọi nhân vật chính của cuốn truyện dài duy nhất của mình là *Thiếu quê hương* (1940).

Khoảng 1955-1956, mấy năm Hà Nội trong vùng Pháp chiếm mới trở về với các lực lượng cách mạng (tiếng hồi ấy gọi là tiếp quản), cũng là đoạn cuối Nguyễn Tuân đảm nhận vai trò Tổng thư ký Hội văn nghệ Việt Nam. Trên tờ *Văn nghệ* chuyển từ tạp chí ra hàng tháng sang thể tuần báo, Nguyễn Tuân đã viết nhiều bài ký tên là Bạch. Hồi còn Liên Xô, Nguyễn Tuân có một người bạn là nhà văn Xô viết Tkachev, ông này khi tỏ ra thân mật thường hay gọi Nguyễn Tuân là cụ Bạch.

Trong tùy bút *Trang hoa* viết những năm sáu mươi cũng có dẫn lời một người lấy tên là Bạch. Bạch với Nguyễn tuy hai mà một.

Sau nữa, *Thiếu quê hương* đáng để chúng ta quan tâm còn ở những lý do sâu xa hơn. Nếu trong các bài tùy bút nhỏ (lúc đầu rải rác in báo sau tập hợp lại thành các tập *Tùy bút I*, *II* và *Nguyễn*), nhà văn này đã rất tài trong việc khai thác mọi góc ngách tâm hồn các nhân vật, từ đấy giúp người đọc nhận ra bóng dáng thời đại thì đến *Thiếu quê hương* những yếu tố thời đại lại được ngưng kết trong một con người lẳng tử cụ thể. Bạch cùng lúc tập trung trong mình những mối quan hệ xã hội khác nhau. Nhất là Bạch được đặt trong một không gian rộng lớn và hết sức đa dạng. Hai chữ "quê hương" hiện ngay trên tên sách không chỉ có nghĩa cụ thể nơi

chôn rau cắt rốn. Mà nó còn là môi trường tồn tại, là xứ sở, cái hoàn cảnh thân thiện cần có cho sự phát triển hết tầm vóc của con người. Có thể nói ngay trong văn học tiền chiến cũng hiếm thấy một nhân vật có đời sống tinh thần phong phú và cao đẹp như Bạch.

Những kinh nghiệm sống mới mẻ và một tầm suy nghĩ rộng rãi

Nét đặc biệt đầu tiên làm thay đổi ấn tượng về nhiều nhân vật trong Nguyễn Tuân cũng như của chính ông thời tiền chiến là những mối quan hệ xã hội. So với con người xã hội Việt Nam trung đại, họ hiện ra khá mới mẻ.

Người Việt vốn ít đi xa. Cô Mai trong *Nửa chừng xuân* và Thị Mịch trong *Giông tố* giống nhau ở một điểm: họ đều mới từ quê ra Hà Nội; chị Dậu còn ít có may mắn hơn họ: chị chỉ lên tới phủ, đúng hơn là vào sống làm vú nuôi ở dinh quan phủ. Ông giáo Thứ của Nam Cao trong cuộc kiếm sống tạm thời một chân đặt lên Hà Nội chân kia vẫn để quê nhà; ngay Tô Hoài cũng chỉ biết một Hà Nội ngoại ô trong khi khá xa lạ với đô thị Hà Nội chính cống, Hà Nội trung tâm của mọi vấn đề sôi động của cả đất nước.

Còn ở đây trước mắt chúng ta, trong *Thiếu quê hương*, Bạch nổi lên như một nhân vật có tầm hoạt động rộng rãi. Bạch có một nghề lạ là nghề thủy thủ viễn dương để đi nhiều nước. Nếu có điều gì khiến Bạch tự hào nhất thì đó là niềm tự hào chân chính là mình chai sạn, lịch lãm, từng trải, đã "ăn mòn bát thiên hạ". Tiếp bước chân Bạch còn có Sương bạn Bạch, có Phối em Bạch. Trong văn học Việt Nam, kể cả văn học hiện đại, ít thấy có những nhân vật nào có cái nghề thú vị và mới lạ đến như vậy. Rồi việc nhân vật Hòa người quen của Bạch đi dự hội chợ và mang hàng đi bán ở nước ngoài. Rồi việc cả làng Xuân Phả náo động chờ ngày xuất cảnh mang tích trò của mình sang biểu diễn tận bên Cựu Kim Sơn tức San Francisco (dù đến những ngày cuối, chuyến đi bị hoãn)... Có khá nhiều sự kiện hợp cả lại chứng tỏ cái xã hội bé nhỏ ở Việt Nam đang từng ngày từng giờ vận động để hòa nhập với thế giới.

Vả chăng, điều quan trọng không chỉ là câu chuyện thuộc nhiều bản đồ địa dư cùng sự ham hố thăm thú đi lại. Cũng như ở các tùy bút lẻ, trong *Thiếu quê hương*, người ta bắt gặp một nếp sống hiện đại. Con người không chỉ làm việc mà còn nhận thức, suy nghĩ và không quên hưởng thụ đời sống. So với nếp sống trì trệ vốn ngự trị lâu bền ở xã hội thì đó là một cuộc đảo lộn ghê gớm. Giữa đội quân đông đảo của các nhân vật nông thôn trong văn học tiền chiến, Bạch nổi cộm lên và gây khó chịu một phần vì đây là một nhân vật thành thị thứ thiệt. Trước mắt Bạch không có cái ám ảnh về miếng cơm manh áo như phần lớn các nhân vật của nền văn học bình dân hiện đại (mà ta quen gọi là văn học hiện thực). Thậm chí cả cái gò bó của kiếp sống công chức và những ràng buộc của cuộc sống gia đình mà một số nhân vật Tự Lực vẫn đoàn giã ra không nổi, nhân vật của Nguyễn Tuân cũng vượt thoát. Bạch hình như không cần làm gì mà cũng sống vương giả. Cái việc thường xuyên vào ga ngắm cảnh người ta lên đường của Bạch thực ra cũng chỉ là một cách để chiêm nghiệm và thưởng thức những khả năng của xã hội đương thời trong việc tạo ra những mối quan hệ không gian chưa từng có và đẩy người ta nghĩ về một thế giới rộng lớn.

Đang ở Hà Nội, thoát cái Bạch lại có mặt ở Hải Phòng Hồng Gai. Nhiều nếp sống mà đến cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, người Hà Nội mới học theo, như thói quen du lịch, Bạch đã biết từ lúc ấy. Trong lúc bực mình, Bạch lấy rượu ra uống rồi ngẫu ngao hát bằng tiếng ngoại quốc. Với một người bạn thân như Tần, khi có điều gì sâu sắc, Bạch trao đổi riêng bằng tiếng Tây. Tóm lại Bạch chính là một con người của hiện đại hóa, con người vượt qua mặc cảm để thay đổi và sự thực đã thay đổi một cách hợp lý.

Thạch Lam từng có một thiên truyện mang tên *Người lính cũ* trong đó nhân vật chính từng qua Pháp, lấy vợ đầm, ấy vậy mà rút cục người lính này nghèo túng trở về quê, xa lạ ngay giữa những người dân làng, đến mức phải ra ở tạm cái quán giữa đồng. Dù chỉ là một truyện ngắn chưa đầy hai ngàn chữ song *Người lính cũ* mang trong nó hình ảnh khái quát một kiểu người không thích ứng được với Âu hóa, tình cảnh hoàn toàn bất lực và vô vọng.

Nhân vật Nguyễn Tuân ở trong tình thế ngược trở lại. Bạch có lúc chán chường mệt mỏi song đó là do quá yêu mà chán, đi đã nhiều nên mệt. Trong cái thế của một người sống cùng cái nhịp với tiến trình Âu hóa, cũng tức là người đi tiên phong của thời đại, sự hào hứng thấm vào trong mọi suy nghĩ hành động của Bạch: chàng chỉ sợ bỏ qua cái vận hội mà trước đó xã hội Việt Nam chưa từng biết.

Từ thời còn mồ ma cụ Tú Xương, người ta đã bắt gặp những nét tâm lý thuở giao thời nó bắt rễ trong những con người Việt những năm cuối thế kỷ XIX đầu XX. Họ vừa sợ hãi những ảnh hưởng ngoại nhập, vì nó làm mất đi ở mình khá nhiều nếp cũ, vừa khao khát thêm muốn cách sống hiện đại vì nó hứa hẹn với mình rất nhiều thú vị. Nay cả xã hội đã vượt qua cái giai đoạn xấu hổ đó, tự thành thực với cái nguyện vọng muốn thay đổi của chính mình. Không phải ai cũng có dịp vượt đại dương như Bạch, song nhiều người đã đi Tây mà không cần xuất cảnh, đi Tây ngay trên quê hương, để mình cuốn theo cái nếp sống phương Tây một cách hào hứng. Đây là một công thức ngắn gọn mà trong tùy bút *Đẹp lòng* Nguyễn Tuân dùng để diễn tả niềm vui của mình: "Tôi huyết sáo. Tôi hát nhạc Tây, Tôi ngâm thơ Tàu cổ". Đây nữa, một chi tiết nhỏ trích ra ở chương XXVIII của *Thiếu quê hương*. Sau câu chào của Hòa "Anh Bạch, trận gió nào đưa anh lại?", tác giả bỏ nhỏ một câu bình luận: "Câu chào nghe Tây quá và thân quá". Rồi khi nhận ra cái nếp sống đậm âm hiện đại trong gia đình mình, nhân vật lập tức liên tưởng "cách sống như một gia đình bên Pháp".

Tức là những gì liên quan đến Tây, vốn là *cửa Tây, theo lối Tây* đã không còn gắn liền với nỗi nhặng xa lạ học đòi, không mang lại khó chịu phản cảm, mà ngược lại được coi là một giá trị. Từ đây cả quan niệm của Bạch về cuộc đời đã hình thành. Bạch từng định nghĩa Hoà (một kẻ phân thân của mình) là "người của một cuộc đời lớn". Chính Bạch cũng là con người như vậy. Bạch biết rằng mình không chỉ là công dân của một xứ sở thuộc địa mà còn là một thành viên của thế giới rộng lớn (mượn chính chữ của Bạch, "không chỉ ở ngòi mà còn ở biển"). Nhân vật hay xúc xặc và có lúc được gán cho đích danh một thứ hoài cổ bảo thủ này, thực ra lại là người trong thâm tâm chào đón cái mới một cách hết lòng. Dưới tác động của Bạch, cả những con người thuộc loại "sáng vắc ô đi tối vắc về" như nhân vật Tần cũng cảm thấy không thể chịu được cuộc sống tù túng và luôn tự nhủ "lẽ ra mình phải sống khác".

Qua Bạch, người ta nhận ra sức sống của tư tưởng hiện đại trong lòng lớp trẻ Việt Nam nửa đầu thế kỷ. Khả năng con người ta nhập vào thời đại, tự đào tạo mình theo khuôn mẫu thời đại. Và trước tiên là cái nhìn khác đi về mình cũng như về thế giới... Đó là những yếu tố khiến ta không thể lẫn họ với con người của các thế kỷ trước.

Trở lại với những nhận xét đã làm nên một thành kiến về Nguyễn Tuân (rằng ông bất mãn, ông quay lưng lại xã hội chung quanh). Điều thú vị là ở chỗ sở dĩ cái huyền thoại đó về ông kéo dài một phần chính vì ông cũng tham gia vào việc xây dựng nó. Trên các trang viết ông tự khuếch trương tô đậm, tức tự tổ cái chất cá nhân ở mình lên một cách quá đáng, tự xỉ vả tự chỉ trích quá nhiều. Song tình yêu với "cuộc sống mới" vừa hình thành đã nằm rất sâu trong tâm tình con người khinh bạc này và mặc dầu có thể chính ông cũng không biết là mình có song nó vẫn len lỏi trong tâm tình ông, tha thiết nồng nàn đến độ chi phối mọi suy nghĩ tình cảm của ông. Không nên cường điệu những bực bội khó chịu nơi ông Nguyễn mà nên ghi nhận nó như một dấu hiệu tích cực, đơn giản là bởi chỉ ở những người có mối liên hệ rộng lớn với thời đại mới có thể có những đay nghiến dằn vặt nó, cãi cọ nó như Nguyễn đã tự miêu tả.

Hiểu rõ "kẻ khác" để trở về với dân tộc

Theo như cách nói của Octavio Paz (Đặng Anh Đào dẫn lại trong *Tài năng và người thường thức*), thì "tấn bi kịch của những dân tộc Mỹ la tinh trước giai đoạn Christophe Colombo đó là họ không có ý niệm gì về kẻ khác". Hoàn cảnh của người Việt thế kỷ 19 về trước, có chút gì đó tương tự. Sống ở nước mình, song các cụ ta thuộc lòng lịch sử địa lý con người Trung Hoa. Có điều Trung Hoa lúc ấy bên cạnh vai trò kẻ thù đe dọa sự tồn tại, lại có vai trò một thứ cội nguồn mà người ta mơ ước trở về và do đó chưa bao giờ tách mình ra khỏi hoàn toàn. Tức là Trung Hoa có cái tình thế nước đôi, vừa là kẻ khác vừa không phải. Chỉ sang thời hiện đại, mặc dù vai

trò thực dân cho làm cho *vai trò kẻ khác* bị lu mờ, song cuối cùng sứ mệnh của người Pháp như một nhân tố bên ngoài thúc đẩy sự phát triển xã hội vẫn được khẳng định và nhờ vậy ý niệm về kẻ khác trong lòng dân ta lần đầu tiên mới được hình thành một cách trọn vẹn.

Cái tình hình có thực này đã được văn học phản ánh như thế nào? Trong cuộc đời và tác phẩm của những Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Đoàn Phú Tứ... sự có mặt của người Pháp như một nét đặc biệt của xã hội Việt nam từ sau 1884 đã trở nên một nhân tố khách quan hợp lý. Trường hợp *Người đăm* của Thạch Lam là một ghi nhận chắc chắn. Không hẹn mà nên. Ở chỗ này, Nguyễn Tuân cũng lại gặp Thạch Lam. Ngay trong chương đầu của *Thiếu quê hương*, người ta đã thấy sự hiện diện của mấy người da trắng xa lạ ấy, từ người chủ cửa hàng mà Bạch làm thuê tới một người lính ngẫu nhiên đến chia sẻ tâm sự với Bạch như một kẻ tri âm tri kỷ. Hoặc ở đoạn cuối, nhân có một việc cần tác động vào quan chức địa phương, mà không biết làm cách nào, Bạch liền tìm đến nhà viên công sứ đầu tỉnh. Thì ra đây là một người quen cũ của Bạch, họ hiểu nhau nhân cùng đi trên một chuyến tàu biển từ Pháp sang Việt Nam và cái chính là viên quan cai trị này thuộc loại biết người biết của, lại sống có tình.

So với sự có mặt của những người Pháp trong các tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng... thì đây đã là cả một sự thay đổi rõ rệt. Một điều còn quan trọng hơn: nếu bảo cách nhìn của tác giả trong *Bước đường cùng*, *Tắt đèn* là hiện thực thì cũng phải nhận Nguyễn Tuân, Thạch Lam có cái lý riêng của mình. Đó là một phương diện của đời sống xã hội trước 1945. Và các ông cũng hiện thực.

Một sự lo ngại chính đáng thường xảy ra khi nghe nói đến Âu hoá: sợ rằng nói thế rồi dễ sinh ra nông nổi mất gốc. Nhưng nếu hiểu Âu hoá là hiện đại hoá và nhìn lại lịch sử thì thấy ngược lại. Hiện đại hoá đòi hỏi các cộng đồng cũng như các cá nhân phải nghĩ về mình, chính trong hiện đại hoá mà các chủ thể đó trở lại với bản thân để tiến hành công cuộc tự phát hiện đầy thú vị. Tức hiện đại hoá không đẩy người ta đi xa dân tộc mà càng trở về với dân tộc. Đây chính là một nghịch lý vốn đã được chứng minh ở các nước châu Âu, nay đến phương Đông vẫn đúng. Nhìn vào học thuật (học thuật với nghĩa cái phần tự ý thức của dân tộc): chỉ từ thế kỷ 20, chúng ta mới có những sự kiểm kê di sản nghiêm túc để rồi làm nên những bộ sách cơ bản *Việt Nam sử lược* (Trần Trọng Kim), *Việt Nam văn hóa sử cương* (Đào Duy Anh), *Văn minh Việt Nam* (Nguyễn Văn Huyền), *Việt Nam văn học sử yếu* (Dương Quảng Hàm). Điều này càng thấy rõ hơn trong sáng tác thơ văn. Trong việc tạo ra mối thân tình với con người, văn học tiền chiến có một sự gần gũi hơn hẳn so với văn học cổ điển. Điều đó một phần là nhờ ở cái bút pháp tả thực mà các nhà văn lúc này có được qua học hỏi nguyên tắc sáng tác khoa học của văn học phương Tây. Họ viết ngay về cảnh vật làng xóm quê hương cũng như các thành thị mới hình thành. Họ viết ngay về những con người họ gặp hàng ngày.

Ở chỗ này Nguyễn Tuân cũng là một minh chứng đặc lực. Trong khi nét đặc sắc của nhiều nhà văn tiền chiến xuất sắc là phong cảnh con người nông thôn thì Nguyễn Tuân tập trung nhiều hơn vào đời sống thị thành từ Hà Nội tới Hải Phòng Hòn Gai. Rồi theo bước chân của Nguyễn, chúng ta còn có dịp đến với Huế, Cửa Đại và vào tận Sài Gòn. Có thể nói, trước 1945, không có một nhà văn nào làm được cái việc có mặt trên khắp ba miền đất nước và sống với nhiều miền quê, nhiều đô thị như ông Nguyễn. Người ta không thể chăm chú cực tả phong cảnh một vùng đất nước nếu người ta không yêu. Tình yêu của Nguyễn Tuân lại hai lần độc đáo vì đó không phải là sự luyến tiếc quá khứ mà là tình yêu một quê hương đã đổi mới trong xu thế của một xã hội công nghiệp.

"Lạ hóa" những gì quen thuộc

Người ta thường lên án cái việc ham đi nơi Nguyễn cũng như Bạch, xem đó là một hành động hưởng thụ cá nhân của kẻ vô công rồi nghề. Nhưng mọi chuyện có thể được nghĩ khác. Quê

hương là cả đất nước chứ không phải cái xóm nhỏ đầu làng; ham xê dịch chẳng những không phải là xấu mà nên coi là một thói quen cần được khuyến khích.

Xê dịch một cách lành mạnh như Bạch còn mang lại cho nhân vật cả những mới mẻ trong cách nghĩ. Bạch thường lấy quan niệm về sự xê dịch làm tiêu chuẩn gốc để đánh giá con người. Từ đó, Bạch tỏ ra đặc biệt dị ứng với thói quần quanh xóm nhà ở những người bình thường. Đi với người dân thường là một điều khổ cực, là một cục gạch ném vào hạnh phúc, và cái đời yên nhàn. Về việc đi, trong ngôn ngữ dân gian có những thành ngữ đê tiện, đại để như những câu "Sẻnh nhà ra thất nghiệp", "ăn mày xuất tàu", "chạy tiền ăn đường". Người động ra tàu là có bao nhiêu người than khóc âm lên chạy theo như chạy theo linh cữu... Thói ngại đi của người Việt được Bạch "gọi mặt chỉ tên" không thương tiếc như vậy. Cách nói có phần quá quá. Nhưng đằng sau đó là gì nếu không phải là tình yêu tha thiết với đồng bào xứ sở, muốn cho người mình xứ mình tiến nhanh lên để đạt tới nếp sống nếp nghĩ hiện đại.

Từ chuyện xê dịch nhìn rộng ra, con người xem xét đánh giá lại tất cả. Có chỗ, một nhân vật trong *Thiếu quê hương* bảo: xứ mình tẻ lắm ngại nhì; có chỗ nhân vật khác lại thoáng nghĩ đại khái trình độ đương thời là trình độ bán khai. Đến Hòn Gai, Bạch thấy ở đây đất đen mà lòng người thì trắng. Ở Hải Phòng, Bạch thấy "cái gì mà người ta sống như ăn cướp và nhà gạch mọi phố thì cái nào cũng giống cái nào". Trong một đoạn văn ngắn ở cuối sách, dự một buổi việc làng Bạch đã nhận ngay ra chân tướng những người nông dân, vừa tham lam vừa thiên cận, lúc ngồi giữa đám đông bài bậy làm bậy đấy rồi lại khóc lóc hèn hạ ngay đấy.

Cùng phụ họa với Bạch, nhân vật Hòa cũng thấy chung quanh quá tầm thường. Đây là một đoạn Hòa nghĩ khi đi bên cạnh Bạch:

"Nàng ngắm mình, ngắm trộm Bạch, tự cảm thấy rằng hôm nay có hai người đại lữ khách đang đi qua thành phố Hà Nội nhỏ bé. Một nổi kiêu căng ngậ lòng Hoà, tràn lan ra ngoài. Rồi nàng lại chỉ muốn làm một cô gái rất bé nhỏ bên cạnh một người anh tên là Bạch rất ngang tàng trong đêm đăm đăm có bước đi bộ bắt chấp cả đến tất cả chung quanh, từ một cái ôtô rẽ ngoặt bóp liên hai ba thứ còi cho đến một cái tàu điện lù lù và nghênh ngang mãi ở giữa phố. Không hiểu anh Bạch anh ấy đang nghĩ gì chứ trong lòng Hoà thì Hoà thấy khinh bỉ Hà Nội quá chừng. Hà Nội trông xấu quá. Có đi sang đến bên kia một cái cái bờ Thái Bình Dương rồi khi trở về mới thấy cái kinh thành sinh trưởng của mình là bủn xỉn" (cuối chương 28).

Để hiểu cái tâm lý thúc đẩy một ngòi bút sáng suốt như Nguyễn Tuân viết ra những đoạn văn như thế này, chúng tôi muốn tham khảo cách nhìn một nhà văn đầu thế kỷ XXI.

Vidiahar S. Naipaul đoạt giải Nobel Văn chương 2001. Ông viết bằng tiếng Anh mặc dù vốn là người Trinidad, một hòn đảo nhỏ trên Ấn Độ Dương. Đây là một đoạn ông trả lời phỏng vấn:

Hỏi: Trong lời đáp từ sau khi nhận giải Nobel, ông đã cảm ơn nước Anh ngôi nhà của tôi và Ấn Độ đất nước của tổ tiên ông. Vì sao ông không nhắc tới Trinidad, nơi ông sinh ra và sống đến 18 tuổi, và cũng là nơi tạo hậu cảnh như những tiểu thuyết đầu tiên của ông?

Trả lời: Vì sao tôi lại phải làm điều đó. Những cuốn sách đó là do tôi viết, chứ không phải Trinidad.... Trinidad chỉ là nơi cung cấp tư liệu cho tôi. Nếu không có nước Anh tôi cũng không thể hiểu được những gì mà tôi đã trải nghiệm tại Trinidad. Ở đó người ta không được học gì về nguồn gốc lịch sử của hòn đảo này.

Ở nhiều nước cũng vậy mà ở ta cũng vậy, lòng yêu nước thường có hai nghĩa chính: một là lòng yêu những gì thuộc về làng xóm quê hương với nghĩa một không gian hẹp. Và hai là lòng căm thù những thế lực ngoại bang đến xâm lược đất nước. (Bởi hiểu như thế nên giờ đây người ta thường chỉ tìm thấy lòng yêu nước rõ rệt trong văn học Việt Nam từ 1932 về trước. Còn đối với văn học tiền chiến, mặc dầu coi đây là một giai đoạn chín đẹp bậc nhất của văn học dân tộc, song khía cạnh này ít được nói tới). Câu chuyện của Naipaul cho thấy những gì đã xảy ra trong tâm lý con người hiện đại. Tính công dân thế giới mang lại cho họ một cách suy nghĩ mới. Và bởi lẽ Naipaul được tặng giải Nobel nên có thể nghĩ đây là cách nghĩ được thế giới đương đại chấp nhận. Về phần Nguyễn Tuân, thời ấy mà ông đã có được cái cách nghĩ tương tự. Khả năng

tự ý thức chính xác về mình, về cộng đồng mình, kèm theo đó là óc phê phán, là một cái gì đến nay chúng ta vẫn phải bảo nhau bồi đắp.

Hai cách đóng góp của hai mảng văn học lớn

Với tư cách là một sự kiện đóng vai trò chi phối lịch sử Việt Nam, công cuộc hiện đại hoá nửa đầu thế kỷ 20 được phản ánh thành hai mảng sáng tối khác nhau. Mảng thứ nhất là dòng của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng... Theo họ, hiện đại hoá làm hỏng xã hội, làm hỏng con người. Nó cần bị kết án. Đây là một thứ vô thức tập thể cùng lúc chi phối nhiều nhà văn lúc ấy. Trong khi đó, Tự lực văn đoàn và phong trào Thơ mới toát lên một cách nhìn nhận có xu hướng khác. "Dịch" ra ngôn ngữ thông thường tức là hiện đại hoá là tốt là khiến cho xã hội và con người tốt hơn, cần được ca ngợi. Từ Xuân Diệu tới Hàn Mặc Tử, và ngay cả ở Nguyễn Bính nữa, người ta đều bắt gặp nỗi ham hố của con người muốn nhập vào những biến chuyển đang xảy ra trên thế giới rộng lớn và sẵn sàng sống khác với những gì hôm qua mình đã sống. Gọi họ là lãng mạn cũng được nhưng chớ nên quên đó là một thứ lãng mạn tích cực, và có ý nghĩa hiện thực, hiện thực trong việc nắm bắt cái tinh thần cơ bản của cuộc sống chứ không phải những chi tiết bé nhỏ lật vặt. Cách nhìn của Nguyễn Tuân là một bộ phận tiếp tục của cái mảng thứ hai này.

Trong Vang bóng một thời, lần đầu tiên quá khứ của xã hội Việt Nam được xem xét và ghi chép từ một cái nhìn hiện đại. Quá khứ có đẹp nhưng là một vẻ đẹp tàn tạ, một vẻ đẹp một đi không trở lại. Còn trong Thiếu quê hương và các tùy bút, trước mắt chúng ta là một cuộc sống đang phát triển với tất cả cái năng động có thể có của một cuộc vận động hợp quy luật. Tác phẩm có sự vượt lên lối mòn bảo thủ để khai thông về mặt tư tưởng.

Cố nhiên, đọc xong Thiếu quê hương cảm giác còn lại trong nhiều người có thể là những ngổn ngang dang dở. Dang dở trong xã hội: dù có sự vận động tiến lên, bóng tối của quá khứ còn đầy đặc. Dang dở trong kiếp người, các nhân vật chính vừa là cũ vừa mới, mọi thứ ở họ chồng chéo lên nhau, chẳng cái gì thắng mà cũng chẳng cái gì thua. Đoạn cuối Thiếu quê hương gợi ra cảm giác của một sự bế tắc, hình như viết đến đấy, tác giả không biết cho câu chuyện kết thúc ra làm sao, đành gượng gạo cài vào một tình thế bất ngờ rồi viết quấy quấy vài câu cho xong. Nhưng đây không phải chỉ là vấn đề của nghệ thuật. Sự bế tắc ở đây có nguyên nhân sâu xa là ở tình thế của xã hội. Xã hội không cung cấp giải pháp cho câu chuyện. Nhưng khách quan mà xét điều này một lần nữa lại xác minh cái nhận xét của chúng tôi rằng đằng sau câu chuyện xê dịch, Thiếu quê hương đã phác họa khá chính xác chân dung con người thời đại. Nguyễn Tuân rất hiểu xứ sở của mình, và tác phẩm của ông là một bằng chứng mà người ta còn có thể khai thác khi muốn tìm hiểu xã hội trước 1945, từ đó mà tìm hiểu cái quá trình lớn diễn ra trên đất nước này trong cả thế kỷ 20. Tôi muốn nói rằng nay là lúc bạn đọc chúng ta nên đọc lại Nguyễn Tuân tiên chiến; trong thời điểm của không khí giải phóng được mở ra từ thời mở cửa, chúng ta sẽ thoát khỏi những định kiến mấy chục năm nay về tác giả để tìm thấy sự gần gũi dễ dàng với các nhân vật và nhận ra sâu xa đâu là đóng góp của nhà văn trong việc ghi chép lịch sử.

'Cái kỳ quái' của nền khoa cử phong kiến trong 'Lều chõng'

Văn Giá

1. Trong lời đề từ cho tác phẩm *Lều chõng* (3/1939), nhà văn Ngô Tất Tố đã viết: "Lều chõng với nước Việt Nam không khác một ông tạo vật đã chế tạo đủ các hạng người hữu dụng hoặc vô dụng. Chính nó đã làm cho nước Việt Nam trở nên một nước có văn hoá, rồi lại chính nó đã đưa nước Việt Nam đến cõi diệt vong. Vì nó, nước Việt Nam trong một thời kỳ rất dài đã hiện ra nhiều cảnh tượng kỳ quái, có thể khiến người ta phải cười, phải khóc, phải rùng rợn hồi hộp".

Như vậy ngay từ đầu ông đã công khai bày tỏ thái độ đoạn tuyệt với nền khoa cử giáo dục phong kiến một cách không vương vấn, nuối tiếc.

Điều này khác hẳn với nhà văn Chu Thiên cùng thời. Ra đời sau *Lều chõng* ba năm, tiểu thuyết phóng sự *Bút nghiên* (1942), và ngay sau đó là tiểu thuyết *Nhà Nho* (1943) của Chu Thiên như một tiếng nói ngợi ca về một thời vang bóng của nền khoa cử giáo dục phong kiến với một tâm trạng hoài cổ da diết.

Thực ra tâm trạng hoài cổ nói chung không chỉ có ở Chu Thiên, mà còn thấy ở một số nhà văn khác. Nó được hiểu như một thái độ phản kháng thực tại. Và nhất là trong bối cảnh những năm sau 1940, xã hội Việt Nam đang trở nên hết sức ngột ngạt, bế tắc, các nhà trí thức và các văn nghệ sĩ hoang mang, không biết thời cuộc đi về đâu. Cho nên một trong những hướng giải thoát khỏi tâm trạng này là tìm về những vẻ đẹp xưa. Nguyễn Tuân là một trường hợp tiêu biểu như vậy, thể hiện rõ nhất trong tập *Vang bóng một thời* (1940). Hay cũng có thể nhắc đến tiểu thuyết *Thanh đạm* (1943) của Nguyễn Công Hoan. Cho nên, việc tiếp cận đề tài khoa cử giáo dục phong kiến theo cách của Chu Thiên có thể hiểu và phần nào cảm thông được. Tuy nhiên trước yêu cầu canh tân văn hoá đương thời, thì cách tiếp cận đó không tránh khỏi màu sắc bảo thủ, lạc hậu.

Trong khi đó, Ngô Tất Tố lại dứt khoát ngay từ đầu chọn thái độ nhập cuộc. Trước hiện tại, ông phê phán cái chế độ sưu thuế quái gở đương thời trong tác phẩm *Tất đên*, những hủ tục quái gở ở chốn thôn quê qua *Tập án cái đình* và *Việc làng* (được ông gọi ra bằng những chữ như: hủ tục, ổ hủ bại, lệ làng, cái gánh nặng, những dây tặc tục; chỗ bần thiều, tối tăm... trong luỹ tre xanh...). Khi nhìn về quá khứ, ông lại bóc trần sự “kỳ quái” của chế độ thi cử phong kiến xưa qua *Lều chõng*. Như vậy, nhìn vào sáng tạo của Ngô Tất Tố, thấy nhất quan một điểm này: ông hướng về những cái kỳ quái, lựa chọn và miêu tả những cái kỳ quái của đời sống xã hội xưa và đương thời. Toàn bộ tài năng và nhiệt hứng của nhà văn tập trung phanh phui cho thật sáng tỏ những cái kỳ quái muôn hình vạn trạng đó.

2. Nhìn ra cho được những cái kỳ quái không dễ. Chỉ có khi nào nhận thức ra được cái văn minh, tiến bộ, cái cần hướng đến thì lúc đó mới có thể nhìn ra cái kỳ quái như là những cái phản tiến bộ, phản nhân văn, phản văn hoá. Cho nên cái nhìn của cụ Ngô Tất Tố về đời sống thực sự là một cái nhìn văn hoá, do cảm quan văn hoá mang lại.

Vậy thì bộ mặt của những cái kỳ quái trong cái nhìn của cụ Tố là như thế nào?

Thứ nhất, đó là những cái xưa, cũ không còn hợp thời, cần phải dứt khoát đoạn tuyệt với nó; nếu khư khư giữ nó, sẽ cản trở cho công cuộc tiến hoá đương thời. *Lều chõng*, *Tập án cái đình*, *Việc làng* thuộc dạng này.

Thứ hai, đó là những cái tàn ác, phi nhân tính dồn đẩy con người rơi vào cảnh ngộ cùng đường tuyệt lộ, gây ra những thảm cảnh đau đớn. *Tất đên*, *Dao cầu thuyền tán*... thuộc loại như vậy. Thứ ba, những cái “ngu dốt giả dối” đã “làm hại cho tư tưởng quốc dân” trên tất cả các lĩnh vực của đời sống cần phải “nhỏ cỏ”. Tinh thần này thể hiện trong hàng loạt các bài báo về sự kiện, vụ việc, nhân vật ở khắp mọi nơi, thuộc đủ các loại hạng người được đăng trên các báo chí đương thời.

Điều quan tâm lớn nhất của ông là những cái kỳ quái, quái gở trong xã hội cần phải loại bỏ. Cái kỳ quái đồng nghĩa với phản văn hoá. Như vậy có thể nhận định rằng: Ngô Tất Tố miêu tả đời sống không phải dừng lại ở sự kiện bề mặt có tính xã hội học, mà bao giờ ông cũng suy xét, soi ngắm nó dưới góc nhìn văn hoá trước yêu cầu canh tân văn hoá và phát triển xã hội. Bài toán đặt ra đối với ông là làm sao cho quốc dân đồng bào có cơ hội thoát ra khỏi những cái kỳ quái, quái gở để có được một cuộc sống văn minh hơn, nhân văn, dễ chịu hơn.

3. Trở lại với tác phẩm *Lều chõng*. Nhà văn không dừng lại ở chỗ miêu tả tình trạng dở mếu dở cười của trường thi và những thân phận người thi, mà ông đặt vấn đề sâu xa hơn: Tâm lý khoa cử và quan trường của người Việt.

Chúng ta vẫn nghe nói rằng người Việt có truyền thống hiếu học. Điều đó không sai. Trước kia, trừ những gia đình nghèo khó, không có điều kiện cho con cái theo học, còn hễ gia đình nào có mức sống nhỉnh hơn một chút đều muốn gửi con theo thầy kiếm ít chữ thánh hiền. Trong cái hành vi cho con đi học, bao giờ cũng nhen nhóm một hy vọng: biết đâu con mình chẳng đạt bìa đá bằng vàng, rồi sau này mũ áo xênh xang sắm vai ông nghè ông cống. Nếu không đỗ đạt, người dân lại tự nhủ: thôi thì biết dăm ba chữ thánh hiền cũng quý, để mỗi khi đứng trước ban thờ tổ tiên cũng còn có đôi chữ nghĩa mà biết khấn vái cho có lễ có lối... Nhìn chung ai cũng có cái tâm lý theo học ước mong có ngày vinh hiển để được làm quan.

Học để đi thi, và thi đỗ để ra làm quan là một tâm lý có ý nghĩa thống trị nền khoa cử giáo dục thời phong kiến. Nếu nhìn vào *Bút nghiên* của Chu Thiên, người đọc bắt gặp nhiều lần những lời cửa miệng của người lớn khuyên bảo, động viên nhân vật Tâm học hành theo cách như: “Cố mà học đi cháu ạ, cố học giắt lấy cái cử nhân để rồi làm Tiên chỉ làng này mà ăn thủ lợn”, “Học thi đỗ làm quan, tước lộc vua ban, thầy cũng được nhờ”... Có một lời khuyên rất đáng chú ý của ông cậu (cũng trong vai thầy đồ) đối với Tâm rằng: “Mọi bậc là mọi nghề, như làm ruộng, thợ mộc, thợ rèn, thợ sơn, cho chí người dệt vải, người đi cấy, đều thấp kém cả. Chỉ có người đọc sách là cao quý. Đọc sách tức là đi học. Đi học biết chữ thi đỗ làm quan, áo xanh áo đỏ, mũ cao áo dài, võng lọng vua ban thật là sung sướng danh giá hơn người... Mãn triều chu tử quý, tận thi độc thư nhân. Đầy triều những vị quan áo đỏ áo tím, đều là những người chịu đọc sách cả. Đấy cháu hiểu chưa. Đi học được quý trọng như vậy, cháu có thích học không?”.

Lời khuyên này là một minh chứng hùng hồn cho tâm lý thích làm quan, trọng quan tước của người Việt. Đến đây, chúng ta có thể tham khảo ý kiến của nhà văn, nhà báo Bá Dương trong cuốn *Người Trung Quốc xấu xí*. Ông nói: “Đối với người Tây phương: tri thức là quyền lực. Đối với người Trung Quốc: quyền lực là tri thức”¹. Học hành khoa cử nghìn đời của chế độ phong kiến đã hình thành nên một cách để đo đếm, đánh giá con người rằng: Cái giá trị của một con người là ở chỗ anh ta làm chức tước gì chứ không phải anh ta có học vấn như thế nào. Đây là điểm hạn chế không chỉ của người Trung Hoa mà của cả người Việt. Tư tưởng này vẫn đề nặng lên cuộc sống ngày hôm nay. Người Việt hôm nay dù đói khổ bằng mấy cũng cố cho con đi thi để vào Đại học, hy vọng rồi ra sau này ít thì cũng có công ăn việc làm nhàn nhã, sang trọng, nhiều thì biết đâu lại được làm quan, mà làm quan thì vừa danh giá lại vừa giàu có, vừa có quyền lại có tiền... Cho nên mới sinh ra nhiều thảm cảnh trong việc lều chõng lên kinh ứng thí. Đau lòng hơn, có cả những em học sinh do tâm lý đổ vỡ quá mức nên đã quyền sinh cho đỡ xấu hổ với bạn bè, đỡ bị bố mẹ nguyên rủa. Thân phận nhân vật cụ già tóc bạc chân yếu tay run, mặt mũi xám ngoét, không chống đỡ nổi cái mưa rét ở trường thi nên bị ngã được miêu tả trong *Lều chõng* cũng là một thân phận bi hài. Khi được hỏi: “Khốn nạn! Bấy nhiêu tuổi đầu, còn thi với cử làm gì cho khổ thế này?”, nhân vật trả lời: “Các thầy cứ làm ơn dắt lão đến cửa trường... Lão thi sáu khoá rồi, khoá này mới được vào đệ nhị; sống chết lão cũng vào trường cái đã”. Phải chăng Ngô Tất Tố liên tưởng đến hình ảnh người cha của mình cũng đã sáu lần lều chõng mà danh vẫn hoàn không?² Nhà văn đã viết về quang cảnh trường ốc với một cái nhìn trào lộng xuyên suốt, quán xuyên trong toàn tác phẩm. Ông đã tấn công vào tâm lý chạy theo công danh, quyền lực của người Việt. Xét trên phương diện văn hoá, ông đã vượt xa Chu Thiên của hai tác phẩm ra đời sau đó mấy năm với một nhãn kiến rộng rãi, hướng về tương lai, hướng về sự tiến bộ.

4. Kết thúc tác phẩm *Lều chõng* là cảnh đoàn viên của Đào Vân Hạc sau một lần hồng thi do phạm huý mà bị bắt vào ngục, suýt nữa bỏ mạng; và cận cảnh hơn là chốn bùồng the của vợ chồng Vân Hạc và Ngọc. Trước nhất nói về nhân vật người vợ. Đây là một cô gái trong suốt cuộc đời của mình ôm cái mộng muốn được làm bà nghè bà cống (một mong ước phổ biến của

các cô gái con nhà khá giả thời xưa: *Lấy chồng cho đáng tầm chồng - Bõ công trang điểm má hồng răng đen*). Đầu tiên, mộng ước này đã bị đổ vỡ do nghề Long không ngó ngang gì đến cô nữa. Cái cảnh cô bị ngất lên ngất xuống hôm đi đón nghề Long vinh quy bái tổ là một cảnh tượng có một không hai. Cụ Tố rất tình quái khi cho mấy bà già nhà quê vén quần lên để lấy cái thứ nước màu vàng xoa vào mặt và đổ vào mồm cô Ngọc lúc đang phải cảm. Nhà văn đã tiến hành giải thiêng cái cảnh vinh quy ngay lập tức. Rồi sau đấy ít lâu, cô ta được Vân Hạc kết hôn. Cô không quản ngại vất vả sớm khuya, chịu vò võ một mình cho chồng đèn sách ăn học, lều chõng đi thi. Bao nhiêu chí hướng, mộng ước của nhà vợ, của vợ, của thầy, của bạn dồn vào Vân Hạc mong giạt được bằng vàng. Nhưng rốt cuộc, xôi hỏng bỏng không. Cảnh đoàn viên cuối cùng tác giả để cho cả hai vợ chồng trò chuyện. Cả hai nhận ra cái khốn khổ nạn của kiếp lều chõng. Vợ ân hận vì đã ra sức động viên, ép uống chồng. Chồng trách yêu vợ. Cả hai ngâm lên câu thơ của cụ Nguyễn Công Trứ: "...Kiếp sau xin chớ làm người - Làm cây thông đứng giữa trời mà reo". Rồi cảnh ái ân nồng thắm của đôi vợ chồng khép lại tác phẩm như là một tiếng reo hoan lạc cáo chung cho cái mộng ước quan trường mà cả hai bấy lâu theo đuổi. Cụ Ngô Tất Tố đã miêu tả khung cảnh ái ân ấy với một niềm vui thanh thoát, trong đó không giấu nổi nụ cười đầy vẻ giễu cợt cả cái nền khoa cử giáo dục phong kiến xưa kia. Hoá ra, hạnh phúc lớn nhất của đời một con người chẳng phải đâu xa, chẳng phải ở bằng vàng vống lọng, chẳng phải ở quan tước bổng lộc, mà ở ngay trong tình cảm tương đắc vợ chồng dưới một mái nhà êm ấm. Liệu có nên coi đây là một tuyên ngôn nhân sinh của cụ Tố không nhỉ?... Kết quả cuối cùng của mộng ước bằng nhãn thám hoa, quan tước là một kẻ suýt mất mạng trong chốn khoa trường như Vân Hạc, một kẻ cũng suýt mất mạng ngoài sa trường, giờ đây lại bị giáng làm lính thường xung vào đội quân dẹp giặc Quảng Nam như nghề Long.

5. Công bằng mà nói, lên tiếng phê phán tâm lý chạy theo khoa cử quan trường thì Ngô Tất Tố không phải là người đầu tiên. Các nhà trí thức trước đó và cùng thời ít nhiều cũng đã nói đến như Phan Kế Bính, Đào Duy Anh³... Nhưng Ngô Tất Tố là người lên tiếng đánh vào tâm lý khoa cử và quan trường trong truyền thống người Việt bằng ưu thế của riêng ông, nghĩa là bằng văn chương một cách có hiệu quả. Loại tâm lý này ngày hôm nay vẫn đang rất trầm trọng với nhiều biến tướng tinh vi khác nhau⁴. Bằng một viễn kiến đáng nể, với một giọng điệu hài hước hóm hỉnh, lắm khi tình quái, cụ Ngô Tất Tố đã dọn lên bàn tiệc văn chương một vấn đề bất ổn thuộc về văn hoá nước nhà. Đây là khả năng tự ý thức văn hoá của dân tộc mà những bậc trí thức thực sự như ông mới có thể có được. Với sự nghiệp văn học, khảo cứu, biên dịch, báo chí nói chung và tác phẩm *Lều chõng* nói riêng, cụ Ngô Tất Tố xứng đáng là một nhà trí thức, một nhà văn hoá theo đúng nghĩa của danh xưng này.

1 Do Nguyễn Hồi Thủ dịch, NXB Văn nghệ, USA, 1999, tr.215

2 Ông nội nhà văn 7 lần lều chõng đi thi mà chỉ đậu tú tài. Còn cụ thân sinh ra Ngô Tất Tố cũng đã 6 lần lều chõng, và cả sáu lần thất bại, rốt cục cam chịu thân phận hương sư.

3 Phan Kế Bính trong cuốn *Việt Nam phong tục*, xuất bản năm 1915 có viết: "Xưa nay lối khoa cử giáo dục của ta là một con đường rộng rãi phẳng phiu cho bọn sĩ phu. Sĩ phu có do con đường ấy xuất thân mới là chính đồ, mà sự vinh hạnh về sau cũng bởi đó mà ra cả. Bởi vậy nhân tâm nước mình say mê bia đá bằng vàng, cố sức mà dùi mài truyện hiền kinh thánh, có người đầu bạc mà vẫn chịu khó đeo bộ lều chiếu để đua ganh với bọn thiếu niên, mà rút lại thì có gì đâu, học chẳng qua cũng là học văn chương, thi chẳng qua cũng là thi văn chương. Ai may ra hiển đạt, cũng phải nhờ có tài trí riêng mới chuyển vận được việc đời, chứ chuyên một lối văn chương có mấy khi mà làm nên được việc. Vậy mà ta mê mẩn mấy trăm năm nay, vẫn chưa hết tình" (Dẫn theo bản in của NXB Hà Nội, 1999, tr.285).

Chữ người tử tù

Nhận được phiên trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao :

- Nay, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao ! Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không ?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

- Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy ?

- Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhòm đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. À, nhưng mà thông thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không ? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không ?

- Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà !

- Ờ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chắc lười ?

- Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiêng tiếc.

- Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại vạ miệng thì khốn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiếng đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ có cho mấy thằng thập nó đánh bạc nghe !

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gương, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhạt màu vàng son, một cây đèn để leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngục quan bán khoăn ngồi bốp thái dương. Tiếng trống thành phủ gần đây đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điem vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiếng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ dẫm sương, vắng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trượt xuống phía chân trời không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiếng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lờn lờn khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhạt, son đã mờ, đĩa dầu sỡ trên cây đèn nện vơi làn mực dầu. Hai ngọn bắc lép bép nổ, rưng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ty Niết. Viên quan coi ngục ngấc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bắc. Ba cái tim bắc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy.

Người ngồi đấy, đầu đã điem hoa râm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ. (*)

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc; tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông Trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ lại. ' Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hắn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hắn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biệt đãi ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hắn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu '.

Sớm hôm sau, lính tình dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều hôm qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi, làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông dài tám thước. Cái thang dài ấy đặt ngang trên sáu bộ vai gầy. Cái thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắt lên mỏ cân, có thể nặng đến bảy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tử tù. Gõ thân gông đã cũ và mồ hôi cổ mồ hôi tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một nước quang dầu bóng loáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại sần lại những chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huấn Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí :

- Rệp cắn tôi, đồ cả cổ lên rồi. Phải gỡ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông đầu cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đưa một câu :

- Các người chớ phải tập nữa. Mai một chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bảy giờ tha hồ mà tập. đứng dậy không ông lại phét cho mấy hèo bây giờ.

Huấn Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thành gông xuống thêm đá tảng đánh thuyềnh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tẩm những điểm nâu đen.

Cánh cửa đề lao mở rộng. Sáu người né mình tiến vào như một bọn thợ nề thận trọng kiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai. Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nể, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn đối riêng với Huấn Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại :

- Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng. Xin thầy để tâm cho. Hắn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ 'để tâm' có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giờ những mảnh khóe hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung :

- Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chớ nhiều lời.

Bọn lính răn cả ra, nhìn nhau mà không hiểu. Sáu tên tử tù có ngục nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu, với thức nhắm, người thơ lại lễ phép nói : ' Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm '.

Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu và ăn thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm, quản ngục mở khóa cửa buồng kín,

khép nép hỏi ông Huấn :

- Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn chằm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sự đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất. (**)

Ông đã trả lời quản ngục :

- Người hỏi ta muốn gì ? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huấn đã đợi một trận lôi đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục. Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiêu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bức mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu : ' Xin lĩnh ý '. Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không đặt chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa : năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của quản ngục. ' Hay là hẳn muốn dò đến những điều bí mật của ta ? ' . Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ty Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta ký rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận ' .

Trong đề lao, ngày đêm của tử tù đợi phút cuối cùng, đúng như lời thơ xưa, vẫn đàng đẵng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời quấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiêu lại giữ tù. Quản ngục chỉ mong mỗi một ngày rất gần đây ông Huấn sẽ dịu bớt tính nét lại, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho...cho mấy chữ trên chực vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoáng, trừ chỗ tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo, là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai mốt đây ông Huấn bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời nữa.

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình Bộ Thượng thư trong Kinh bắt giải ông Huấn Cao và các bạn đồng chí ông vào kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tinh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói : ' Dạ xin ngài cứ yên tâm, đã có tôi ' Rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đấm cửa buồng giam, hớt hơ hớt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng quản ngục, và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười : ' Về bảo chủ người, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng

trong thiên hạ '.

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột phân gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, họ dụi mắt lia lia.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bụng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quan ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo :

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thôi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không ? ...Tôi bảo thực đấy : thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tấp nghe xèo xèo . Ba người nhìn bức chằm, rồi lại nhìn nhau. Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào : ' Kề mẽ muội này xin bái lĩnh '.

(Trích Vang bóng một thời)

Nguyễn Tuân

(*) kiểm duyệt thời pháp thuộc bỏ mất bảy dòng chưa tìm ra được.

(**) kiểm duyệt thời pháp thuộc bỏ mất sáu dòng chưa tìm ra được.'

Vấn đề văn bản của truyện ngắn “Chữ người tử tù” Hà Thị Thanh Vân

Truyện ngắn "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân đăng lần đầu tiên trên tạp chí Tao Đàn số 29 năm 1939, với tên gọi "Giòng chữ cuối cùng". Sách giáo khoa Ngữ văn 11 hiện nay sử dụng văn bản trích từ tập "Vang bóng một thời", xuất bản năm 1940. Giữa hai bản in này, có sự khác biệt khá lớn.

Rất tiếc, sách giáo viên và các sách tham khảo khác chưa chú ý đúng mức đến sự khác biệt này. Chúng tôi thấy cần thiết phải nghiên cứu *Chữ người tử tù* túc góc độ văn bản học. Vì công việc này sẽ cấp thêm cho bạn đọc một hướng thưởng thức văn tài cùng sự kì khu của Nguyễn Tuân. Đúng hơn chúng tôi sẽ kê ra nhiều căn cứ chứng tỏ Nguyễn Tuân không chỉ bổ sung hoặc sửa đổi một số câu chữ, mà thực chất tác giả đã viết lại tác phẩm *Giòng chữ cuối cùng* của mình [1].

So sánh hai văn bản, chúng tôi nhận thấy có mấy sự khác biệt sau đây:

1. Về tên truyện

Tên gọi *Chữ người tử tù* xuất hiện lần đầu tiên năm 1940, do chính Nguyễn Tuân đặt. Năm 1982 tuyển tập Nguyễn Tuân ra đời, tên gọi *Chữ người tử tù* vẫn được giữ nguyên. Vậy sự khác biệt giữa nhan đề của bản in đầu tiên với các bản in sau đó đã trở thành sự thực không thể phủ nhận được. Vấn đề còn lại ở chỗ: chúng khác nhau ra sao và có ý nghĩa gì?

Tôi thấy, sự khác biệt giữa *Giọng chữ cuối cùng* với *Chữ người tử tù* không chỉ giản đơn về mặt câu chữ, mà chủ yếu ở cách thể hiện.

Nhan đề đầu tiên đậm tính báo chí và nghiêng về thông tin. Nhan đề thứ hai thiên về bộc lộ quan niệm. Nhan đề thứ nhất dồn trọng tâm vào “chữ”, “chữ” trở thành sự kiện; nhan đề thứ hai chú ý đến quan hệ giữa *chữ* và *người*, giữa *chữ* và *cảnh*. Đặt nhan đề thứ nhất, Nguyễn Tuân nhấn mạnh vào *tính chất của sự kiện*, đặt nhan đề thứ hai, Nguyễn Tuân tô đậm *yếu tố hoàn cảnh*. Mỗi nhan đề có một vẻ đẹp riêng, xét trên phương diện nghệ thuật.

2. Về cốt truyện

Khi so sánh hai văn bản vừa nêu, chúng tôi thấy ở văn bản *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đã lược đi rất nhiều tình tiết, sự kiện.

Chẳng hạn, ở văn bản *Giọng chữ cuối cùng* có đoạn “Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt khổ sở, bây giờ đã biến đi đâu. Ở đấy, bây giờ chỉ là mặt nước ao xuân. Bình lặng, kín đáo và êm nhẹ. Ở đấy, trong giây lát lại lập loè chút ánh sáng của con tâm còn thơm sạch. Người ta phải lầy lăm lầy hỏi tại sao ngục quan lại không có một cái đầu trâu, một cái trán dơi và một cái mặt khỉ. Trong thế giới Khuyển Ưng, Khuyển Phệ, cái bộ mặt quắc thước, nhẹ nhõm kia thực là một sự lạ lùng. Sự lạ lùng đó, trong bọn quan lại, người bề trên không chịu được và kẻ ty tiểu cũng không chịu được”. Nhưng đến bản *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân chỉ giữ lại ba câu: “*Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất. Ở đấy chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng kín đáo và êm nhẹ*”. Rõ ràng, Nguyễn Tuân đã bỏ hai tình tiết: dao động nội tâm và đối thoại tự tưởng để làm nổi bật ngoại hình cùng tâm trạng hiện thời của ngục quan.

Văn bản *Giọng chữ cuối cùng* khai thác thái độ của *người bề trên* và *kẻ ty tiểu* trước vẻ mặt *lạ lùng* của viên quản ngục. Còn văn bản *Chữ người tử tù* thì không xét tới những phương diện đó. Thêm ví dụ nữa. Ở văn bản *Giọng chữ cuối cùng*, sau khi ngục quan hỏi Huấn Cao: “Ngài muốn gì xin cho biết”, người kể chuyện liền bình giá để giải thích hành động trả lời của ông Huấn. Qua sự bình giá của người kể chuyện, ta thấy Huấn Cao có khẩu khí của nhân vật Từ Hải, và giọng văn Nguyễn Tuân gần với giọng Truyện Kiều: “Ông Huấn Cao là người không chịu giam mình trong lễ thói hiện tại của một triều chính; chí ông là muốn vẫy vùng, muốn rạch sơn hà ra làm hai nửa và dựng riêng bờ cõi mình ở một góc trời.... Dưới mắt ông Huấn, còn có ai là đáng kể nữa”. Đến *Chữ người tử tù* thì đoạn bình giá ấy không còn. Tôi xem việc sửa văn của Nguyễn Tuân lần này rất hợp lí. Vì khi bỏ đoạn văn có tính chất sáo mòn kiểu đó đi, mạch văn sẽ đỡ lộn, mà nội dung cuộc đối thoại cũng nổi bật hơn.

Cùng với việc lược đi một số sự kiện, ở văn bản *Chữ người tử tù* chúng tôi còn thấy Nguyễn Tuân đã thêm rất nhiều tình tiết mới. Ví dụ, ở *Giọng chữ cuối cùng* tác giả viết: “để mai ta dò ý tứ hần xem sao”, nhưng đến *Chữ người tử tù* thì lại thành “để mai ta dò ý tứ *lần nữa* xem sao rồi sẽ liệu”. Tôi nghĩ chỗ này Nguyễn Tuân đã chúng tỏ được sự tinh tế. Bởi vì qua *sự lặp lại* của sự kiện, Nguyễn Tuân đã làm nổi bật đức tính kiên nhẫn cùng tấm lòng thiết tha của ngục quan.

Giọng chữ cuối cùng viết: “...từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa...”. *Chữ người tử tù* giữa nguyên đoạn ấy nhưng bổ sung thêm một chi tiết nữa: “... từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước, *duy chỉ có ý là không để chân vào buồng giam ông Huấn*”. Đọc nhanh thì thấy sự bổ sung này không mấy quan trọng. Nhưng nếu ngẫm kĩ, sẽ vỡ lẽ người kể rất quan tâm tới thái độ và hành ứng xử của

ngục quan trước lời lẽ khinh bạc đến điều của ông Huấn. Người kể tái hiện kết quả tác động của câu nói đượm vẻ ngang tàng kia cũng để cụ thể hoá cái uy riêng ở nhân vật Huấn Cao vậy. Đoạn khác, *Giòng chữ cuối cùng* ghi: “Trong đề lao, ngày đêm của tử tù đợi phút cuối cùng vẫn dài như nghìn năm ở ngoài”. Văn bản *Chữ người tử tù* thêm: “Trong đề lao, ngày đêm của tử tù đợi phút cuối cùng, *đúng như lời thơ xưa, vẫn đàng đẵng* như nghìn năm ở ngoài”. Chi tiết “thơ xưa” góp phần tạo nên không khí cổ kính, vang bóng cho truyện. Còn từ “đàng đẵng” thì lại gánh vác nhiệm vụ thời gian hoá tâm trạng nhân vật.

Chúng tôi thấy văn bản *Chữ người tử tù* tô đậm vẻ đẹp và giá trị của chữ Huấn Cao. Hơn nữa lại chú ý tả bức tranh chữ đó trong tương quan với tính cách của nhân vật. Đoạn in nghiêng sau thể hiện rõ điều đó: “Biết đọc vỡ sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. *Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông Huấn Cao vốn khoáng, trừ chỗ tri kỉ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo là có một vật báu trên đời.* Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ...”

Giòng chữ cuối cùng không lí tưởng hoá nhân vật bằng cách trên, mà chỉ tập trung tả sở nguyện và tâm trạng của viên quản ngục. Thử đọc lại đoạn văn ban đầu: “Biết đọc vỡ sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quản ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Y khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ”. Qua đây ta thấy, Nguyễn Tuân ngày càng chăm chú cho nhân vật chính. Ông đã làm đẹp nhân vật của mình bằng cách ghi lại ấn tượng về nét chữ và bằng thủ pháp có phần cường điệu. Tôi xem cái điệu đà hay cái duyên riêng của Nguyễn Tuân phần nào đã toát lên từ văn cách luôn đẩy mọi sự vật, sự việc đến giới hạn tột cùng của nó.

Ban đầu Nguyễn Tuân viết:

“Ở đây lẫn lộn, Ta khuyên thầy Quản nên thay *nghe* đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ rõ ràng như thế. Thoi mực, kiếm được ở đâu mà tốt thế. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không? Ta khuyên thầy Quản nên tìm về nhà quê mà chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên liên cho lành mạnh.

Ngục quan cảm động, vái tên tù một vái và nói một câu mà giòng nước mắt rĩ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào:

- Xin bái lĩnh

Viên quản ngục nhìn mặt chữ khô lằn lằn. Y sung sướng vì giữ được giòng chữ quý.

Y tự nhủ: “Tất cả nghề nghiệp ta, và có lẽ cả đời ta nữa, lã chỉ ở chỗ xin được chút kỉ niệm này”.

Nhưng, một tình buồn mệnh mông đã lền vào lòng sung sướng của quản ngục...

...Ít hôm nữa...pháp trường trong Kinh...”

(*Giòng chữ cuối cùng*) [2]

Về sau ông sửa chữa khá nhiều chi tiết. Xin lấy ví dụ:

“Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay *chốn* ở đi. Chỗ này không phải là nơi treo một bức lụa trắng với những *nét chữ vuông tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người.* Thoi mực, thầy *mua ở đâu mà tốt và thơm quá.* Thầy có thấy mùi thơ ở chậu mực bốc lên không?...Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên tìm về *nhà quê mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ.* Ở đây khó giữ thiên lương cho *lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.*

Lửa đốt cháy rừng rục, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức châm, rồi lại nhìn nhau

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rĩ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “*Kẻ mê muội này xin bái lĩnh*”

(*Chữ người tử tù*) [3]

Tôi cho Nguyễn Tuân cao tay khi quyết định sửa chữ “nghề” thành “chón ở”. Vì rằng chữ sau được ông lựa chọn hay hơn, thú vị hơn chữ trước. Nói cách khác, chữ trước kém tính khái quát hơn chữ sau, hàm ý cũng nông hơn chữ sau. Chẳng hạn, chữ “nghề” mang ý nghĩa cụ thể, nhưng chữ “chón ở” đặt trong văn cảnh *Chữ người tử tù*, lại có tính chất biểu trưng rõ rệt. Trường hợp từ “kiếm được” và “mua được”, hay giữa từ “tốt thế” với “tốt và thơm quá” cũng vậy. Chúng khác nhau về ý tứ, lẫn nhạc âm.

Ở trên chúng tôi đã chỉ ra: khi sửa chữa *Giòng chữ cuối cùng* Nguyễn Tuân ưa tả nét chữ, và đậm tô giá trị của chữ. Đến đây chúng tôi xin nói thêm, Nguyễn Tuân còn quan tâm đến nội dung tư tưởng của bức tranh chữ. Ở *Giòng chữ cuối cùng*, sau khi đề Huấn Cao khuyên quản ngục, người kể chuyện không còn tả cảnh xung quanh nữa. Trái lại, khi viết *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân lại tả cảnh lửa cháy, và “cảnh vô ngôn” giữa ba nhân vật. *Chữ người tử tù* kết thúc khi ngục quan ngừng lời. *Giòng chữ cuối cùng* thì tiếp tục miêu thuật tâm trạng và suy tư của nhân vật ấy.

3. Về tâm trạng, tính cách nhân vật

Truyện *Chữ người tử tù* phục chế không khí cổ kính của một thời còn vang bóng bằng kỹ thuật hiện đại. Kỹ thuật ấy biểu hiện rõ nhất ở sự phân tích tâm lý nhân vật. Về mặt này, tôi xin lưu ý thêm, nếu theo dõi tâm trạng và tính cách của từng nhân vật trong truyện thì chắc chắn chúng ta sẽ có thêm một căn cứ nữa để hiểu rằng Nguyễn Tuân đã viết lại về cơ bản một số đoạn trong *Giòng chữ cuối cùng*.

Ngoài những đoạn văn thể hiện tính cách nhân vật đã dẫn ở trên. Dưới đây chúng tôi sẽ bàn thêm một số ví dụ khác.

Thứ nhất: về tính cách viên quan coi ngục

Giòng chữ cuối cùng viết: “tôi nghĩ mà thêm tội nghiệp”. *Chữ người tử tù* sửa khác đi một chút: “tôi nghĩ mà thấy tiếng tiếc”. Hoặc “Ngục quan ngồi bóp thái dương một cách bần khoản” được sửa thành “Ngục quan bần khoản ngồi bóp thái dương”. Không cần phải phân tích nhiều cũng đủ thấy Nguyễn Tuân đã thay đổi cấu trúc câu văn, mà vì thế nên ý nghĩa của nó cũng biến đổi. Tôi nghĩ câu văn sau vừa chắc, gọn vừa rõ ý hơn câu văn trước.

Chữ người tử tù chỉ viết: “Những đường nhăn nheo của một bộ mặt *tư lự*, bây giờ đã biến mất hẳn”. Nhưng *Giòng chữ cuối cùng* đã tả khác và có phần kỹ hơn: “Những đường nhăn nheo của một bộ mặt *khô sớ*, bây giờ đã biến đi đâu. Ở đây, trong giây lát lại lập loè chút ánh sáng của con tâm còn thơm sạch”.

Ở *Giòng chữ cuối cùng* quản ngục nói với Huấn Cao bằng giọng điệu vừa nhã nhặn, kiêu nể, vừa ủng hộ e dè: “Miễn là ngài đừng làm quá. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi. Vậy ngài muốn gì xin cho biết. Tôi sẽ liệu”. Còn ở *Chữ người tử tù*, ngục quan đã biết suy nghĩ và nói năng cẩn thận hơn: “Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài muốn gì xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất”.

Chữ người tử tù quan tâm tra chuốt lời nói, điệu nói của ngục quan, nên cần nhắc chọn chữ chính xác, ngắn gọn, chẳng hạn: “khi nghe xong câu trả lời, y chỉ *lễ phép* lui ra với một câu: xin lĩnh ý”. *Giòng chữ cuối cùng* thì đã chọn cách diễn đạt khác để diễn cái thái độ ứng xử hạ mình của viên quan coi ngục: “...y chỉ *nhã nhặn* lui ra với một câu: tôi xin lĩnh ý”. Hai chữ “lễ phép” làm nổi bật thái độ kính trọng, còn hai chữ “nhã nhặn” làm sáng tỏ thái độ tôn trọng. “Lễ phép” nghiêng về phạm trù đạo đức. “Nhã nhặn” chủ yếu thể hiện thái độ ứng xử của cá nhân.

Trong *Chữ người tử tù*, ngục quan “khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô vuông” mỗi khi người tử viết xong một chữ; còn ở *Giòng chữ cuối cùng*, ngục quan “lại im lặng cất những đồng tiền” đó. Ở *Chữ người tử tù*, sau khi nghe lời dặn dò của ông Huấn, ngục quan chỉ chấp tay vái và nói một câu nghẹn ngào. Còn ở *Giòng chữ cuối cùng* viên quản ngục đã chăm chú xem mặt chữ. Ý cảm thấy sung sướng vì thấy mình đã xin được chút kỳ niệm.

Thứ hai: về tính cách nhân vật thầy thơ lại

Nhân vật thầy thơ lại ở *Giòng chữ cuối cùng* được kể bằng giọng văn chân chất đến vụng về: nghe xong chuyện cảm động của ngục quan, thầy thơ lại nói “Dạ bẩm ngài cứ yên tâm đã có tôi” rồi ù té chạy xuống phía trại giam ông Huấn. Thầy đấm cửa thùm thùm, hớt hơ hớt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng viên quản ngục và báo tin buồn luôn thể cho ông Huấn Cao biết việc về kinh chịu án tử hình”. Đến *Chữ người tử tù*, thầy thơ lại đã rút được bài học quan trọng về đi đứng, nói năng: “Thầy thơ lại cảm động, nghe xong chuyện nói: Dạ bẩm, ngài cứ yên tâm, đã có tôi” rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đấm cửa buồng giam, hớt hơ hớt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng viên quản ngục và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về kinh chịu án tử hình”.

Xem ra, không phải ngay từ đầu Nguyễn Tuân đã có những câu văn hay!

Thứ ba: về tính cách Huấn Cao

Giòng chữ cuối cùng tả thế này: “Huấn Cao *lãnh đạm, không chấp*, đã chúc mũi gông nặng xuống thêm đá tảng, khom mình thúc mạnh đầu thành gông xuống đáy đánh thuyền một cái”. *Chữ người tử tù* đã chọn cách diễn đạt khác để thể hiện khí phách của nhân vật này: “Huấn Cao *lạnh lùng*, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thang gông xuống thêm đá tảng đánh thuyền một cái”. Mặc dù sắc thái ý nghĩa của hai chữ “lãnh đạm” và “lạnh lùng” khác nhau, nhưng việc Nguyễn Tuân dùng từ “lạnh lùng” để diễn tả thái độ của Huấn Cao chưa chắc đã hay hơn từ “lãnh đạm”. Bởi vì chữ “lạnh lùng” thường dùng để chỉ ai đó thiếu tình cảm trong quan hệ tiếp xúc với người, hoặc việc. Nhưng từ “lãnh đạm” thì thiên về ý nghĩa chỉ người nào đó “tỏ ra không muốn quan tâm, không thân mật, không ân cần, hoặc không có biểu hiện tình cảm nào cả”.

Huấn Cao trong *Giòng chữ cuối cùng* ăn nói rất đời thường: “Ông Huấn vẫn thân nhiên nhận rượu thịt, coi như mình có quyền hưởng những thứ thực phẩm đó... Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng quấy rầy ta nữa”. Huấn Cao trong *Chữ người tử tù* có khẩu khí ngang tàng hơn: “Ông Huấn Cao vẫn thân nhiên nhận rượu thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng bình sinh lúc chưa bị giam cầm... Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây nữa”.

Huấn Cao trong *Giòng chữ cuối cùng* chủ động, quyết đoán: “nghe xong, mỉm cười”. Huấn Cao trong *Chữ người tử tù* thì thận trọng, và điềm đạm: “Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười”. Huấn Cao ở *Giòng chữ cuối cùng* nói năng có đôi phần chân phác: “Ta cảm cái tấm lòng thành kính của các người. Nhưng Huấn Cao ở *Chữ người tử tù* thì thích nói chữ: “Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người”.

Thứ tư: về thái độ của người kể chuyện

Thái độ của người kể chuyện trong văn bản *Giòng chữ cuối cùng* có đôi chút khác so với thái độ của người kể chuyện ở văn bản *Chữ người tử tù*. Điều này bộc lộ rõ ở cách gọi tên nhân vật. Ví dụ, thay vì gọi Huấn Cao bằng “tên tù”, người kể ở *Chữ người tử tù* gọi bằng “người tử”.

Thứ năm: về thái độ của nhân vật đám đông

Giòng chữ cuối cùng kể: “Mấy tên lính, khi nói chữ “đề tâm” có ý nhắc viên quan coi ngục nên tàn nhẫn đi, chứ còn đợi gì nữa. *Hình như kể dưới lại còn giục người trên mau mau làm điều ác*. Ngục quan chỉ *điềm đạm*... Bọn lính *thất vọng*. Sáu tên tử tù hơi ngạc nhiên về thái độ quản ngục”. *Chữ người tử tù* sửa thành: “Mấy tên lính, khi nói đến tiếng “đề tâm” có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giở những mảnh khoé hành hạ thường lệ ra. Ngục quan *ung dung*... Bọn lính dẫn cả ra, *nhìn nhau và không hiểu*. Sáu tên tử tù cứ ngạc nhiên về thái độ quản ngục”.

4. Về kết truyện

Kết truyện ở văn bản *Giòng chữ cuối cùng* vừa khép lại một tuyến sự kiện, vừa mở ra nhiều câu chuyện về lối ứng xử của nhiều nhân vật, chẳng hạn: chuyện Huấn Cao lĩnh án tử hình;

chuyện ngục quan đối chỗ ở để giữ thiên lương lành vững; chuyện thầy thơ lại có nhân cách cứng cỏi, sáng trong nhưng lạc lõng giữa chốn tù ngục. Tôi xem cách kết thúc mở ở *Giòng chữ cuối cùng* vừa có khả năng thanh lọc tâm hồn, vừa gợi cảm xúc xót thương, tiếc nuối. Cách kết truyện ở văn bản *Chữ người tử tù* thiên về cuộc gặp gỡ của Huấn Cao, ngục quan và thầy thơ lại. Họ từ chỗ xa cách, dẫn đến nghi ngờ và thường phải dò ý nhau, đã tiến dần đến chỗ hiểu nhau, rồi quý trọng nhau và trở thành tri âm tri kỉ của nhau. Đoạn “Ba người nhìn bức châm, rồi lại nhìn nhau” cho ta thấy rõ điều đó.

5. Về địa danh và lời đề từ

Văn bản *Giòng chữ cuối cùng* miêu tả trại giam tỉnh Đoài và thuật lời đồn của người dân tỉnh Đoài về Huấn Cao. Trong khi văn bản *Chữ người tử tù* lại tả “trại giam tỉnh Sơn” và lời đồn của người dân tỉnh này về ông Huấn.

Văn bản *Giòng chữ cuối cùng* có lời đề từ trích dẫn từ Truyện cổ nước Nam: “Ngày xưa, có một tên tử tù viết chữ đại tự rất tốt...”. Lời đề từ ấy kết hợp với những đoạn giai thoại đã tạo nên một không khí huyền thoại ngay từ mở truyện. Thế nhưng khi viết *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đã bỏ lời đề từ đó.

Năm phương diện mà chúng tôi xem xét ở trên cùng với nhiều đoạn tác giả đặt bút sửa chữa câu chữ, đã chứng minh được một điều rằng: cụ Nguyễn đã viết lại truyện ngắn *Chữ người tử tù*. Vậy nên, nếu nói “tác phẩm *Chữ người tử tù* in năm 1938 trên tạp chí *Tao đàn*, sau đó được tuyển in trong tập *Vang bóng một thời*” [4] thì cần phải thêm chú thích, hoặc giải thích rõ hơn nữa trên tinh thần của văn bản học để tránh những sự ngộ nhận đáng tiếc nào đó.

Chúng tôi thấy, Nguyễn Tuân nổi tiếng hay chữ. Song không phải lúc nào hoặc ngay từ khi chấp bút ông đã đặt được những câu hay, từ đắt. Tất nhiên, nếu không trải qua một quá trình lao động chữ nghiêm túc, liên tục và bền bỉ, chắc hẳn Nguyễn Tuân không thể có được một văn bản thú vị đến thế.

[1] Sách giáo khoa và các sách tham khảo khác chưa có cái nhìn đúng đắn về văn bản *Chữ người tử tù*. Người ta nhầm tưởng rằng: bản đăng lần đầu tiên trên *Tao đàn* và các bản in sau đó vẫn giữ nguyên văn. Có thay đổi đi nữa thì cũng chỉ rất nhỏ vặt, ví dụ tác giả đặt lại nhan đề mà tinh thần vẫn cũ hoặc cắt đi đôi câu văn cuối truyện cho ý văn hàm súc hơn, kín đáo hơn. Bằng chứng là: phần *Tiểu dẫn* ở sách *Ngữ văn 11* mới, và sách chỉnh lý hợp nhất năm 2000, cùng lời bàn về xuất xứ tác phẩm *Chữ người tử tù* ở các bài văn phân tích khác cũng chỉ ghi vắn vắn mấy dòng sau: “Truyện ngắn *Chữ người tử tù* lúc đầu có tên *Dòng chữ cuối cùng*, in năm 1938 trên tạp chí *Tao đàn*, sau đó in trong tập truyện *Vang bóng một thời* và đổi tên thành *Chữ người tử tù*”.

[2] Xem: Nguyễn Ngọc Thiện (chủ biên). *Tạp chí Tao đàn 1939*- Sưu tập trọn bộ tạp chí văn học của nhà xuất bản Tân Dân. Nxb Văn học. Nhân đây cũng thêm lưu ý, Nguyễn Tuân viết *Giòng chữ cuối cùng* chứ không phải *Dòng chữ cuối cùng*. Trường hợp của Thạch Lam cũng vậy. Thạch Lam viết *Theo giòng*, nhưng hậu thế cứ sửa thành “*Theo dòng*”. Có lẽ người biên soạn nghĩ các cụ ta ngày xưa viết chưa đúng chính tả chăng?

[3] Xem *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập 1. Nxb Văn học, Hà Nội, 1982

[4] Xem thêm *Ngữ văn 11*, tập 1. Nxb Giáo dục, 2007

Chém treo ngành (tựa đề cũ: Bữa rượu máu)

Phía tây thành B. trên một nền đất rộng đồ sát vào chân thành cho lâu gạch ngoài thành được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật tha hồ mọc sức mà mọc. Nó um tùm, tàu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín cả bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm dại sinh nở hết

sức bừa bộn.

Khoảng đất ấy ở phía sau kho lúa xây trong thành quanh năm không có vết chân người.

Mỗi buổi chiều mặt trời lặn, mấy con chim không tổ mỗi cánh định tìm vào vườn chuối âm u này để ngủ. Nhưng thân chuối cao vút và tàu lá chuối trống trải không đủ là nơi làm tổ, loài chim kêu mấy tiếng thưa thớt rồi lại bay qua ngọn thành. Vào tiết mưa dầm, những trận mưa Ngân đổ lên vườn chuối một khúc nhạc suông nghe buồn thiu buồn thiu.

Vườn chuối phía tây thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngồn ngang nhựa thăm màu. Nhựa ấy bị không khí làm se lại, kết nên thành những khối keo quyện chặt lấy bụi cỏ gà.

Cùng một buổi chiều ấy, mấy người vợ lính cơ đứng trong luống bãi dâu trồng ở dưới chân thành, sát ngay với bờ hào được nghe tiếng người hát trên ngọn thành, ở trên đầu họ, đứng ngay chỗ vườn chuối im lìm của mọi ngày.

Tiếng người trên mặt ngọn thành cũ hát rằng:

' Trời nổi cơn lốc
' Cảnh càng u sầu
' Tiếng loa vừa dậy
' Hối chiêng mớim mau
' Ta hoa thanh quát
' Cỏ xanh đổi màu
' Sống không thù nhau
' Chết không oán nhau
' Thừa chịu lệnh cả
' Dám nghĩ thế nào
' Người ngồi cho vững
' Cho ngọt nhát dao
' Hỡi hồn !
' Hỡi quỷ không đầu ! '

Người ở trên mặt thính hát đến đâu thì tiếng những thân cây chuối đổ xuống mặt đất tường thành lại kêu roạt roạt đến đấy. Bọn người đàn bà hái dâu ngừng tay bứt lá, nghiêng đầu lắng nghe kỹ. Cái bài hát năm mươi tư chữ nghe như bài sai của thầy phù thủy, đã hát đi hát lại đến mấy lần. Cứ xong mỗi câu thì lại có một tiếng roạt. Chỉ có cây chuối bị chặt mạnh mình lia hẳn gốc, đổ vật xuống mặt đất thì mới kêu roạt roạt như vậy thôi. Nhưng mà ai chặt chuối? Không phải hẳn là cấm địa, nhưng góc thành sau kho lúa kia cũng là một miếng đất cấm, ai dám vượt phép quan vào đấy mà hát, mà phá vườn. Có chăng là làm loạn.

Những người vợ lính cơ, quen sống trong không khí loạn lìa, chiều nay và đêm nay bàn tán mãi về cái tiếng hát trên vườn chuối mặt tường thành. Chồng họ cũng lấy làm lạ và tự nhủ ngày mai vào trại sẽ hỏi chuyện cho rõ.

Buổi sáng hôm sau, bọn vợ lính cơ, thêm được ít người tò mò nữa kéo đến vườn dâu ngoài thành, vẫn nghe rõ người ta chặt chuối trên mặt thành, với những câu hát rõ mồn mốt:

' Ta hoa thanh quát
' Cỏ xanh đổi màu
' Sống không thù nhau

' Chết không oán nhau...

Khi nghỉ ngơi, lúc họ mang chuyện đó về nhà thì những người lính cơ đều ra vẻ cảm động sợ hãi và căt nghĩa:

- Ông Bát Lê sắp làm việc đấy.

- ???

- Ông lớn sắp đem mười mấy người ra chém. Và tiếng người hát trên mặt thành là tiếng ông Bát Lê đang tập múa thanh quát ở vườn chuối đấy.

- Múa thanh quát? Ở vườn chuối? Sao lại hát những câu ghê thế? Và ông Bát Lê vốn chém người đã nổi tiếng, còn phải tập với tành gì nữa?

- U mày không hiểu. Lâu nay ông Bát không phải khai đao vì Ông Lớn thấy già yếu muốn cho nghỉ tay. Mỗi lần có án trăm, ông Bát chỉ phải ra pháp trường cho có mặt thôi. Còn công việc thì đã có người khác đỡ tay. Nhưng vẫn cứ được tiền thưởng. Đã đến gần một năm nay ông Bát không cầu đến thanh quát. Không hiểu tại sao, lần này Ông Lớn lại cho gọi ông Bát ra cho kỳ được và xem chừng như ngài sẵn sóc đến cái vụ xử trăm này nhiều lắm.

Lui vào tư thất, quan Tổng đốc sung chức Đồng lý Quân vụ, nhắc thấy lão Lê đang co tay úp lên mang tai nhìn vào đám vàng son lộng lẫy nhà riêng mình, ngài liền quở:

- Ét bữa nay, chú đi đâu? Ta cho thằng Cửu nó sang gọi mấy lần đều thấy đóng cửa.

- Bẩm lạy Ông lớn, ít lâu nay con về nhà quê. Giá như ngày trước, có khi nào con dám đi xa, sớm tối lúc nào cũng phải ở trong nội thành, phòng những lúc Ông Lớn bất thần gọi đến. Nhưng từ hồi gần đây. Ông Lớn thương phận già nua cho con được nghỉ tay đao, con có mạn phép về thăm nhà. Được tin Ông Lớn cho đòi, con vội vã vào hầu, xin Ông Lớn tha tội. Con chờ lệnh Ông Lớn truyền xuống.

- Thôi, cho đứng dậy.

Quan Đồng lý Quân vụ ngả mình trên ghế bành vàng và son, hát hàm hỏi tên bát phẩm đầy tớ già đang co ro người bên chiếc cột:

- Liệu bây giờ chém còn mát tay nữa không?

- Dạ.

- Dạ sao? Chú có biết ta sắp cho xuống cái lệnh chi không?

- Dạ.

- Có mười hai tên tử tù sắp phải hành hình. Quan Công sứ muốn được thị kiến lúc bọn hám chịu án trăm. Người chém thế nào cho gọn thì chém, hễ chém một đầu đến hai nhất thì không những ta trút tiền thưởng mà người còn bị quở nữa. Chém cho thực ngọt.

- Dạ.

- Tiền thưởng này chính của Quan Công sứ cho. Ta muốn giữ phần cho người nên ta cho gọi

vào mà lĩnh lấy việc này, gọi là kiếm một chút bổng để dưỡng tuổi già. Chú phải biết khi nhận lấy mười hai tên tử tù là chú phải làm việc cho đầy đủ. Chớ để phiền đến ta. Ta đã trót khoe khoang cái tài chém 'treo ngành' của chú với quan Công sứ. Chú nghĩ thế nào?

- Dạ, bẩm Ông Lớn đã thương đến phận tôi tớ chúng con xin hết sức tuân theo. Nhưng bây giờ con già yếu lắm, không biết có còn làm được việc như hồi xưa nữa không. Và chẳng gần một năm nay không cầm đến mã tấu con e có điều hơi lạc mất đường đao.

- Ta đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Chú còn đủ thời giờ để tập lại lối chém treo ngành. Nếu cái nghề chém đặc biệt của chú không thể truyền lại cho một người nào được thì một lần cuối cùng này nữa, chú cũng nên cho một vị quan Tây ở đây thấy rõ cái cách chém của một người đầy tớ hầu cận ta là như thế nào.

- Dạ, bẩm Ông lớn...

- Chú đừng nhiều lời. Đây này, ta cho chú mượn thanh quát của ta mà làm việc. Sẵn có vườn chuối ở sau kho lúa, cho phép chú lên đó mà tập. Có ai ngăn cản, cứ đưa cái tin bài này ra cho họ nom rõ.

Quan Đồng lý Quân vụ rút khỏi ống bút trên bàn một lá thẻ đỏ, viết mấy chữ thảo vào mặt thẻ sơn trắng, trao cho Bát Lê.

Thế là từ hôm ấy Bát Lê lĩnh thanh quát của quan Tổng đốc leo lên tường thành, xông vào trong vườn chuối, hết sức tự do, hết sức tàn nhẫn, chém ngang thân loài thực vật, trước khi chém vào cổ mười hai tên tù đang nằm đợi ngày cuối cùng.

Vườn chuối trên mặt thành vốn mọc không có hàng lối nhất định. Ông Bát phẩm Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dãy chuối mọc theo hàng lối thẳng thắn. Y soạc căng, lấy thước đo những quãng trống từ một gốc chuối này đến một gốc chuối khác. Tiến lên, lùi xuống, đo ngang, đo dọc tự cho là tạm tạm được, y bèn nhẹ nhàng phát hết những tàu lá chuối rườm rà. Đây là cái khu dọn dẹp sẵn để nhân lấy sự thí nghiệm sau hết của một thanh quát bị bỏ quên đã lâu ngày.

Trước khi hoa thanh quát trong mấy hàng chuối được chọn lựa kỹ càng kia, Bát Lê đã múa đao chém lia lịa vào thân mọi cây chuối khác, chém không tiếc tay, chém như một người hết sức tự vệ trong một cuộc huyết chiến để mở lấy một con đường máu lúc phá vòng vây. Một buổi sớm, y nhảy nhót trong vườn chuối, đưa lưỡi gươm qua bên phải lại múa lưỡi gươm qua bên trái, thanh gươm hai lưỡi gọn gàng, nhanh nhẹn phạt qua thân mấy trăm cây tươi còn nặng trĩu lớp sương đêm. Mạnh khấn vuông vải trắng bịt tóc Bát Lê đã đầm ướt và nhựa chuối chất thấm vào đất, gặp ánh nắng sớm, đã xuống màu dần dần.

Trên đồng thân cây trơn ướt, Bát Lê vẫn làm việc, nhảy nhót như một kẻ điên cuồng. Cứ mỗi một cây chuối gãy gục xuống cỏ đánh roạt một cái thì Bát Lê lại cất tiếng hát:

' Sống không thù nhau

' Chết không oán nhau

Câu hát được những tiếng cây chuối đổ chầm câu cho và đã vắng từ trên mặt thành xuống mặt một bãi dâu ở chân thành...

Tập như thế cho thuần tay hết một buổi sớm và một buổi chiều. Bát Lê sớm ngày hôm sau lại trở lại vườn chuối đã rầu cả lá, đã khô cả vết thương. Y hồi hộp chống gươm xuống mặt đất ẩm

ngón ngang sự tàn phá, như một võ sinh sắp trở tài ở võ trường với sự phân vân, lo ngại của phút biểu diễn. Rồi Bát Lê trịnh trọng tiến vào cái khu vườn chuối đã dọn từ hôm trước để nhận lấy lưỡi gươm thí nghiệm cuối cùng của một cuộc tập chém. Y đứng vào giữa hai dãy chuối, tay phải cầm ngang thanh quát.

Y lùi lại ba bước, lấy hơi thở cho đều, vừa hát to câu:

' Tiếng loa vừa dậy '

vừa tiến mạnh lên, thuận tay chém vào cây chuối đầu tiên dãy bên phải. Đũa gươm mạnh từ cao soãi xuống theo một chiều chéo, tưởng gặp đến gỗ cứng cũng lướt qua. Thế mà thanh quát chỉ ngập vào chiều sâu thân cây độ chín phần mười. Lưỡi thanh quát bị ngừng ở cái cữ ấy, rồi lại được lấy ra khỏi thân cây chảy máu. Vừa giật lưỡi thanh quát khỏi thân cây đang từ từ gục xuống, vừa hát một câu nữa:

' Hồi chiêng mớ m mau '

Bát Lê lại tiến thêm ba bước đến ngang tầm cây chuối hàng đầu dãy bên trái. Bát Lê thuận đũa thanh quát, lại chém xuống đây một nhát thứ hai. Một thân cây thứ hai gục xuống nửa như một thân hình người quỳ chịu tội. Thế rồi vừa hát, vừa chém bên trái, vừa chém bên phải. Bát Lê đã hát hết mười bốn câu, và đánh gục mười bốn cây chuối. Bát Lê quay mình lại, ngắm các công trình phá hoại của mình. Thì ở mười bốn cây chuối chịu tội kia, thân trên bị chém vấy còn dính vào phần gốc bởi một lần bệ giập nát.

Bát Lê mỉm cười, gỡ cái khăn chùi trên đầu, lau lưỡi gươm vào đấy, vuông vải lại dẫm thêm chất nhựa xám.

Thế là xong một cuộc tập chém lối treo ngành. Và Bát Lê cũng vui vẻ trong lòng đợi ngày nhặt tù. Đi từ bề cao nền cỏ xuống chân thành, qua những bậc cấp thúc vào lòng đất. Bát Lê chốc chốc lại dừng bước lại và ưỡn mình về phía sau, ngắm cánh tay khẳng kheo mình đang lăm lăm cầm lưỡi gươm.

Nội cỏ trước dinh quan Đồng lý Quân vụ một buổi chiều thu quyết đã đổi màu. Mọi khi, ở đấy chỉ có bê, bò được thả lỏng cúi cổ ngón ánh cỏ tươi bên cạnh một tốp lính hiền lành, tay cầm lưỡi liềm cắt cỏ về cho ngựa quan ăn. Bây giờ ở đấy, người dựng lên một cái nhà rạp cỏ tàn, cỏ quạt, cỏ cò ngũ hành. Trước nhà rạp người ta chôn sẵn mười hai cái cọc tre bị vỡ gỗ đập mạnh xuống toét cả đầu. Và đánh đai lấy khu nhà rạp rộng độ một mẫu, mấy trăm lính mặc áo có dấu, có nẹp đã tề chỉnh tuốt gươm trần để thị uy.

Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đất thì sáng hơn là nền trời. Nền trời vẫn những đám mây tím đỏ vẽ đủ mọi hình quái lạ. Những bức tranh mây chớ màu thắm hạ thấp thêm và đè nặng xuống pháp trường oi bức và sáng gắt.

Mọi người chờ đợi một cái gì.

Từ phía nhà ngục, mười hai con người chậm chạp tiến tới giữa hai tốp lính áp giải. Bãi cỏ im lìm đến nổi tiếng gông lữ tù giãy va vào nhau theo một nhịp bước rụt dè nghe cứ rõ mồn mồn một như tiếng sên người chấp hiệu định liệu bước đi cho cỗ đòan đám.

Không biết từ đâu ra, ông Bát Lê đứng sẵn chỗ cọc tre và trong một lát đã buộc xong bọn người đợi chết vào cọc. Lũ tử tù bị trói giật cánh khuỷu, quỳ gối trên mặt đất, khom khom lưng, xếp theo hai hàng chênh chéo nhau, châu mặt vào rạp. Những người giữ phần việc ở bãi đoạn đầu đang bóp hông, nắn xương cổ và tuốt cho mềm sống lưng lũ tử tù. Họ cần om thể nào cho

tội nhân lúc quỳ phải để được gót chân ngựa đứng vào cái mẩu xương cụt nơi hậu môn. Như thế, tử tù sẽ phải rướn mình lên mà nhận lấy lưỡi đao thả mạng xuống cái cổ căng thẳng. Họ lạnh người dần dần. Sinh khí chùng như đã thoát hết khỏi người họ. Trông xa, họ có cái cứng thản nhiên của những tượng đá tạc hình người Chiêm thành quỳ trước sân đền thờ vua Lý.

Tiếng nhạc bát âm thổi bài Lưu thủy trường gần mãi lại. Rồi trong một giây phút mọi người lắng rõ tiếng sênh tiền. Ai nấy nín thở. Trông ra cờ quạt kín cả nền trời và lính tráng kín cả mặt cỏ. Bụi cát bay mù như lúc có cuộc hính quân. quan Công sứ mặc đồ binh phục trắng có ngũ kim tuyền đi ngang hàng cùng quan Tổng đốc. Hai quan đầu tỉnh - một người đi ghệt, một người đi ủng - đều gò bước đi cho nó ăn nhập với cái long trọng của pháp trường. Những tên lính tỉnh gầy ốm che sát vào người hai Ông Lớn mọi thứ tàn vàng, tán lía, lọng xanh.

Cái đầu chúng không dám phạm thượng cúi gầm xuống mặt đất, nhìn cánh cỏ may chọc thủng ống quần mình.

Trong nhà rạp, các quan an vị. Ông thông ngôn người Nam kỳ đứng khoanh tay đằng sau quan Lưu trú Pháp. Quan Tổng đốc nói trước:

- Những người sắp bị hành hình kia là dư đảng giặc Bãi Sậy. Ty chức rất mong rằng đây là những kẻ phiến loạn cuối cùng. Và nhờ hồng phúc của Quan Lớn, cuộc trị an ở xứ này chóng định.

Bát Lệ cầm gươm tiến đến trước nhà rạp, vòng tay thu lưỡi gươm lại, vài một vái, cúi mặt đứng im. Quan Tổng đốc nhóm mình khỏi mặt ghế bành:

- Xin phép Quan Lớn cho ty chức được trình với Quan Lớn một tên đầy tớ trung thành. Hấn là đao phủ thủ tại pháp trường hôm nay.

- Có phải cái người mà Quan Lớn nói là có trí chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng làn da cổ đó không?

- Dạ. Mấy hôm nay hấn hạ thủ trong một hơi những mười hai cái đầu. Bây giờ để xin ra lệnh khai đao.

Quan Công sứ gật. Viên giám trảm và Bát Lê đều lùi ra ngoài rất mau.

Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng. Rút mỗi hồi chiêng móm, thì một tấm linh hồn lại lìa khỏi một thể xác. Tùng! Bi li! Bi li!

Bát Lê bắt đầu hoa không thanh quát mấy vòng. Rồi y hát những câu tầy oan với hồn con tội. Trong nhà rạp các quan chỉ nghe thấy cái âm lơ lớ rờn rợn. Quan Công sứ chăm chú nhìn Bát Lê múa lượn giữa hai hàng tử tù và múa hát đến đâu thì những cái đầu tội nhân bị quỳ kia chẻ gục đến đấy. Những tia máu phun kêu phi phi, vọt cao lên nền trời chiều. Trên ánh cỏ hoen ố, không một chếc thủ cấp nào rụng xuống.

Bát Lê làm xong công việc, không nghĩ ngợi chạy tuốt vào đứng trước nhà rạp. Bây giờ quan Công sứ mới nhìn kỹ. Y mặc áo dài trắng, một dải giầy lưng điều thắt chên ngang bụng. Thấy trên quần áo trắng của y không có một giọt máu phun tới, quan Công sứ gật gù hỏi quan Tổng đốc để nhớ lấy tên họ một người đao phủ có lối chém treo ngành rất ngọt. Ngài thưởng cho Bát Lê mấy cọc bạc đồng bà lão.

Lúc quan Lưu trú gần cầm mũ cáo từ về tòa Sứ, quan Tổng lý quân vụ còn ân cần buộc ông thông ngôn Nam kỳ dịch cho đủ câu này:

- Bẩm Quan Lớn, chém treo ngành như thế này là phải lựa vào những lúc việc quân quốc thanh thản, số tử tù ít ít thôi. Vào những lúc nhộn nhạo quá, tử tù đông quá, thì ty chức đã có cách khác. Là chỗ đôi cây tre đực dài ra, cặp vào cổ tử tù xếp hàng và nối đuôi quỳ hướng về một chiều. Đại để nó cũng như là cái lối cặp gấp chả chim mà nướng ấy. Rồi Bát Lê sẽ cầm gươm mà róc ngang như người ta róc mắt mía.

Lúc quan Công sứ ra về, khi lướt qua mười hai cái đầu lâu còn dính vào cổ người chết quỳ kia, giữa sân pháp trường sắp giải tán, nổi lên một trận gió lốc xoáy rất mạnh. Thường những lúc xuất quân bất lợi, tưởng cơn gió lốc cuốn gãy ngọn cờ sụy, cũng chỉ mạnh được thế thôi. Trận gió soán hút cát, bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi.

Bấy giờ vào khoảng giữa giờ Thân.

Bác Nguyễn Bút ký Nam Dao

1. Chợp mắt, đã đâu đó đúng 18 năm, thưa bác. Đây là kể từ cái ngày bác nhắm mắt, và thôi chẳng mở ra một lần để tiếp tục nhìn gió. Và cát. Và những hạt bụi một thời. Những hạt bụi bay vào làm cộm mắt, nước chảy, cứ như khóc, tay đưa lên quệt cho nó chảy vào trong theo kiểu nói của Văn Cao. Nuốt nước mắt, a cái ngôn ngữ tuyệt vời ông cha để lại. Nhưng Giời ơi, ai lại khéo dư nước mắt, thưa bác! Ấy thế mà khi nghe cái tin bác lẳng lẳng ra đi, kể tiểu tử này, theo cung cách xưa, cũng đã ngậm ngùi rơi lệ. Vào một cái quán rượu trên Avenue du Parc ở Montreal, hấn ngồi một mình, uống liên miên, rồi động lòng khóc hu hu trong một cái góc khuất. Cho đến nay, hấn vẫn còn tự hỏi, hấn khóc cho một người tài hoa vừa vượt cái biên hữu hạn, di tản khỏi cuộc thế chẳng mấy vui, hay hấn khóc vì thương thân mình? Hấn nghĩ đến *Một trăm cách cười* rất Nguyễn Tuân, kê giấy viết thành một trăm cách khóc. Thưa bác, tiểu tử này đã tìm ra đủ số trăm để phúng viếng. Khóc rưng rức, tỉ tê, tức tưởi, khóc trong lòng, khóc ủ ê, tỉ tỉ, rầm rút, i ì, ầm ức, khóc gào, khóc toáng, khóc thét... Nhưng thâm nhất, là khóc như cười. Thanh âm ằng ặc, như bị chẹn họng khiến khóc thành cười, không mấy ai phân biệt được trừ người khóc.

2. Thuở thiếu thời, tôi đã biết bác Nguyễn không chỉ qua *Vang Bóng Một Thời*, *Mái Tóc Chị Hoài*, hay *Chùa Đàn*, mà còn những dịp cha hoặc mẹ nuôi tôi chuyện trò nhắc lại dăm ba kỷ niệm có cái tên nghe rất xa xôi là kỷ niệm ngoài Bắc của đám Bắc Kỳ di cư 54. Cha nuôi tôi, vốn là bạn thân bác Nguyễn, kể "... bác ấy dẫn mẹ mày đi bắt tao ở chỗ hút thuốc phiện, nhưng đứng trốn đằng xa. Khi tao biết, tao chỉ tay bảo, lần sau thì ông giết mày, bác ấy chỉ cười hề hề!". Còn mẹ nuôi tôi, là chị dâu của bà giáo Thảo, tức Bồ phu nhân, và chính là chị Hoài có mái tóc đi vào văn học sử qua cái ngòi bút chao ôi đến là tài tình của bác Nguyễn. Phu nhân khiến tôi không hiểu sao cứ mường tượng ra Dương Quý Phi, cao lớn nhưng thướt tha, răng đen chứ không chịu cạo trắng mặc dầu rất tân thời, và có cái cười má lúm đồng tiền nghiêng thành đổ nước. Dĩ nhiên, ai mà biết được mặt giai nhân trong huyền thoại, rồi thành có đổ nước có nghiêng thì cũng vì các vị tu mi chẳng qua là loại *anh hùng bất quá mỹ nhân quan*. Ôi, tôi dễ thông cảm, và vô cùng thông cảm các vị. Tôi không anh hùng mà cũng thế!

Về Sài Gòn sau 14 năm xa cách, tôi sao vẫn thấy có điều gì hình như là thể lượng mặc dầu nắng vẫn thế, nóng rùng rục, ập xuống từ trời cao và xanh. Ngay cả với những người ruột thịt,

một khoảng cách vô hình nào đó ngăn không cho vượt qua. Đưa con đi hoang trở về như đưa a tòng với những kẻ chiến thắng, buộc một thành phố vào cái cảnh bị chiếm đóng, tà áo dài đủ màu đủ sắc thướt tha vờn gió mới ngày nào đâm phạm tội Mỹ-Ngụy và nay được thay bằng đồ bộ, áo ngắn trắng quần bà ba đen, đồng phục một thời hộ khẩu thành nếp mới với sỗ gạo, sỗ đường... và những buổi họp lúc tối trời với ủy ban nhân dân phường để nghe phổ biến chính sách xây dựng xã hội XHCN. Bây giờ, làm thế nào đây để lấp cái khoảng cách kia? Nghe và hòa theo những than vãn? Vô ích, đã không thay đổi được gì mà e chừng có ngày còn vạ miệng! Và lại, đó là những ngày đầu một cuộc đời, chiến tranh đã chấm dứt, chính mình đây cũng đang mơ một bình minh tươi đẹp, đặt bước trở lại quê hương là mong góp tay vào xây dựng lại, không thể nâng tầm những sự ma sát giao thời lên mức sống còn. Nhưng phải chinh phục lại tình ruột thịt máu mủ thôi. Hãy bắt đầu bằng biến mọi sự thể giao thời thành chuyện tiếu lâm. Và tôi đã chọc cười, mua vui, làm cho ai nấy thấy nhẹ đi. Và mong là hiểu dấu tôi không nói nên lời, tôi đâu có được là tên VC đeo trên cành đu đủ nhe răng ra cắn cấu cuộc đời.

Những người thân bị cái cười chặn lại, không nói được cái chuyện độc nhất ám ảnh là ra đi. Ông anh con chú con bác với tôi có lẽ được nhắn nhủ, yêu cầu cho nói chuyện riêng, chuyện đứng đắn. Anh rủ tôi lên sân thượng. Nhìn qua phía bên kia là nhà ga xe lửa trước khi bị phá đi để xây công viên hiện nay, anh thỉnh linh ôm lấy tôi khóc rú lên, nghẹn ngào "...chú ơi, chú làm sao thì làm, mang gia đình đi đi, báo hiếu ông bà...". À, chuyện đứng đắn là thế. Tôi đẩy nhẹ anh ra, nhìn vào cái mặt mếu máo nhưng trên không có giọt nước mắt nào. Muốn cười, nhưng tôi không cười được, chỉ ngại ngừng nói nhỏ, nhưng nói thật, "...thưa anh, em có quyền hành gì đâu!". Nhưng thật kỳ lạ, một người duy nhất hiểu được tâm lòng tôi là một người đàn bà. Bà ít, hay có thể chưa bao giờ, cấp sách đến trường. Nhưng bà có một trí nhớ tuyệt vời, thơ văn thuộc lâu lâu, chẳng phải thơ cổ thời cụ Chu Mạnh Trinh vốn là hàng ông phía bên ngoài cửa bà, mà cả thơ tiền chiến, nào Huy Cận, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Đoàn Phú Tứ... Bà là mẹ nuôi tôi, tính khí rất "đàn ông", góp chuyện ngang hàng với đám tao nhân mặc khách của cha nuôi tôi, nên học kiểu truyền khẩu rất nhiều, và vanh vách kể những thứ giai thoại làng văn chỉ người trong "cuộc" mới biết. Trong khi cha nuôi tôi cứ nắm tay tôi cầu, cái cầu vừa có niềm bực dọc nhưng lại đầy xót thương, và dặn tôi phải cẩn thận thì bà lẳng lặng quan sát, và một hôm, thỉnh linh bà nói lớn, " tao hiểu mày rồi!". Hiểu thế nào, tôi đang ngờ ngẩn, thì bà phá lên cười, cái cười có chất đồng bóng, tiếp "... con ạ! Mày là cái thằng Kiều Phong ấy mà". Ờ, Kiều Phong, hấn là ai? Tôi hỏi, bà đáp, thì cái thằng rợ trong Lục Mạch Thần Kiếm ấy mà! Phải nói khi ấy kiến thức "chưởng" tôi chẳng có gì, và vài năm sau tôi mới biết Kiều Phong họ Tiêu, con Tiêu Viễn Sơn, người cao lớn, râu rậm, võ giời nhưng nhân hậu, chết vì đứng làm con đèm hòa giải giữa võ lâm Trung Thổ và các hiệp khách gốc Khất Đan. Tôi nhỏ con, vốn là nhát, không có (hay nói cho sang, ít) râu, chưa muốn chết nên chỉ xin hai chữ nhân hậu, nhưng thế mới khó, nhận chỉ sợ mình lại hợm mình.

Ở Sài Gòn được vài ngày, Kiều Phong đi Hà Nội dự Hội Nghị Toán Học Toàn Quốc năm 1977, và trước khi lên đường thì cha mẹ nuôi đã sửa soạn một gói quà nhỏ, dặn con đến thăm hai bác hộ chúng tao. Cha nuôi tôi viết vài chữ cho Nguyễn Tuấn, thì cũng lại những nhung nhớ, những kỷ niệm...Phần tôi, có cái gì như một vinh hạnh. Chương tôi chưa đọc, nhưng vẫn bác Nguyễn vừa ngông nghênh, vừa tài tử, lại vừa nhuốm mùi khinh bạc thì Kiều Phong đã thường ngoạn rồi.

3. Hà Nội vào độ nồm, oi ả khó mà tưởng tượng được. Trời hầm hập chiu hơi, nặng như xà xuống, đe dọa. Mùa bão, nhắc nhìn những con chim, con người không có cái tinh nhạy của loài lông vũ ngược mắt lo lắng đợi giông gió. Rồi bão ập về. Cây đổ. Ngói bay. Tất cả tởn tác. Đây, lâu đầu tôi về Hà Nội là vậy. Và cũng là lần đầu tôi tiếp xúc với một xã hội phe XHCN, với nhiều háo hức, và cũng không ít âu lo.

Một buổi tối, sau công việc, tôi nhờ một người anh họ đèo xe đưa tôi đến nhà Nguyễn Tuân trên phố Trần Hưng Đạo. Chỉ vài ngày, tôi đã không còn lạ chuyện phải cúp điện, cái nghèo, và sự tất bật với miếng ăn ở Hà Nội tem phiếu. Hà Nội ta xơ xác, vì *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*, tựa một bài phiếm ký của bác Nguyễn trong những ngày chiến tranh ác liệt. Thế cho nên tôi lần mò trong bóng tối leo hai nhịp cầu thang lên nhà bác như một sự rất bình thường. Và hồi hộp gõ cửa. Tiếng dép nhựa quét sên xẹt trên đá lát, rồi tiếng hỏi ai đấy, thanh âm đèo thời gian mà thanh xuân ở phía đằng sau. Tôi xưng lai lịch, nói rằng có quà miền Nam, nhìn qua cánh cửa vừa hé ra. Nguyễn Tuân đầu bạc, tóc dài chấm đến gần vai, râu lún phún, mắt hấp háy sau cặp kiếng lão, tay dang ra mời vào rồi thủng thỉnh bước.

Tay gạt gói quà sang một bên, bác Nguyễn mở bức thư cha nuôi tôi, đọc chăm chú như không có khách. Rồi bác im lặng châm trà. Lát sau, bác hỏi, giọng trầm như đặc lại, ông Nguyễn bà Thống khoẻ mạnh cả chứ. Tôi gật, dạ thưa bác, bố mẹ cháu vẫn thường. Đẩy hai chén nước trà về phía chúng tôi, bác nhìn ông anh họ tôi, trầm ngâm rồi thốt lên, nhà Nước nên để cho hai ông bà ấy đi ngoại quốc đoàn tụ với con cái chứ giữ ở Sài Gòn làm gì. Câu nói bất ngờ khiến tôi ngạc nhiên, chưa biết ứng xử thế nào, lúng búng :

- Thưa bác, cháu có nghe...

Chưa dứt lời, bác Nguyễn dơ tay lên chặn, buông thông :

- Tôi với anh chẳng họ hàng hang hốc, có gì mà bác với cháu!

Tôi điếng người. Kiều Phong bị lão quái đánh một chưởng đỡ không đặng, ngực tức, hơi thở ngưng ở đan điền, máu nóng dồn lên mà không thở ra được, huyết Bách Hội như có kiến bò vào đốt lầy đốt đề. Vận khí, tay bắt quyết Bình Tĩnh, tôi mặc ông anh họ cũng choáng người vì sức ép của chưởng phong đang... thưa với bác, em nó là người dưới, xưng hô thế là...vân vân. Được, tiểu tử đây tuổi mới ngoại tam tuần, xưa nay đi không đổi họ, đến chẳng giấu tên, mặt mũi dẫu có khó coi nhưng đâu có mang cái tạng *yêu cho roi cho vọt* mà lão quái xuất chưởng Đoạn Tình như vậy. Một lời nói ra, tứ mã nan truy, bốn con ngựa cũng chịu, theo không kịp nữa là. Tay thò ra phía sau, tôi kín đáo bấm vào huyết Ngọc Châm, hít hơi theo thủ pháp Cửu Âm Chân Kinh (sau này luyện sách Kim Dung tôi mới tìm thấy tên), từng bước điều hoà kinh mạch, sửa soạn thế phản công. Nhỏ nhẹ, tôi hỏi :

- Thưa...cụ, cụ vẫn viết lách đều chứ ạ!

Lão quái gật gù, ờ thì vẫn viết! Mượn đà, tôi vuốt gió phẩy chỉ phong, giả như vô tình, hỏi, nghe đâu như nhà văn ở đây đều được nhà Nước trả lương cho viết, phải không ạ? Lão quái gật gù, ờ có thể! Tôi xuyt xoạt bỏ nhỏ, cái lịch sử nước ta nó kinh hoàng và thương đau loại hạng nhất thế giới, chất liệu văn chương đầy rẫy...Lão quái gật gù, giọng trưởng thượng, đúng đấy! A, thế này thì vào *thế* rồi. Không ngần ngại, tôi thình lình vận 10 thành công lực, phát :

- Được nhân dân nuôi cho ăn cho viết, thế bao giờ cụ đoạt giải Nobel cho đất nước này có chút mặt mũi trên văn đàn thế giới? *Không viết mà chỉ lách* thì hy vọng gì?

Chuyện *viết* và *lách*, tôi học được từ cái giai thoại sau. Trong một buổi họp của Hội Nhà Văn, thủ tướng Phạm Văn Đồng hỏi bác Nguyễn, dạo này có viết lách gì không? Bác đáp, viết khó vì phải lách, mà lách thì lại khó, khó lắm. Bác ngược mắt nhìn tôi, vẻ như bảo, đúng là trẻ con. Thế thì tôi phải bồi thêm Loạn Đả chưởng thôi, vận chỉ lực điểm:

- Giá mà cái *Chùa Đàn* của cụ không phải kèm vào mấy chục trang bắt anh chàng nghệ sĩ giác ngộ cách mạng thì chẳng biết chừng là có giải cũng nên...

Nghe câu tôi nói, bác Nguyễn hình như tái mặt, ngả người ra dựa vào lưng ghế. Lát sau, bác chậm rãi :

- Nói dễ, nhưng muốn làm được...khó lắm!

Đáp đòn Đoạn Tình của bác, tôi, con ngựa non háu đá thỏa mãn, hít hơi rồi lịch sự kiếu về nhưng bác Nguyễn giữ lại. Lôi trong tủ chè một chai Johnny Walker đã vơi ra, bác bảo, uống một tí đã. Thế rồi bác thò tay mò cái găm bàn khách, lấy hai cái ly chạm bạc ra, để một trước mặt tôi, một trước mặt bác, coi ông anh họ tôi như không có đấy. Bác lẳng lẳng rót rượu, thẳm thì :

- Nhận bút cho Phở đấy. Ở Liên Xô họ dịch tùy bút Phở, khi mình qua thì họ định trả bằng rúp, nhưng mình bảo, rúp không lấy mà rượu thì lấy, hà hà..

Nhìn bác, quả là chướng. Tội nghiệp cho ông anh họ, lúng túng chẳng biết cư xử thế nào, ngượng ngập nói mình kiêng không uống được rượu. Lão quái lại thần nhiên gật gù. Khinh bạc đến thế thì ... tôi phải đối phó. Đẩy chén rượu đến trước mặt ông anh, tôi bảo, anh thử đi, rượu Tây đấy. Thế rồi chúng tôi im lặng. Và xin kiếu.

Xuống đến dưới nhà, chúng tôi dắt xe men ngõ ra đường. Ngõ khá sâu, có lẽ đến 2 trăm thước, đèn đóm tối om. Tôi ngược lên nhìn. Tầng ba, trên lan can, bác Nguyễn ra đứng nhìn theo cho đến khi chúng tôi đi khuất. Chính cái hình ảnh ấy làm tôi mũi lòng, và thú thật, có chút ân hận trong cách hành xử của mình. Về Sài Gòn, tôi kể lại cho cha mẹ nuôi tôi nghe, cố biến chuyện gặp bác Nguyễn thành một chuyện vui, nhưng khá gượng gạo. Cha nuôi tôi bảo, từ ngày xưa ngày xưa, lúc nào bác ấy cũng làm dáng lập dị. Nhưng còn con, mày ăn nói thế thì ác miệng quá, con ạ!

4. Cũng phải đến 4 năm sau tôi mới lại gặp lại bác Nguyễn. Trước đấy, tôi có về Hà Nội, nhưng ngại gặp bác. Một phần, tôi hơi xấu hổ vì cư xử có gì như quá mức, một phần tôi cứ sợ như trong *Hương Cuội*, bác là kẹo mạch nha cuộn quanh hòn cuội trắng, ngọt ngào tài hoa đấy nhưng vô ý cán vào là có thể gãy răng như chơi. Đầu đông năm 81, tôi ở khách sạn Hoàn Kiếm. Sáng sớm một ngày Chủ Nhật, cô tiếp viên gọi lên phòng báo có người đến tìm. Ai đấy cô? A, tiếng cười khúc khích, tìm anh thì chỉ các cô, có cái cô nào ấy, tóc búi cao... Ấy ư, thật à, và tôi vuốt tóc chỉnh trang nhan sắc, vội vã đi xuống. Phòng khách chỉ có một ông cụ ngồi quay lưng về phía chút nắng hanh len qua song cửa, mái tóc búi củ hành chóa sắc bạch kim. Cô tiếp viên lại khúc khích, tay chỉ, người đẹp đấy! Ô, hóa ra bác Nguyễn. Bác đứng dậy, tươi cười, về đây sao không đến thăm mình, hả? Lúng túng, tôi đáp, thưa...Không nhẽ lại xưng cháu? Thế là tôi bỏ lửng, thành ba cái chấm... trống không. Tôi hỏi thăm, dạo này ...Gọi bác bằng gì đây. Bác? Cụ? Thôi, cứ để bác Nguyễn cũng thành ba cái chấm, như tôi, nghĩa là ...trống không, chứ lỡ miệng lại có thể bị thêm một chướng, lần này Kiều Phong đã nhựt chí đấu tranh, chắc chỉ còn ngậm bồ hòn làm ngọt!

Bác rử, đi ăn bánh cuốn với mình. Thế là một già một trẻ khệnh khạng bước như hai kẻ nhàn du, một lát sau thì đến phố Yết Kiêu, ngay dưới nhà Văn Cao. Bác Nguyễn chào bà hàng, nheo mắt, khùng khinh, bà cho hai suất, như lệ thường. Không hỏi, bà hàng cười, đẩy đến trước mặt chúng tôi hai cái ly nhỏ, rút găm bàn một chút rượu trắng, vừa rót vừa nói, thưa cụ cứ xem rượu sủi tăm thì biết, rượu chào khách đấy. Bác Nguyễn cười, râu mép bàn bật thứ thanh âm khô mà ấm một lời cảm ơn. Bà hàng đổ bánh, hỏi, cậu đây người ở đâu? Tôi chưa kịp đáp thì bác Nguyễn bảo, bên Tây đấy, tận Canada. Bà hàng háp háp nhìn tôi từ đầu chí chân, ngỡ ngàng, thối cụ đừng lờm nhà cháu, Tây gì mà đi dép Bình Trị Thiên, lại mặc cái áo zét bộ đội thế này? Bác Nguyễn phá lên cười sảng sặc, đáp với giọng giễu cợt, thì về đây phải nhập gia tùy tục, ăn vận như thế mới Hà Nội mình chứ. Mà này, bác tiếp, thế nhưng cũng biết nước mắm ăn bánh cuốn mà không có cà cuống là không đậm đà bản sắc dân tộc, vậy xin bà mỗi chén một giọt cho nó thơm. Ở đây, tả cái ngon của bánh cuốn nhân thịt nóng hôi hổi chấm với nước mắm có bột ngọt chấm đầu cây tăm và giọt cà cuống thứ thật chứ không là cà cuống hóa học Thái Lan, tôi xin để hai ông Thạch Lam và Vũ Bằng làm hộ. Tôi chỉ nhắc, hình như lời của cụ Tản Đà, ăn muốn ngon thì người cùng ngồi ăn cũng phải thế nào mới ngon. Như thế, chắc là tôi không bao

giờ quên bữa điểm tâm sáng này. Ăn xong, bác Nguyễn lại chỉ cút rượu, cười khà khà, uống cho nó sạch miệng. Khi đứng dậy, tôi xin phép bác rồi thò tay móc túi. Bác trừng mắt, cái này để tôi, tôi mời... Rồi bác thủng thỉnh, xách cái can lên, ngoái bảo bà hàng, bà ghi sổ cho, như lệ thường.

Chúng tôi lên nhà Văn Cao. Lại uống. Bác Nguyễn nói, chính Văn Cao báo bác tôi về đây tuần trước. Thật kẹt. Với người nghệ sĩ đủ ngón cầm kỳ thi họa này tôi cứ anh anh em em. Bác Nguyễn ở đây, xưng hô thế nào cho tiện. Thế là chúng tôi tiếp tục là ... trống không lơ lửng. Khi về, tôi ngại ngùng nói về chuyện xưng hô và hai chén rượu với ba người 4 năm về trước. Bác cười hóm hỉnh, gọi tôi là ông và xưng tôi, bảo, tôi là bạn với bố ông còn được nữa là làm bạn với ông!

Còn chuyện không mời ông anh họ tôi uống rượu thì bác cười ngặt nghẽo :

- Cái anh chàng đó mình gặp ở Mạc Tư Khoa thời Liên Xô họ mời, làm cố vấn thứ nhất cho Sứ Quán, cứ xoa chân bóp tay nhưng lại bắt ne bắt nét mình cho đứng... thể thức ngoại giao. Ngay cái chuyện nhận rượu thay rúp như tiền bản quyền dịch *Phở* mà cũng khó để, đòi gọi đến ông Phạm Văn Đồng để xin phép...

Bác lại cười. Cái cười tinh quái, nhưng hồn nhiên, chỉ nghịch ngợm! Sau này tôi mới biết uống rượu Tây của bác không dễ. Nghe đâu cũng chỉ vì kéo một đệ tam nhân đến đòi rượu mà không được nên Nguyễn Sáng, một họa sĩ tài danh, không chơi với bác nữa.

5. Trở thành một thứ tiểu đồng hầu rượu bác Nguyễn có cái thú là nghe bác kể chuyện. Bác dí dỏm, biết ngưng câu chuyện ở đúng chỗ, chờ người nghe vừa đủ nóng ruột là tiếp, nhưng lưng chừng, khiêu dụ, úp mở khiến cả người kể lẫn kẻ nghe nhập cuộc - cái cuộc lên đồng ngôn ngữ bắt buộc ít nhất là có hai tác nhân để phát và thu - và nhất là sau thì cười, cười hể hã, cười đủ một trăm cách Nguyễn Tuân.

Hà Nội *ta đánh Mỹ giỏi*, chắc không? Tôi đưa cái tit bài bút ký của bác. Nguyễn Tuân khề khà : *Chắc quá đi chứ lì. Cái trận gọi là Điện Biên Phủ trên không ấy, loa gọi dân sơ tán. Đi, đi đi, nó bom thế này ở lại thì chết. Mình bảo mình, sống thế này đủ quá rồi, đi là phải bỏ những thói hư tật xấu ở lại, như một rượu, như một chè ...và còn cái món thứ ba (giọng hóm) thì thôi, quen nhịn mất rồi (cười), cho nên mình ở lại. Cứ báo động là mình leo lên nóc nhà trên cao, ôm chai rượu, ngất ngưỡng ngắm thành phố đang tối om bóng sáng lòa, đạn phòng không như pháo bông xanh lè, đỏ rực, thi nhau chớp lên nhoang nhoáng, chạy đuổi nhau như chúng giỡn thành những vệt quanh co ngoằn ngoèo định mệnh. Trời Hà Nội lúc ấy đẹp, đẹp vô cùng. Tôi nghe đến đây chặn bác lại, hỏi, thế bác không sợ gì cho thân bác, không nghĩ đến cái chết đang tràn ngập 36 phố phường, B52 chứ có phải chơi đâu, lại nghe có cả bom bi khi nổ bắn ra hàng chục ngàn mảnh. Ôi dào, mặc nó, chuyện nó nổ cứ nổ, chuyện mình ngồi ngắm nó cứ ngắm, duyên phận mà đến thì gặp nhau. Ấy thế mà khi nghe cái đài mình kè kè ở bên cạnh báo bom rơi vào Khâm Thiên thì mình nhói lòng buốt ruột, nhắm mắt lại, và mình nghe tiếng hát của cô Diệp, bà Kim hát những bài hát ả đào một thời xa xưa. Lạ thật, mình tự hỏi, sao lại đau những cái đã không còn mà đứng đưng trước bao nhiêu điều đang bị hủy hoại đi. Mất và còn. Những điều đáng mất, những điều đáng còn? Ôi chao, sao mà phức tạp đến vậy. Lúc đó, thêm một quả bom rơi ngay vào đầu để khỏi bắt nó nghĩ thêm những điều rối như tơ vò...*

Còn rượu, thưa bác, văn nhân nói chuyện rượu có ông kêu đất say cũng lẫn quay ra cười. Bác Nguyễn bắt vào, nhấp môi, ề à : *Ờ, tài hoa sinh ra đủ chuyện như ông trời, khi say mặt cũng đỏ gay, ấy là uống rượu ta, chứ rượu Tây uống đến say thì mặt lại tái nhợt... Để tôi kể cho mà nghe. Thế này, này. Hàng năm, cứ ngày cát-tố-zuy-ê - có người đùa gọi là ngày cắt tóc phi-dê, tức ngày kỷ niệm Cách Mạng Pháp - là mình được Toà Đại Sứ Pháp trên phố Trần Hưng Đạo gửi cho một cái giấy mời, có lẽ vì rằng mình cũng bị bô dẫm ba câu, kiểu c'est la faute de Voltaire! Cho nó "văn hóa". Và năm nào cũng vậy, mấy anh công an chặn ngài cổng, đưa giấy*

mời ra thì các anh ấy làm phận sự lắc đầu, cứ phải vậy đến khi ông Tùy Viên văn hóa ra bắt tay thì công an Ta mới để Tây dắt mình vào...Merci, c'est bien gentil ! Trong sân tòa Đại Sứ, họ bày ê hề, nào là thịt nguội, xúc xích, ba tê, phó-mát đủ loại. Nhưng tuổi mình, ăn không được mấy nên mình cứ sà vào mấy chai vang đỏ, nhắm nháp hết loại này đến loại kia. Cụng ly và nói Vive la révolution - cách mạng muôn năm - thế là mình được lòng cả công chức Tây lẫn công an Ta, cả hai đều vơ hai chữ cách mạng vào cho mình. Năm ngoái, sợ quá chén, đến khi ngà ngà thì mình ngưng, tự nhủ phải giữ thể thống quốc gia nên thôi cụng ly, thôi hô khẩu hiệu, và khi đi về nhà vẫn còn nói được au revoir, Monsieur l'ambassadeur, à l'an prochain. Ấy thế mà đi được dăm chục thước trên hè phố, vừa đến ngay trước cửa Sở Công An Thành Phố thì mình xây xẩm mặt mày, bèn ngồi thụp xuống bên hè đường. Thế là một anh công an ra hỏi, mình khai chóng mặt có lẽ vừa mới uống rượu Tây và vừa hô cách mạng muôn năm. Anh ta tưởng mình xỏ xiên, gọi thủ trưởng ra giải quyết, nhưng anh này lại biết mình, liền đưa mình về nhà, cũng gần đấy. Vừa mở cửa, bà nhà mình nói giỡn, say gì mà mặt lại xanh lè tái nhợt thế kia. Mình đáp, rượu đỏ của Tây ngày Cách Mạng Pháp cất tóc phi-dê, nó thế. Còn rượu Ta trắng tạch trắng toạc, ngày Cách Mạng Ta, uống dẫu đỏ mặt nhưng lại không say được, bà ạ!

Đấy, văn chương truyền khẩu theo thủ pháp đa nghĩa, ám chỉ, và ẩn dụ đâu cứ đợi thời Đồi Mới "cởi trói" mới lộ diện trong chốn võ lâm.

6. Cha mẹ nuôi tôi thế là đi. Qua Pháp, rồi Cali, một cuộc đoàn tụ với những người ở xa. Và chia ly với những người ở lại. Ở cuối đời, thế là hết. Căn hộ xưa phố Tô Hiến Thành ở Hà Nội nay công an quản lý. Di cư, cái nhà hai tầng trong hẻm số 54 đường Nguyễn Bình Khiêm. Rồi nay, vượt biên đoàn tụ thì căn nhà trên Phan Kế Bính, ai muốn ở thì ở, có tiếc chẳng là bao nhiều kỷ niệm những độ đổi đời. Gặp đưa con đi hoang, cha mẹ tôi tới tấp hỏi ai còn ai mất, và tất nhiên là có ra thăm bác Nguyễn không. Dạ có, tôi đáp. Bác vẫn khoẻ mạnh. Đưa những bức ảnh ngày tôi "lên xe hoa" ra cho cha mẹ nuôi tôi xem, tôi chỉ đây bác Tuấn đây này. Cha nuôi tôi nghiêm mặt hỏi "cưới hỏi thế có phép tắc gì không?". Tôi thưa, dạ không, cứ làm đại! Ông lắc đầu, bật miệng, hồng rồi. Đến khi tôi đưa ông đọc bản đề trình của tôi lên Hội Đồng Bộ Trưởng về Ổn Định và Phát Triển Kinh Tế Việt Nam thì ông bực tức kêu, thế thì hồng thật, hồng hết rồi. Sau đó, ông mắng tôi "cái Cộng Sản trong đầu con là thứ do mấy thằng trí thức Tây Âu có truyền thống nhân văn tưởng tượng ra, không có thật, và khác một trời một vực với cái Cộng Sản phương Đông kiểu Mao. Con viết thế này, đề nghị toàn những chuyện động chạm đến cơ sở nền chuyên chính của họ thì làm sao có đưa nào nó gửi cho được! Hồng hết rồi con ạ!"

Vâng, hồng thật. Và không hồng cũng chẳng được. Có những sự việc tôi chưa bao giờ kể lại cho cha tôi nghe. Chẳng hạn như khi tôi đi ăn mỳ ở Chợ Cũ ở Sài Gòn. Ăn chưa hết, một bầy con nít xô vào tranh mỳ thừa nước cạn, và tôi về khách sạn, nước mắt rùng rùng, thề rằng sẽ bao giờ cũng đứng về phía những kẻ đói ăn. Chẳng hạn như khi tôi ở Hà Nội, có một người con một vị tai to mặt lớn trong Học Viện Quân Sự đến tỉ tê, cái kho vũ khí Long Bình cướp được của Mỹ để lâu ngày nó hồng, mà mình không dùng, nhưng biết đâu những nước Trung Đông lại chẳng cần. Anh lại thông thạo tiếng Anh, tiếng Pháp, và có cái hộ chiếu Canada muốn đi đâu thì đi... Lắc đầu, tôi làm như không hiểu, lơ đi, ngu ngơ nói chuyện xây dựng một nền kinh tế đa thành phần và những thứ... vân vân ... trên đầu lưỡi bọn "tư sản mại bản". Chẳng hạn như khi tôi lên lớp về Kinh Tế cho cán bộ giảng viên của Đại Học trong Thành Phố Hồ Chí Minh thì ngay bàn đầu có một cô học viên xinh xắn, mặt mũi son phấn điểm trang, và áo quần thì màu sắc chứ chẳng phải đồng phục áo trắng quần bà ba đen như mọi người. Lên máy bay ra Hà Nội vào thời ấy cực khó, nhưng cô ta lại ngồi ngay ghế bên cạnh tôi. Đến sân bay Gia Lâm, cơ quan tiếp tôi không ra đón. Cô học viên thì lên xe Volga, cho thầy đi ghé, và tỏ vẻ mời thầy ngày chủ nhật nghỉ thì đến nhà em chơi! Tôi đến, biết cha cô là một vị Trung Ủy, và được cô ta dẫn đi tham quan khi thì chùa Trấn Quốc, khi thì đền Ngọc Sơn...Chỉ có thế mà vị

quản lý tôi, cấp Thứ Trường, vỗ tay reo “ nhất cậu, cơ quan bọn mình là “nhà trai” đấy nhé, nào lên kế hoạch đi!” Bỏ mẹ, tôi kêu thầm, thế này là thế nào. Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên. Và lại, đến tay cô ấy mình cũng chẳng dám cầm, nữa là...Thế là tôi đánh trống lảng. Ông Thứ Trường cúi, nói gần như quát, “ cậu đi chơi với con gái nhà người ta nay cả Hà Nội biết, không lấy là họ mang tiếng. Cậu có biết nhà người ta là nhà nào không, cũng gốc Nam Định mình...” Ấy chết, tôi lúng búng, “thưa anh đi chơi đúng hai lần, chỉ chùa Trấn Quốc với đền Ngọc Sơn thôi, để còn “tìm hiểu” đã chứ!”. Tìm hiểu chứ chứ “ quát ngựa truy phong nhé “. Ông cấp Thứ Trường này là công an, chứ đùa. Nhưng tẩu vi vẫn là thượng sách. Làm thế nào đây? Anh bạn mới quen là nhạc sĩ Hồng Đăng tài hoa nhưng phận có hơi mất màu vì nắng gió bàn, cứ lảng quăng tấc tắc với tớ thì... ắt “nhà gái” sẽ gãy ra, khỏi phải chạy. Thế là tôi theo bạn vào Xưởng Phim thăm những diễn viên, nào Thanh Quý, Phương Thanh, Kim Thanh...Rồi đi uống cà phê, gặp anh em Nhân Văn Giai Phẩm, chẳng còn có vẻ sợ chuyện “quan trên trông xuống người ta trông vào”, nhưng cũng xin nói ngay là chẳng có làm cái gì mất mỹ tục để có thể mang tội hủ hóa trụ lạc...

Nhưng anh hùng bất quá mỹ nhân quan, bắt đầu là đùa nhưng sau đâm hóa thật. Cái nhìn của nàng có bóng tối, và chính niềm u uẩn đó khiến tôi sau này lao vào một chuỗi những đêm màu đen có lúc tưởng mình không còn ngày thấy ánh sáng. A, cái ả mỹ nhân! Ôi chao, vực sâu chưa rơi thì vẫn gọi mời, và gió thốc từ đáy vực tăng tốc độ hút hẫng đến chóng mặt hôn mê. Bạn tôi, Nguyễn Duy, từ Sài Gòn ra. Nào, tôi lấy vợ! Nhất định chẳng hỏi phép tắc ai, chuyện cá nhân mà ỉ! Thiệp cưới, không có giấy cạ-tông ở giữa một thủ đồ xơ xác, Đăng chạy mua (xin?) những cái tấm làm phiếu sách của thư viện. Báo hỉ, phải màu chứ không lẽ lại đen thùi lùì. Mực in màu đỏ thì báo Nhân Dân độc quyền. Duy đi cầu cứu Nguyễn Văn Bồng ở Hội Nhà Văn; Bồng viết, giới thiệu đồng chí...Tổng Biên Tập báo...về nước cưới vợ (!), xin các cơ quan hữu trách tích cực giúp đỡ. Nhà in báo Nhân Dân in xong, người đầu tiên Duy mang bó thiệp cưới buộc bằng lạt đến mời là bác Nguyễn. Bác nheo mắt, nói với Duy, tao nghĩ thế là nó lấy phải công an đấy, bảo nó thế! Ừ thì thế, thế thì phải thế. Lê Đạt vỗ đùi, cười bổ bã, chú mày thế là mang về cho anh em chút dưỡng khí để thở. Trịnh Công Sơn không ra được Hà Nội, hẹn về Sài Gòn làm thêm “ đám” nữa cho anh em trong này. Trần Dần viết tặng 5,6 trang thơ, chữ như kiến bò, kêu *nợ tình nợ bạn nợ thơ, n~ nợ cosmic bao jờ cho xong* trong cái *hỉ khúc xíc thẳng*. Đặng Đình Hưng thì chép *thanh xuân = hạnh phúc* và chép một đoạn có câu *ghé bên cắn một quả vả màu xanh chưa chín...* mãi hàng chục năm sau mới xuất hiện trong Bẽn Lạ. Còn Hoàng Cầm, lại chạnh nhớ những mối tình với *Chi*, lảng đãng nhắc *thuở ấy mây Em tìm núi Chi, giữa mặt hường hoa khép gió xanh ...*

Chỉ ảnh bác Nguyễn đi ăn cưới, cha nuôi tôi lằm nhằm một mình, trông hần thế là vẫn khoẻ. Như sực tỉnh, ông nhìn tôi, nhắc lại, “... thế là hồng, hồng thật rồi! Con chưa sự nghiệp gì, bắt quá có cái nghề kiếm ăn, vừa bỏ qua một cái dịp để thi thố...” Tôi thật không hiểu, hỏi, thì ông đáp, sự nghiệp là làm được cái gì cho người khác, đồng loại, đồng bào. Rồi ông thở dài ”...con có tí kiến thức kinh tế, nhưng chỉ chữ với nghĩa, việc thật là đi kinh bang tế thế thì bây giờ chẳng làm được nữa, hồng rồi! ” Mấy ngày sau, trước khi tôi lên đường bay về Canada, cha nuôi tôi vỗ vai, bảo, hóa ra con cũng là giống nòi tình. Vậy thì sau này nhớ câu chuyện về bác Nguyễn. Ông thủng thỉnh : “ Xưa bác ấy đưa tao xem cái truyện bác viết về một anh đánh giậm, ngày nào như ngày nấy, đều đặn sáng trưa nơi đồng không mông quạnh, đều đặn đến nỗi chỉ nhìn bóng anh trên mặt nước là biết mấy giờ, như một cái kim đồng hồ mà không cần răng cưa, trục quay, giây cốt. Tao đọc, chê là bất cập nhân tình, viết thế là không được! Tao bảo, con người là *người*, ác có thiện có, nhưng ở cực nào thì cũng không thể kéo xuống để *thành* ra và là bất cứ một thứ dụng cụ vô tri vô cảm nào, dẫu nó tinh vi cách mấy cũng vậy. Sau, chẳng biết bác làm gì với cái truyện ấy, bác vốn ngang như cua, tính thì kênh kiệu. Nhưng con có hiểu tao nói gì không? Điều này mới quan trọng...”

7. Mặc chứng ung thư ác tính, những ngày cuối cùng của cha nuôi tôi có thể ước chừng. Tôi lại bay sang Cali. Những ngày đầu hạ ở quận Cam có thoáng ngậm ngùi, mặc dầu trời rất cao, rất xanh, và nắng trải lên mạ vàng cây cỏ. Cha tôi cho tôi cuốn Kim Cang Kinh. Ông bảo, cụ Nguyễn Du khi xưa đọc nó hơn ba nghìn lần. Cười móm mém, ông tiếp, chữ *không* của nhà Phật tao hiểu là *tự do*, và cái làm mất tự do là *nỗi sợ*. Nhưng tại sao lại sợ nếu như ý thức được không có gì là có, cũng không có gì là không, vì đến cái *ngã* cũng không thì có cái gì gọi là có... Rồi ông chậm rãi, mắt hấp háy nhìn lên đỉnh cây chao trong gió sớm, đọc *Sống không tham, tham gì? Chết chẳng sợ, sợ gì? Sống chết thì cũng thế! Vậy tham gì sợ gì.*

Hai tháng sau, cha nuôi tôi ra đi, khi tôi đã xa cách ông đúng 6 giờ chim bay với vận tốc Boeing trong những chuyến bay xuyên lục địa. Đúng năm giờ sáng, tôi được báo tin qua điện thoại, thức dậy ngẩn ngơ ngồi dựa vào vách, một lát thì mơ màng. Ông đến đứng sau gọi. Tôi quay lại, ông cười, lại cái cười móm mém, nhưng mắt hóm hỉnh, hỏi "mày tưởng tao chết hả con..." Tai tôi vang lên câu kệ tử sinh đồng nhất thể, hà úy hựu hà khinh...

Năm sau, tháng 7 năm 1987, tôi được tin bác Nguyễn cũng theo bạn mình sang cõi khác. Chợ Hà Nội sạch hoa. Bao nhiêu hoa những kẻ biết ơn chữ đã mua hết để mang viếng bác, người tài tử đã thổi vào ngôn ngữ mảnh đất này những nét hào hoa kênh kiệu Vang Bóng Một Thời trước Tổng Khởi Nghĩa chống Pháp. Đó là một thời Ta. Cha nuôi tôi có kể, bác ấy cứ ấp ủ viết thêm Vang Bóng Một Thời Tây. Còn thời Mỹ, bác Nguyễn thờ ra, thôi để cho thế hệ sau chứ mình thì già mất rồi. Ôi chao, thật tiếc, thời Tây cho đến nay vẫn chưa kịp vang bóng, nói chi đến thời Mỹ, dư âm nếu còn vang vọng thì cũng chỉ độc là tiếng nổ của đủ loại súng bom mang thử nghiệm trên những xác người. Khi bác ra người thiên cổ, Nguyễn Minh Châu kể, một hôm râu tóc run rẩy, nước mắt tràn ra trên má trên môi, bác vừa khóc vừa nói " *...mình tồn tại được cho tới nay là bởi biết sợ!* " Thương làm sao, cái nghiệp nhà văn An Nam, sống đã khổ như chó, mà lại là những con chó lấm lét cụp đuôi biết sợ trong một góc nhà!

Nhưng chết thì sao? Những vòng hoa của bao nhiêu kẻ ngưỡng vọng không phải là một niềm an ủi lớn à? Tôi hỏi Bửu Chỉ, người có mặt ở Hà Nội khi bác Nguyễn mất, khi anh sang Pháp làm triển lãm hè năm 88. Không đáp, Bửu Chỉ kể, ông ấy nằm ở nhà xác chờ các thứ cơ quan như Hội Nhà Văn, Hội Liên Hiệp Nghệ Thuật... họp để bàn giao xem nơi nào làm chủ lễ tang, kinh phí đào ở đâu ra, tri trả thế nào...Ba ngày liền phải chờ, trời thì nóng, Hà Nội mất điện liên tục nên xác ông ấy bắt đầu trương lên, chuột nó vào gặm cái tai trái cắn nát ra, da mặt đã xám lại. Để trang điểm cho ông, người ta lấy phấn viết bảng nhà trường ghiền ra bôi lên mặt. Còn môi ông, người ta thoa son, son loen ra cảm nhếch nhác, trông chẳng khác gì hèn trong những vở chèo. À, thì chết như vậy, hỏi có nào lòng, hở Trời!

8. Về Hà Nội, việc đầu là tôi đến thắp hương vái bác Nguyễn. Vẫn căn phòng với giá sách bám bụi như xưa. Nhưng thôi, đâu rồi cái giáng gù gù, mái tóc bạc xõa đến gần vai, và nhất là cái nhìn hóm hỉnh đèo nụ cười nửa miệng. Nay, có khác là cái bàn thờ đặt ngay lối vào phòng. Nay, chỉ còn bức ảnh bác lặng lẽ trang nghiêm đặt trước một bát nhang đầy tro rả xuống nhắc chuyện về nơi cát bụi. Bác gái bật diêm cho tôi châm hương, thì thào, ông nhà tôi đi sau ông bạn già đúng một năm, đôi lúc không còn tỉnh là hỏi tôi có tin gì từ bên Mỹ không...Còn tôi, tôi chấp tay vái, tai văng vẳng câu " *... mình tồn tại được cho tới nay bởi biết sợ* ".

Như bác Nguyễn mà phải sợ thì hỏi có ai mà không sợ? Nhà văn Kim Lân kể, trong một buổi họp hành gì ở Hội Nhà Văn, bác Nguyễn bức dọc kêu với đồng nghiệp rằng gì cũng sợ, nhưng ngẫm lại thì chẳng biết sợ cái gì! Bác nói, rồi uể oải chống batoong đi ra. Nhưng lần này, lần đi cuối, chắc bác chẳng cần cái sợ theo chân. *Sống chết thì cũng thế, vậy sợ gì tham gì*, chắc chắn người bạn già của bác cũng đã đọc cho bác nghe rồi. Nói chuyện với anh Lân, ngày đưa bác đi Văn Điển quả bao nhiêu hoa ở Hà Nội đều là hoa tiễn bác. Và từ thời đám tang cụ Hồ,

chỉ lần này dân Hà Nội mới lại tự động xuống đường đưa đám một người. Lại một người không quyền cao chức cả mà chỉ mang danh phận nhà văn. Aidám *bảo bặc là dân nào?*

Danh phận nhà văn? Trí thức phương Đông xưa "trung quân", và nay tiếp tục phò chính thống như một cái nẹp tiêm thức bao che một loài vi khuẩn mang tên nô vong. Thịnh thoảng mới có một Nguyễn Hữu Chinh, một Cao Bá Quát, hay một Hồ Xuân Hương, những người dám nổi loạn. Ngoài ra, phần đông họ ngâm vịnh cho sướng miệng, đánh tráo nghĩa bằng chữ, và thường mang giấc mơ tiền vi quan, dẫu cho quan thì nhất thời nhưng dân vạn đại vẫn cứ vạn đại là loài thấp cổ bé miệng. Nhưng may thay, chính những kẻ thấp cổ bé miệng đó mới đồng thanh tương ứng với những người cầm bút nói thay được ước vọng ngàn đời của họ để âm vang của những con chữ có nghĩa sẽ truyền qua vách vức thời gian...

Bác Nguyễn, thế là đầu đó đúng 18 năm bác đã thành người thiên cổ. Năm kia, phúng bác dăm câu thơ. Năm nay, chép lại một đoạn,

...

*Viết toạc trời xanh
chữ người tử tù*

*Những chữ ngoằn ngoèo
rạch mây nhỏ máu
Ồ này,
một thời từng vũng...*

Vũng nào vang bóng chốn thiên thu ?

Gửi bác với tấm lòng kẻ hậu sinh này ngày xưa đã đi tìm một trăm cách khóc để khóc bác.

Ném bút chì

Ít bữa nay, Lý Văn buồn bực hiện ra mặt, bỏ nhà ra đi đến hai ba hôm. Nhiều người lạ mặt đến hỏi, vợ con Lý Văn đều không biết thế nào mà trả lời. Những người khách dữ tợn ấy có khi trở lại đến hai ba lần. Không được gặp chủ nhân, họ không lấy thế làm hậm hực. Vợ Lý Văn có hỏi gặng, họ chỉ trả lời nhiều câu nghe rất ngang tai :

- À anh em chúng tôi cũng là tay chơi như ông Lý nhà ta đây. Hễ ông Lý có về, bà nói dùm cho là có bọn Huân ở Kim Sơn ra thăm. Bá Huân, bà nhớ thế cho. Và có tin gì hay, xin ông Lý nhà cho anh em biết sớm.

Bọn Bá Huân Kim Sơn đi chưa khỏi thì lũ chó mèo ở ngoài cổng lại sủa vang lên một hồi. Lại ba bốn người nữa đến hỏi thăm ông Lý.

Người nào cũng quần khăn đầu riu. Người nào trông cũng gian ác, hung bạo.

- Chúng tôi là người Tam Tổng. Ở nhà lâu ngày tù chân quá, nhân đi qua đây, ghé thăm ông Lý nhà và hỏi xem có công việc gì mới đáng để anh em đỡ tay hộ không.

Bà Lý Văn, trước những câu tự giới thiệu rất lạ lùng của bạn chồng mình, chỉ biết dạ và thưa và luôn miệng mời khách hãy ngồi chơi để cháu đi đun nước.

- Thày cháu đi lên tỉnh vắng, bà Lý nói.

Mấy ông khách người hạt Tam Tổng không chịu ngồi yên một chỗ để soi một khẩu trà. Họ cũng không chịu ngồi yên để chờ đợi ấm nước trà đun sấp sủi. Họ chắp tay ra đằng sau lưng, lưng thưng dạo quanh nhà một vòng. Đàn chó meo tha hồ mà sủa, mà rộ ; có lúc chúng chồm vồ lên lưng khách. Khách vẫn thản nhiên để cho đàn chó nhà bà Lý gặm bắp chân. Bà Lý vừa quát lũ chó một cách vô hiệu, vừa để ý ngắm đến những bắp chân tròn trĩnh của mấy ông khách lạ. Thì ở đấy, có cần gì đợi lũ chó nhà bà Lý cắn, trên làn da chân bóng như đồng đen kia, đã loang lổ nhiều vết sẹo rất to, cái thì trắng nõn nước da non đang lên, cái thì đen thẫm màu thịt thối thâm đã lâu ngày.

Đàn chó xem chừng cũng chán mấy người lạ kia ngهنh ngang trong nhà chủ mình và có ý coi cái khoảnh sân vườn này như là của họ. Trái với những lần khác thấy những người lạ qua đây có cầm que hay là gậy tre gai với sự rụt rè kiêng nể là chúng hấn vồ và đuổi nhiều, lần này đàn chó meo, sau một hồi thị oai suông, đã lảng xa mấy ông khách người Tam Tổng.

Sau một hồi " nhỏ to " ở giữa sân, họ nói chỗ vào trong nhà :

-Thế ông Lý có nói bao giờ về không ?

Từ trong nhà thấp, thiếu ánh sáng của ban ngày, tiếng bà Lý đưa ra :

- Dạ, thày cháu hôm đi, không thấy dặn gì cả. Xin mời các ông vào soi nước kéo nguội. Ngoài sân mấy ông khách vẫn thì thầm bàn tán. Họ không trả lời mời nước của bà Lý. Trong một lúc gất gồng, bà Lý chỉ nghe được một mẩu chuyện lúc họ nói to : " ... chả có nhẽ lão Lý lại đi đánh một tiếng bực bất thình lình như vậy. Bao giờ lão đi, cũng có anh em mình tả phù hữu bật. "

Thế rồi họ kéo nhau đi, sau mấy mồi thuốc lào kéo đến tụt nõ và sau mấy câu chào hỏi rất kịch cõm ngô nghê. Bên chiếc điếu cày dài đến thước rưỡi ta, họ còn để lại một cái hộp tròn đựng thuốc lào. Nắp hộp làm bằng vỏ cam khô. Lúc vỏ cam còn tươi, ở trong khuôn ép, người ta đã tỉ mỉ trở lên đấy cái mặt hổ phù.

Cai Xanh - người khách có hộp thuốc lào này và vừa ở đây ra - Cai Xanh là một " tay chơi " nổi tiếng ở mấy vùng Thanh Nội và Thanh Ngoại. Những tay anh chị trong đám cướp lớn có tổ chức hẳn hoi thường được biết đến tiếng Cai Xanh. Và những người ăn cướp chưa được gần y thì chỉ thèm muốn có một dịp nào nhập vào đảng y để được biết rõ đến nghệ thuật của một kẻ đàn anh. Người ta biết đến Cai Xanh, người ta lại biết luôn cả đến những đồ vật mà Cai Xanh hay giắt luôn trong mình. Như con dao hai lưỡi, cái hộp thuốc lào v.v... Con dao hai lưỡi ấy, ít khi Cai Xanh phải dùng đến. Khi phải dùng đến thì thế nào cũng có kẻ bỏ mạng. Trong những phút rất nguy nan, phải giết kẻ khác để gỡ lấy mạng mình, chưa bao giờ Cai Xanh chịu phóng dao và bỏ dao lại trên chiến địa. Hóa cho nên con dao đó, sau những khi cắm ngập vào thớ thịt còn nóng hổi giòng máu của bao nhiêu tử thi, dao đó lại trở lại nằm trong hầu bao của Cai Xanh. Chung quanh con dao thép sáng ngời, một huyền sử kính sợ đã bao trùm, cũng như một huyền sử khác đã chạy chung quanh cái hộp đựng thuốc lào của Cai Xanh.

Những lúc nhàn tản , không dự một đám cướp to nào, những lúc nhỡ độ đường không có tiền trả những hàng quán hẻo lánh trên con đường thăm thẳm, Cai Xanh đã lễ phép nói với bao nhiêu là nhà hàng :

- Tôi lỡ quên không giắt theo tiền trong người, nhà hàng cho tôi gửi tạm vật này làm tin, mai một tôi sẽ cho người nhà tới chuộc nó về.

" Nó " đây là cái hộp thuốc Lào ở trên dán nắp vỏ cam có khắc cái mặt hổ phù. Những chủ quán ở rải rác trên con đường Điện Hộ phần nhiều cũng là đầu trộm đuôi cướp cả. Khi nào họ không đi ăn cướp được thì họ là người lương thiện, mỗi ngày rót vào bát đàn vài lượt nước trà xanh nóng hổi cho người đi đường giải khát. Họ vừa rót nước, vừa nheo cặp mắt lại như muốn đếm tách bạch ra từng đồng tiền đồng trên tay nài khách qua đường nghỉ chân. Không biết ai đã nói chuyện cho họ nghe từ bao giờ về cái hộp thuốc Lào của Cai Xanh mà, mỗi lần thấy người khách ngang tàng kia gửi vật mọn đó làm tin thay cho món tiền thiếu, chủ quán nào cũng đều xoa tay, không dám nhận.

- Dạ không dám. Khi nào ông anh sẵn thì cho đàn em xin. Cái đó có là bao mà dám phiền lòng ông anh.

Cai Xanh cả cười ... ra đi. Cái cười rất hóm hĩnh đó thay một câu hỏi gần như thế này : " - Mấy chú em bán quán ở vùng này cũng đã biết rõ đến ta sao ? "

Hôm nay, cùng một vài bạn lợi hại đến thăm Lý Văn mà không được gặp. Cai Xanh có ý vờ bỏ quên lại hộp thuốc Lào, để nhắc cho chủ nhân biết y đến không phải là việc phiếm và khi nào về nhà, chủ nhân nên triệu y đến ngay. Vì có việc cần phải bàn. Cái chuyện lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc Lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để " đánh một tiếng bạc lớn " nghĩa là cướp một đám to.

Thế mà, không hiểu rõ một tí gì, bà Lý Văn cứ phàn nàn cho mấy ông khách Tam Tổng đến chơi đã không gặp được chồng mình, lại còn bỏ quên đồ vật. Xa xôi hàng mấy ngày đường, đến bao giờ các ông ấy mới trở lại đây để nhận vật bỏ quên. Mà bây giờ các ông ấy đi hẳn đã xa lắm, biết đuổi theo thế nào cho kịp.
Một ngày nữa lại hết.

Vào buổi sớm ngày thứ hai, một thôi tiếng chó sủa vang ngoài cổng, mở đầu cho cái ồn ào hàng ngày trong gia đình nhà Lý Văn. Bà Lý ngừng tay dưới bếp, đã tưởng chồng mình về. Té ra chỉ là một ông khách lạ mặt nữa, đến hỏi thăm chồng với sự nóng nảy của một người quen vội vàng. Y tỏ vẻ thất vọng, xin đi ngay. Bà Lý muốn ông khách hấp tấp kia cho mình biết tên. Khách cười. Trên khuôn mặt đen như cột nhà cháy, nở ra hai đường răng trắng nhớn. Ông khách chạy vội ra phía đầu trái nhà, vợ lấy cái mai dựng ở tường, móc túi lấy con dao găm, khắc vào cán mai một đường tròn đều như tiện, trao mai cho bà Lý.

- Bà cứ đưa cán mai này cho ông Lý nhà, tự khắc ông sẽ biết. Độ chiều mai tôi lại sang chơi. Xin ông Lý đợi cho.

Bà Lý Văn cũng chỉ biết vâng dạ cho qua chuyện. Từ ngày bà làm bạn cùng ông Lý Văn, đến bây giờ đã mấy mụn con, bà chưa từng được biết chồng bà có những người bạn lạ lùng đến như thế bao giờ.

Lý Văn đã về. Không kịp bỏ khăn áo, Lý Văn đã nằm ềnh ra giữa phản. Từ chối hết cả những lời mời mọc ân cần của vợ hỏi ăn cơm hay là ăn cháo hay là dọn rượu, Lý Văn chỉ nằm ngửa nhìn thượng lương nhà, tay trái vất lên trán, có chiều tư lự không cùng. Trên mặt y, chốc chốc những đường gân lại dẫn dúm lại vì dày vò của suy nghĩ.

Bà Lý mon men lại gần chồng :

- Mấy hôm thày nó đi vắng, có đến đêm bảy ông khách lạ đến hỏi thăm. Các ông ấy đều không

nói tên. Có một ông khắc cái gì vào cán mai này và dặn đưa ngay cho thày nó xem. Bà đưa cho cho chồng cái mai có tiện một nấc ở đầu cán.

- À, Phó Kinh ! Thế người ta đến từ bao giờ ?

- Sáng qua. Theo lời ông ta hẹn, có lẽ chiều nay ông ta trở lại đây.

Lý Văn tự nói một mình :

- Mình đang tìm Phó Kinh. Thôi được rồi, có cây " bút chì " này giúp sức, ta không lo gì nữa.

Bỗng Lý Văn ngồi nhồm dậy. Y vừa nhìn thấy ở mép bàn thờ cái hộp đựng thuốc lào con con. Y vội quờ lấy cái hộp có in mặt hổ phù.

- Ấy, của cái bọn ông khách gì nói là người vùng Tam Tổng đấy. Ông ta lúc đi bỏ quên. Tôi bận trẻ không kịp chạy theo để trao trả cho ông ta. Thày nó giữ lấy vậy.

Lý Văn không để ý đến nhời vợ, ngắm nghía hộp thuốc lào với nỗi sung sướng hoàn toàn, lim dim mắt, nói như người mơ ngủ :

- Cai Xanh ! " Tiếng bạc " này, thế nào cũng ăn to. Một cây " bút chì " của Phó Kinh và một cái lá chắn của Cai Xanh, thế nào đám này cũng lọt. Ta đang thiếu hai tay này. Chắc thế nào Phó Kinh cũng tới tìm Cai Xanh. Và có lẽ họ đã gặp nhau ở giữa đường rồi cũng nên. Tất thế nào chiều nay hai người cũng có mặt ở đây một lúc.

Thế là Lý Văn đã truyền cho vợ đi lấy độ chục chai rượu ngon và quát tháo người nhà bắc ngay nước sôi để làm lợn. Bà Lý Văn không hiểu gì cả : chồng bảo thế nào, bà chỉ biết làm theo. Từ những ngày nào, trong cái gia đình này, mỗi một lời nói to của ông Lý là một mệnh lệnh. Một mặt, người nhà chộc tiết lợn, tiếng con vật bị đâm dao bầu vào cuống họng kêu oeng oéc. Một mặt bà Lý đi ra đầu làng để liệu cho xong cái khoản rượu.

Lý Văn chạy tới tấp như một kẻ chức sắc gặp ngày phải đương cai. Ngồi ở nhà được một chút, y nghĩ thêm được một điều gì, y lại vụt chạy đi rất lâu.

Y chạy đi chạy về như thế, tính ra đã được ba lần. Đến lần thứ tư thì y dắt luôn đến năm sáu người cùng về, trong số đó có cả Cai Xanh và Phó Kinh.

Người ta nói cười oang oang. Lý Văn vào nhà trước, trải vội chiếc chiếu cạp điều phủ mặt ván ngựa.

- Mời các chú vào trong này.

Cả bọn kéo lên giường sau khi rửa chân cạn, hai bàn chân bấn vổ vào nhau mười lượt. Cũng như từ bao giờ, bà Lý đã lẩn đi đâu mất. Ông Lý đã dặn vợ hễ khi nào ông có đồng bạn lạ đến uống rượu thì bà nên vắng nhà. Vì thế, dọn xong rượu, lần nào bà cũng đi biệt.

Người ta ngồi vào mâm rượu với sự uể oải của người không đói ăn, với sự buồn bã của kẻ dự đám hiếu, với sự nghiêm trọng của một người biết trước bữa rượu này là khơi mào cho một việc quan hệ cần phải giải quyết trong hơi men nồng.

Thực khách đều giữ một vẻ mặt bí mật.

Trong số mười chai rượu, thì đến bốn năm cái đã là vỏ thủy tinh không. Chiếc mâm đồng thược rượu có lót lá chuối tươi, đựng thịt thủ thái dối đầy tú hụ lên thế, lòng mâm thịt đã vơi đến một phần ba. Một vài người dặng háng. Đồi ba kẻ về sẵn những mồi thuốc lào, mắt nhìn trừng trừng vào người đang rít điếu cày.

Lý Văn khạc mạnh. Y giả vờ gọi đầy tớ thực to. Không có đũa nào thừa, y tùm tùm :

- Thừa các quan, nhà vắng cả, xin các quan bàn qua lại việc đó. Rồi để phân phát ngay công việc cho anh em và định ngày làm.

- Còn định gì nữa, Cai Xanh ngắt câu chuyện. Nếu có làm thì làm ngay đêm nay đi. Nhân thế đêm nay lại tối trời. " Tiếng bạc " này, em xin thừa để bác Lý biết : nếu đêm nay không mở ngay đi thì " tiếng bạc " đến vỡ mắt.

- Cũng được. Vậy thì anh em cắt và nhận công việc luôn đi.

Phó Kinh bây giờ mới lên tiếng :

- Cứ như lệ cũ mà theo, vẽ vôi cắt đặt lại làm chi cho thêm phiền ra. Thì cũng lại cầm lá chắn là anh Cai và đánh " bút chì " là em chứ còn ai vào đây. Nếu có neo người thì anh Lý nhà đỡ cho một cây " bút chùng " kèm sát bên cạnh em cho em vững tay ở những đường độc đạo. Còn các chú nó đây - Phó Kinh sòe tay chỉ mấy người ngồi ăn từ nãy chưa nói gì - thì chia nhau ra mà đỡ lấy việc vặt như thả chông, bật hồng, vắn vắn. Còn thì mới đến người ngoài. Các ông anh nghe đàn em lạm bàn thế đã tạm ổn chưa ?

Phó Kinh tu một hớp rượu đánh ực. Cả bọn đều nhao :

- Thôi, thông lắm rồi. Vậy thì nhất định đêm nay hết trống canh hai bắt đầu cắt quân. Sang đến đúng đất bên ấy, vừa vào giờ tý.

Cả bọn lại đều một loạt đánh ngã vài chai lớn nữa. Rồi trong không khí ồn ào, người ta đọc đi đọc lại cái câu : " Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi ". Cả bọn đều lấy làm thương thức câu đó và mỗi người đều tự đặt ngay mình vào địa vị người anh hùng. Phó Kinh đã nóng mặt, sấn tay áo, ngồi chửi đồng :

- Này phải biết, một cây " bút chì " của em, em dám chấp cả một áp người. Có một cây " bút chì " mà đánh cho sát đòn, thì đây nhất nhân địch vạn nhân, à, phải biết thế mới được.

Nói xong, Phó Kinh nhảy xuống đất, quơ trong gầm giường lấy cái mai, tháo cuộn giây thừng quấn trong người thay thắt lưng, buộc một đầu mối dây vào cán mai có tiện đường rãnh từ hôm nọ. Cả bọn đang vui câu chuyện, đều ùa theo Phó Kinh ra mặt sau nhà, đứng một loạt đối diện với bụi chuối tiêu phát phơ tàu lá ở bờ rào xa. Phó Kinh cuộn mấy vòng dây thừng dài đến mấy sải vào cánh tay trái. Bàn tay trái nắm chắc cổ cán mai, bàn tay phải y giữ vững đốc ngọn mai.

- Đàn anh thử xem em hạ cây chuối phía bên trái.

Bỗng sau một tiếng phập, thân trên cây chuối đã gục xuống mặt đất, kêu đánh roạt. Và Phó Kinh đang cười hề hề, cuộn vòng dây thừng vào cánh tay trái và, đã được giật về từ lúc nào, cái mai đã ở gọn trong hai bàn tay y.

- Bây giờ đàn anh lại xem em lấy buồng chuối chín cây xuống để chút nữa lễ thánh.

Lưỡi mai sén qua cuống buồng chuối, đi quá đích, chạm cả vào đến quá nửa thân cây chuối. Cả bọn cười vang. Lý Văn dè dặt lời khen :

- Ngón " bút chì " của chú hay đấy. Nhưng cũng còn nặng tay. Chưa được ngọt đòn lắm. Có nhiều khi mình chỉ nên đánh dọa người ta thôi. Nếu không cần đến, thì chớ nên làm tổn hại đến nhân mạng.

Sẵn có đàn gà đang đi trong luống khoai lang, Lý Văn mượn Phó Kinh đưa cho mình cây " bút chì", buộc thòng lọng múi dây vào cổ tay trái và nói với anh em :

- Chú nào ném hộ tôi hòn đất.

Tiếng hòn đất đụng đất kêu đánh bộp. Mấy con gà bay tà tà khỏi mặt vườn, đập cánh bồm bộp. Tiếng lưỡi mai ở tay Lý Văn phóng ra kêu đánh vụt. Một tiếng gà kêu oác.

Cả bọn chạy ra luống khoai, giơ cao con gà gãy mất hai chân. Vết thương gọn gàng vừa đúng quãng đầu gối và cặp giò chưa lia hẳn, vẫn còn dính vào đùi bởi làn da hoen máu.

Lý Văn gác mai, nói với tất cả bọn :

- Nếu mình ném mạnh tay quá và không biết tính sức đi của " bút chì " là nát mất gà. Các chú không phải đánh những " tiếng bạc " vào sinh ra tử, các chú không biết, chứ đòn " bút chì " khó khiến lắm. Và một cây " bút chì " ngang tàng như thế mà lại phải lụy một cành tre đấy. Chú nào hay xử cây " bút chùng " ở các đường độc đạo, nên cẩn thận khi thấy bên địch tung cành tre ra để phá " bút chì ". Để hôm nào rảnh, anh sẽ dạy cho các chú tập đánh cái lối đòn bơi chèo bằng gỗ cau. Đánh đến đòn hỗn chiến ấy thì đầu người rụng cứ như sung.

Nguyễn Tuân

Tô Hoài

(Trích đoạn trong "Cát bụi chân ai")

Tôi kém Nguyễn Tuân mười tuổi. Trước kia, tôi không quen Nguyễn Tuân.

Quãng đầu thập kỷ bốn mươi, báo Hà Nội Tân văn, báo Chủ Nhật mới in của tôi mấy truyện ngắn: Con gà ri, Bãi ô-tô, Một đêm sáng giăng sông. Hình như Nguyễn Hồng đã chỉ cho tôi biết Nguyễn Tuân đương lững lững thững bên kia hè đường Bờ Hồ.

Đi bên này hồ Gươm thấy Nguyễn Tuân ngồi trong nhà hàng Hoàng Gia, cái quán rượu kiểu Pháp che cánh sáo ra kín vỉa hè. Nhà văn chơi chưa khác đời. Khăn lót vớ, áo gấm trần, tay chống dọc chiếc quạt thước thay ba toong, chân bít tất dận giày mốt nhái Gia Định. Năm ấy, Nguyễn Tuân cũng chỉ khoảng trên ba mươi đôi chút. Ngoài đường phố chẳng ai ăn mặc kiểu cách khác thường thế, nếu không phải quan tri phủ, quan thương tá ngồi xe nhà, áo sa phủ áo gấm, áo đoạn, vừa ý tứ vừa khoe chiếc bài ngà dây kim tuyến thấp thoáng trong ngực áo. Những cái biết của tôi về Nguyễn Tuân hồi ấy chỉ mang máng thế.

Những tiểu thuyết Thiếu quê hương đương in từng kỳ trên tuần báo Hà Nội Tân văn và những truyện ngắn của Nguyễn Tuân đăng các báo Tiểu thuyết Thứ bảy, Tao đàn, Thời vụ...
Đem cái duyên đẹp để mọi bề quảng cho Nguyễn Tuân có thể chưa kín nghĩa, mà cũng không

hắn đứng. Về văn và cả về đời. Có người mê Nguyễn Tuân như điệu đờ, từng chữ. Có người chỉ lướt một đoạn đã không chịu được cái giọng khụng khiêng, khệnh khạng. Triết lý và câu văn Nguyễn Tuân không giống vị hoài sơn trong thang thuốc bắc, ghê bỏ một tý, lại vô thường vô phạt. Cái chơi của Nguyễn Tuân cũng thế. Với người này, không thể thiếu Nguyễn Tuân. Người kia thì không chịu đựng được. Ô hay, người ta ra người ta thì người ta phải là người ta đã chứ.

Nhớ lại năm ấy, ở gian hàng quà chợ Đồng Xuân còn cái bà nạ dòng khăn nhung áo cánh phin nồn đeo chuỗi hạt cẩm thạch phơn phớt xanh - hàng bún thang ngon có tiếng. Chỉ một bát thang con bún lá, giọt cà cuống thơm một cách khó chịu mà lại không có không được, cũng có thể viết lên một cái gì. Nói bằng quơ, chẳng ra nhủ mình, chẳng ra cho người khác. Những cái ấy phải viết, viết. Như những đêm áp tết, năm cùng tháng tận, lại lấy ra mấy cái đĩa hăng Pa-thé mua được ở chợ Giời, mà nghe ở Đàm Mộng Hoàn... Gió hơi gió, phong trần ta đã chán... Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong... Thế nào ông ấy cũng lại nói: Cái hơi của Mộng Hoàn thì sang, nhưng không đẹp bằng giọng bà Chu. Phải viết, cái này phải viết thôi. Những năm về sau, Nguyễn Tuân vẫn làm việc cho viết, khắc khoải sự viết, mà không viết bao nhiêu. ở đây nữa, chính bởi hơi sức và trong tâm sự. Phải đến Nguyễn Tuân viết ra thì cũng một vùng phố xá ấy mới thành tên gọi, mới thành Phố Phái - hai chữ của Nguyễn Tuân sáng tạo đặt tên cho tranh Bùi Xuân Phái. Và trong cuộc chơi, ông cửa hàng trường Bôđêga, chú nhà bàn, nhà bếp khách sạn Thống Nhất hay bác Chữ bán cháo gà gỗ ống thổi làm phách hát ở đảo giọng chèo ở ngã sáu dốc Hàng Kèn, hay khi lên chơi nhà ông Ba trên Nghĩa Đô thì dấu cho Nguyễn Tuân chưa hề quen, cũng không phải là trùm trò, các chủ quán, chủ nhà đều trân trọng như ông ấy mới là chủ cuộc. Cái duyên ấy xưa nay vẫn như một.

Những năm trước 60, cái dốc ngã sáu Hàng Kèn ban đêm thanh vắng lắm. Những cây sấu, cây sữa cũng chưa như mấy năm sau phải một trận bom Mỹ đánh sập hai ngôi nhà và mấy gốc cổ thụ. Bờ hè dưới hai hàng cây hiu hắt khơi lại cảnh xưa cũ, còn cái bờ tường đắp dòng chữ xi măng nổi Phúc Đình cha, tên hiệu thuốc sốt rét nổi tiếng một thời. Nhớ Cây Thị Hàng Kèn đầu Lê Lợi, cuối Hàng Giò nhiều hơn tên phố mới, đối với chúng tôi. Mấy hàng phở gánh và quán cóc. Nơi ăn đường ăn chợ này không chèn xô bồ như trên ngõ Sầm Công, chim quay Tiểu Lạc Viên, cà phê phin Ca, cà phê đá Lý Hảo... cũng không ví được với cơm tám Tân Việt, Việt Hương quanh chợ Hôm gần đây.

Dốc Cây Thị không còn cây thị, hàng quán chỉ rải rác có buổi. Ngồi đây, đầu phố Hàm Long nhìn sang sở Văn Tự, tưởng như lão Tàu Bay còn gánh phở bán buổi sớm. Cũng cạnh đấy, bên dãy nhà mà không phải chỗ hàng cà phê của ông cắt tóc ở hợp tác xã chỗ ngã sáu mới về mở, đêm B52 ấy, một vỏ tên lửa rơi gãy vỡng cái mái hiên. Những biến thiên của con người phố xá, chấp nối lại mà chỉ có ngòi bút Nguyễn Tuân mới phát hiện cho người đọc thấy được những lảng cạnh góc gác, như muôn vật trong trời đất, khác nhau mà lại dính líu với nhau. Những ngã năm, ngã tư, ngã bảy, người đi lại sinh ra đường cái và mọi sinh hoạt, làm ăn, đắp đổi, người hút thuốc lào thì có người bán đóm, phường chợ thì có người đóng đinh để giày, ông bán hàng nước chè tươi, ông lão chữa giày dép với khách dừng chân.

Phở Tàu Bay - mà bây giờ ở Sài Gòn có vài ba quán của các bà phòng nhất, phòng nhì và con cháu ông Tàu Bay đã quá cố, cũng đôi chút phảng phất mùi vị phở Bắc, gánh phở ông Tàu Bay xưa đổ cạnh dốc bên gốc cây thị đầu sân vào sở Văn Tự - không biết tại sao người qua đường lại đặt tên công sở ấy là sở Văn Tự. Có lẽ cũng như chỉ tình cờ một câu bông đùa cái mũ da lưỡi trai hơi dài khác thường của ông hàng so sánh với chiếc mũ phi công mà thành tên phở Tàu Bay, một hàng phở gánh buổi sáng. Thời ấy, sáng, trưa, tối đều đặn cho người ăn quà phở mà không phải là dùng phở đến no. Hiếm cửa hàng phở, hiệu phở, rặt phở gánh, chuyên phở nước. Phở hiệu xào ròn, xào mềm, tái lẫn, sấm vang, bát phở bên đĩa mùi, húng và cút rượu trắng. Phở gánh, món quà nhẹ. Ngủ trưa dậy, tối khuya trước khi đi ngủ. Không ai khai tâm

chén rượu lúc ăn phở bát. Thịt bò chín từng tảng, cũng chưa rạch rời mấy chỗ nạm, gầu, mỡ hay nhừ. Trong cái bát chiết yêu loe miệng thất đậy, nước dùng bốc khói mà trong như nước mưa li ti nổi chút váng mỡ vàng, lơ thơ mấy lát hành hoa, rau mùi. Làm bát nào, thịt thái bát ấy. Đào phở, bánh trôi lên quá, bánh chưng, ăn phải bỏ dở. Nhưng đạo ăn phở của Nguyễn Tuân có cách riêng.

Trong lòng và vỉa hè ngã sáu quang đấng cứ khoảng mười giờ tối trở đi mới lập loè hàng quán. Những tối thứ bảy, từ đầu Hàng Đào xuống Tràng Thi, đến tận chợ Đuối, các gánh lục tào xá cháo gà phải hai ba giờ sáng mới hết hàng. Đã quảy về còn có người gọi theo. Bình yên, chẳng ai nhớ thành phố hãy còn phải quản trị theo chế độ quân sự. Dọn hàng quá khuya đã thành lệ.

Khi có hàng quà, những ngã ba đã vắng vắng lại hiện ra bộ mặt khác. Chốc chốc, thông thả qua một xe đạp lênh khênh, tiếng vòng nan hoa quay gió vù vù. Cái xe trâu Trung Quốc nặng như cùm được người ta vác từ chiến khu Thái Nguyên Việt Bắc về. Gánh cháo gà bác Chử đã dên hần xuống mặt đường nhựa. Chiếc chậu nhôm đựng nước, cậu con trai thả chồng bát vào chậu rồi nhặt ra từng cái, khăn lau miết quanh miệng chiếc bát rếch của những khách ăn mở hàng. Rồi bác Chử thừ ra. Như còn tiếc đám múa xạp lúc nãy hay sao. Bác Chử cầm chiếc ống nứa thổi pho pho vào cửa lò mới được còi, mẩu củi hồng rực.

Rồi lại quay ra, ngồi lên bó củi, một tay đấm lưng, tay kia gõ cái ống nứa giả vờ điểm tiếng róc phách, chốc lại tom chát đánh nhịp xuống thành thùng bát, miệng ư ừ giọng mũi như rên :

*Nam nhi đứng ở trong trời đất
Quyết ăn chơi cho đủ mùi đời
Sự cùng thông bỉ thái tự trời
Sông có khúc con người có lúc...*

Bộ quần áo nâu dày mo nang dưới ánh ngọn điện chao lắc lư trên dây giữa đường. Mặt nhăn nhó đăm đăm, chẳng biết dương phờn hay buồn nổi hóng khách. Chốc lại cầm ống nứa thổi bép, xong lại rền rĩ: Nam nhi đứng ở.... Tôi không trông rõ thật mặt cái bác cháo gà Chử ấy ban ngày bao giờ. Như người với ma, nửa đêm đến rạng sáng thì lặn. Bác Chử nhìn hò háy trước ánh lửa, mắt ấy không viền vài tây điều tát cũng lòng quặm. Dần dần người ngòm ở đầu cứ lần thẩn ra, như cổ tam cúc phải đủ xe pháo mã với năm quân tốt hỉn. Gánh lục tào xá lù lù đến ghé cạnh. Cái ông chè đậu xanh lục tào xá thoát hiện ra thật oai. Như đức Quan Ngải hồi tiền nhật còn ở ẩn kết nghĩa với ông cháo gà Lưu Bị dưới gốc dâu cây sữa xoè tán lá ba tầng ba lọng vàng diềm về sau làm vua. Lão râu đen dài, trán nhăn hói bóng lên nửa đầu, khi chưa gặp thời thì quảy hàng mà thôi. Nhưng ngắm kỹ, chưa chắc lão đã bằng tuổi tôi băm lăm lúc ấy. Có lẽ chỉ mới năm trước còn thói quen nuôi râu giả già để trốn quân dịch, nhiều người mất đảo như chớp, nhưng râu ria lông thõng.

Áp chân tường số nhà 81, ông hàng cà phê bít tất. Cũng là trông hình thù mà tưởng ra, cà phê pha vào ấm nhôm, mảnh vải lọc thông xuống như chiếc bít tất nâu. Ngọn đèn hoa kỳ lom đom giữa mặt chõng tre, ngổn ngang mấy cái ghế con đặt quanh. Khách ngồi xuống, trông lên mới thấy mặt ông hàng lom khom, bóng loáng nắng gió đồng chiêm. Bộ quần áo nâu non nhờ nhếch, dáng ngờ ngờ như đương lằm nhằm ai trả tiền, ai lĩnh mất. Nguyễn Tuân không thích cái cà phê hâm nóng đầu đường thế này. Nhưng vẫn thường ghé xe đạp dựng lên gốc cây xà cừ. Không biết có phải chỉ bởi thói quen xưa cũ cứ tối tối, tôi lại rước tôi ra đường!. Những đêm gió lùa rào rạt mặt nhựa, nhồi thêm thuốc vào tẩu, ngồi tránh vào bên gốc xà cừ gồ ghề - Nguyễn không chịu được mùi hoa sữa, ghét lây cả cái cây. Chén cà phê sành nâu lồi lõm, có khi chỉ nhấp một ngụm, rồi bỏ lạnh ngắt. Dường như ngại tôi có thể vì ông ấy mà áy náy không biết cà phê hạt muông hay ngô rang.

Ở cái ngã sáu đường đời ấy vẫn leo lét ngọn đèn con của lão cà phê 81, ánh đèn chai và lửa bếp thùng cháo bác Chũ. Mấy cái xích lô tã chốc lại lạch xạch lờ qua. Trông mặt người đạp xe cũng có thể đoán được tông tích, mỗi người đều hằn nét bộ mặt thời gian và tờ lịch hàng ngày của thành phố. Có lão râu xồm khuya về uống rượu húp cháo rồi nằm vắt người trên đệm xe, sắn xe ngủ bên gốc cây.

Một lần Nguyễn Tuân nói:

- Kể ra mình cũng có tội. Cái tội hay nói bô bô, không kín võ được như cậu. Mà tớ chẳng có võ gì cả. Cũng không biết bơi, không biết cưỡi ngựa. Bởi thế mới sinh chuyện. Nhưng cũng không bực mình vì mọi thứ người ta đổ lên đầu đầu. Mình không nói thì thằng khác nói.

Rồi lại khó chịu với cả mình. Mình là cái chó gì mà có thằng cũng bắt chước. Cái tóc cái râu, cái batoong khệnh khạng vào nhà hát lớn. lên máy bay.... Ôi vui nhiều, cái nhiều quá, bực mình quá. Nguyễn Tuân tiếp:

- Thế này thì mình xin ra Đảng.

Nguyễn Tuân hay nói câu ấy khi bực bội. Chuyện này xảy ra sau khi chúng tôi ở Lào Cai về, đợt nghiên cứu 21 ngày vừa hết, còn buổi sau cùng. Tiếng vỗ tay bết mạc rầm rầm ngập cái sân thượng. Ông Phan Khôi ngang như cua ưa chơi trội, chống batoong bước ra về trước, còn quay lại phang một câu thế nào đấy, dường như bảo là người đi chợ Hôm sung sướng mua được quả chanh cóm, hỏi ra mới biết chanh xuất khẩu bị ế. ờ, người trồng chanh phải được ăn quả chanh ngon nhất chứ! Chẳng hiểu lão chửi bóng hay nói võ mặt. Nhưng mà cách nghênh ngang tợn tạo của ông thì không ai lạ. ở Yên Dã trên Đại Từ, một lần tư lệnh Nguyễn Sơn đến chơi, Nguyễn Huy Tường mời anh em họp mừng ông tướng mới ở khu 4 ra và nghe ông tướng nói chuyện Kiều. Quá mười giờ đêm rồi, Nguyễn Sơn vẫn nói và hét toang toang. Phan Khôi nằm trên nhà đồi không ngủ được. Ông xuống, thò đầu vào cửa phòng, quát:

- Nói to thế mà không sợ đứt cổ à?

Rồi quay ra, lại lên chui vào màn.

Chúng tôi bị kiểm điểm qua loa: bỏ lớp học quan trọng đi ăn mừng đường xe lửa được khôi phục, việc không cần thiết. Báo Nhân Văn ra đến số 6 bị tịch thu tại nhà in. Các báo hoan nghênh việc đó. Một số văn nghệ sĩ chúng tôi chẳng biết ai chủ trương cũng ra tuyên bố tán thành sự tịch thu báo Nhân Văn. Nhà xuất bản Minh Đức tự đóng cửa. Hồi ấy, báo in còn ít, chỉ tính số nghìn. Nhưng một tờ báo bị cấm thì âm ỉ ngay. Các đoàn thể tổ chức kiểm điểm và kỷ luật nội bộ những cán bộ tham gia viết và hoạt động chò báo Nhân Văn và tập san Giai Phẩm của nhà xuất bản Minh Đức. Tôi bị mơ hồ mất cảnh giác mọi mặt. Các cơ quan Hội Nhà Văn và nhiều công tác bị lũng đoạn. Báo Nhân Văn, nhà xuất bản Minh Đức không còn, nhưng tư tưởng Nhân Văn - Giai Phẩm vẫn tồn tại, vẫn làm lệch lạc chúng tôi. Bấy giờ, cuối năm 1956.

Rồi mọi chuyện theo thời gian qua mau. Tháng bảy năm 1987, tôi ra Cát Bà. Tôi vẫn có ao ước được đến vùng đảo khác lạ này chỉ cách Hải Phòng có nửa buổi tàu ven biển. Tôi đến chào khoe với Nguyễn Tuân một chuyến đi còm, nhưng thú vị. Cuối buổi sáng, xách xôi bánh giò, khoanh giò bò mua ở quán quen bên kia đường trước nhà. Cụ bà bảo tôi ngồi đợi đấy, cụ ông đi bách bộ quanh đây, chắc cũng sắp về. Một lát, nghe ba toong chọc chọc lên thang gác. Cái gậy song Sa pa vàng cánh gián, tiếng gậy chống xuống mặt gỗ nghe lura thưa ròi rạc. Đoán được bước chân khó nhọc, nặng nề. Nguyễn Tuân bước vào, mặt bơ phờ tím tím, không phải mặt rượu đỏ hồng. Nhưng cát gậy vào ống, ngăn nắp vẫn đầu vào đấy. Nguyễn Tuân ngồi

xuống tấm phản lim.
- Mới đến à? Có việc gì không?

Còn việc gì nữa. Đến đây chỉ có việc chơi chứ việc gì. Tôi ngần ngừ rồi nói:
- Không, nhưng chẳng thôi.

Nguyễn Tuân ngả lưng, hai tay buông xuống mặt phản.
- Lấy mà uống. Chai nút đỏ phía ngoài, cái ấy đậm lắm. Mình phải nghỉ một lát đã.

Rồi Nguyễn Tuân khép mắt. Ngần ngơ nhìn quanh rồi tôi lặng lẽ ra về, khi Nguyễn Tuân đang nằm thiêm thiếp. Tôi cũng sợ rồi, tôi ngồi im.

Buổi sáng mấy tuần sau có người đến bảo Đào Vũ và tôi:
- Đêm qua, nghe đài báo ông Nguyễn Tuân mất rồi.

Tôi nghĩ như vẫn buổi tôi ngồi uống một mình ở nhà ông, như Nguyễn Tuân vẫn nằm yên từ buổi sáng hôm ấy. Bỗng lại nhớ rừng già Thượng Yên. Nhớ lại chúng tôi vào quán ông 81 ngã sáu dốc hàng Kèn...
Nhớ lại ở Cát Bà, những con kỳ đà mọc thếch như gốc cây ra rình chộp gà tổ gà... Vết chân người lấn chân con kỳ đà in vân vân trên cát.

Tôi theo kháng chiến

Ngọc Trai: Anh đi vào cách mạng như thế nào? Có được tuyên truyền, giới thiệu Việt Minh từ trước không?

Nguyễn Tuân: Nhật đảo chính Pháp, không khí khắp nơi sục sôi chuẩn bị khởi nghĩa, tôi vẫn không hề hay biết gì. Chiều 9-3-1945, tôi còn nằm bẹp tại nhà một cô đầu ở Khâm Thiên (...) Đêm, Nhật nổ súng (...) Tôi vẫn nằm ở nhà hát bà Chu. Sáng ra, sau khi ngớt tiếng súng, tôi mới khấn đóng áo the ra đường về nhà ở phố Cầu Mới. Cả đêm, nghe tiếng súng, gia đình rất lo cho tôi, thấy tôi về cả nhà rất mừng, muốn giữ tôi ở nhà lâu lâu, chờ cho tình hình yên ổn. Nhưng chỉ được mấy hôm, tôi lại lặng lẽ xuống phố, lại vào nhà cô đầu. Hồi đó, tôi chưa có quan hệ gì với tổ chức cách mạng.

Ngày Cách Mạng Tháng Tám, Việt Minh chiếm phủ Thống sứ (về sau là Bắc bộ phủ), tôi cũng lại khấn đóng áo dài "đi xem" - đúng, chỉ là một người quan sát thế thôi. Tôi thấy Việt Minh hạ cờ quẻ ly xuống, rồi treo cờ đỏ sao vàng lên. Tôi nhận ra có sự thay đổi, sự chuyển biến lớn lao thực sự. Tôi cũng bị thu hút, thế là vào hiệu cắt tóc, cạo râu. Thấy con người mình như sáng sửa lên. Tôi còn cởi bỏ bộ quần áo dài ta, mặc quần soóc, sơ-mi vải cứng ngựa, nhập vào dòng biểu tình chào mừng cách mạng. Khi trở về nhà hát, bà Chu - chủ nhà hát và là nhân tình của tôi -, la lên: "Ông định làm cách mạng đấy à? Đừng có mà đi theo họ!". (Nguyễn Tuân cười) Thế có chết tôi không chứ! (Anh hạ giọng và nói cách dí dỏm) Nếu không có cách mạng thì tôi sẽ gay go to, có thể lấy bà ta làm vợ lẽ, cho nên vợ tôi phải cảm ơn cách mạng nhiều lắm!

Ngọc Trai: Nhưng anh vẫn không "đừng" mà vẫn "đi theo" cách mạng?

Nguyễn Tuân: Cũng không đơn giản như thế. Hồi đó, bọn Việt quốc, Việt cách cứ làm rối cả lên

(...) tôi (...) hoang mang (...) Và lại con người tôi nó cũng phức tạp lắm, tôi thấy trong hàng ngũ cách mạng có một vài nhà văn kém tài mà trước đây mình không thích, cái tính khinh bạc của tôi nó lại nổi lên, tôi đâm ra hờ hững, chưa thật dứt khoát đi với Cách mạng.

Ngọc Trai: Sau này, vì sao anh tham gia kháng chiến?

Nguyễn Tuân: À, đến Kháng chiến thì lại khác rồi, đánh nhau với thằng Tây thì phải tin vào ai chứ, thế là tôi dứt khoát theo cộng sản. Đầu tiên là do cuộc Nam tiến. Hội Văn hóa Cứu quốc tổ chức cho nhiều văn nghệ sĩ theo bộ đội vào mặt trận phía nam. Anh Trần Huy Liệu giới thiệu tôi vào một đoàn gồm có Nguyễn Hồng, Nguyễn Đình Lạp, Sỹ Ngọc, Nguyễn Văn Ty... đi vào chiến trường khu V. Trước khi đi, anh Trần Huy Liệu đưa cho mỗi người một nghìn tiền cụ Hồ. Khi cầm tiền, tôi hỏi anh Liệu: Như thế này là tôi phải viết mấy bài? Ấy cái tính của tôi cứ hay sục sặc như vậy! Thế là mình cà khịa với cách mạng chứ gì nữa? May sao, anh Trần Huy Liệu lại tỏ ra rất thoải mái. Anh cười và bảo tôi: Anh cứ cầm lấy mà đi đường, còn viết hay không là tùy, thích thì viết, không viết cũng chẳng sao.

Trước lúc lên đường, ông Tố Hữu lại đưa cho một nghìn nữa. Tôi từ chối và nói: “Anh Liệu đưa cho rồi”. Anh Lành trả lời: “Số tiền này anh đưa về cho chị và các cháu để nhớ đi lâu cũng đỡ lo chuyện nhà”. Tôi cầm tiền, nhưng đã không đưa đồng nào về cho vợ con, mà mang theo cả vào mặt trận Phú Yên - Khánh Hòa. Một vài chi tiết nho nhỏ ấy, nhưng đối với tôi nó trở thành ấn tượng. Chính những thái độ ưu ái, cởi mở ấy của anh Tố Hữu và anh Trần Huy Liệu là những yếu tố thêm vào cho mình dứt khoát đi với cách mạng và chuyển hẳn sang quan điểm vị nhân sinh. Cái tính của tôi nó chượng thế. Giá lúc ấy anh Liệu bảo tôi là anh phải cố viết lấy một hai bài thì có khi tôi lại từ chối hoặc là cứ đi mà không viết gì cả. Nhưng sự cởi mở, cảm thông của anh Liệu làm cho tôi phải suy nghĩ. Tôi nhớ đợt đi ấy về, tôi không những đã nói chuyện ở nhiều nơi, nhiều cuộc mà còn viết một số bài cho tờ *Chống Giặc* ở khu IV (...)

Cũng làm được khối việc ra đấy. Lúc đầu tôi theo đoàn kịch Tiên Tuyền lưu diễn khắp khu IV (...) Tôi vừa làm trưởng đoàn, vừa viết vở tập thể vừa làm diễn viên (...) Đoàn (...) lưu động được 6 tháng (...) khắp 3 tỉnh khu IV. Mỗi tháng diễn đến 15 đêm, ở 15 địa điểm khác nhau. Tất cả hàng trang, phong màn đeo cả lên đôi vai các diễn viên. Tôi đóng cả vai chính, vai phụ trong các vở. Được phân vai nào, đóng vai ấy với tất cả nhiệt tình của mình (...)

Hồi này, anh em văn nghệ sĩ Hà Nội tản cư ra Kháng chiến rất đông, có cả Vũ Hoàng Chương, Đình Hùng, Vũ Bằng... Về sau, các vị này, người thì không chịu được gian khổ, có người vì nghiện thuốc phiện mà phải dinh tề.

Ngọc Trai: Đọc Chiếu lư đồng mắt cua và Tàn đèn dầu lạc, tôi nghĩ là anh cũng nghiện nặng lắm. Vì sao anh bỏ được?

Nguyễn Tuân: Hình như, đối với tôi, cái việc hút hay bỏ hút nó cũng giản đơn thôi. Trước đây chán đời thì hút cho quên đời đi, cũng là một cách để tự hủy hoại mình cho bỏ tức với đời. Đến hồi đầu Cách mạng, mình cũng nghĩ đơn giản là Cách mạng không thích bợm nghiện. Đã đi theo Cách mạng thì phải bỏ thuốc phiện thôi (...) Tôi bỏ thuốc phiện cũng không gay go gì. Khoảng gần một tháng. Sáng, đạp xe từ Hà Nội xuống Văn Điển, nhà một người bạn, uống rượu rồi lăn ra ngủ một giấc, dậy đạp xe về. Chiều lại uống nửa lít rượu và lại ngủ. Thế là nó quen đi. Lấy đọc trị độc mà lại! Tôi cũng không thấy vật vã ghê gớm như người ta nói (...)

*(Trích Nguyễn Tuân - người đi tìm cái đẹp, nxb. Văn Học, VN, 1997.
Nhan đề phần trích tạm đặt.)*

Nguyễn Tuân giết... trống Hoàng Cầm

Cái đêm nhà xuất bản Hội Nhà Văn ra mắt các bạn văn nghệ sĩ ở số 65 Nguyễn Du là một đêm cuối xuân sang hè. Mưa phùn, có lúc man mát, có lúc oi ả. Không khí ẩm, lờn nhớt.

Trong ban giám đốc, tôi được phân công làm người giới thiệu và dẫn dắt chương trình buổi họp mặt, tuy gọi là long trọng nhưng rất có vẻ thân mật “người nhà”. Cũng có ca sĩ hát mới, hát dân ca, có ngâm thơ, đọc thơ rôm rả. Đặc biệt, tôi mời được bà Phúc, một danh ca trong nghệ thuật ca trù. Năm ấy (1957) bà đã ngoài năm mươi, dáng người vẫn thanh, đài các, tiếng phách vẫn ròn, giọng hát vẫn lạnh lạnh. Có cả bác Ban, nghệ sĩ đàn đáy, từng lắm phen “bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay”. Tôi lại hẹn trước với anh Ngô Linh Ngọc: “Cậu sẽ cầm châu thật phong lưu công tử đấy nhé”. Đủ mặt các nhà văn nhà thơ đàn anh: Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Tú Mỡ, Thế Lữ, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hồng, cả Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư... Tôi thấp hương cắm phía dưới ảnh cụ Tản Đà, bác Ngô Tất Tố. Mọi người có một phút tưởng nhớ rưng rưng – nhớ nhất Nam Cao. Chắc hẳn đêm nay, anh ấy cũng ngồi ở một góc nào đấy, để xem “thế sự”.

Đêm đã có vẻ gần khuya. Thì nghe ca trù mới họp. Bài hát nói Cánh bèo của Tản Đà vào giờ ấy, thành ra thiêng. Roi châu của Ngô Linh Ngọc cũng nhiều xao xuyến. Hết bài, không có vỗ tay, vì ai cũng đi vào cõi u tình trang nghiêm. Bác Nguyễn Tuân lặng lẽ, rón rén đến rí tai tôi:

- Tỳ bà hành đi!

Tôi bèn trịnh trọng giới thiệu bài Tỳ bà hành. Bà Phúc se sẽ hỏi tôi:

- Hát cả hay trích đoạn, anh Hoàng?

Tôi cũng đáp, nhỏ nhẹ, gần như nói thầm:

- Tùy sức khỏe của chị. Chứ ai chả thích nghe toàn bài.

Trước cái im ắng chờ đợi đầy rung động nghệ thuật, bà Phúc lựa đặt cổ phách, bác Ban so lại dây đàn và tôi mời bác Nguyễn cầm roi châu. Nguyễn từ tốn, ung dung, bảo nhỏ tôi rót cho bác một chén rượu quê, thứ rượu chính cống nếp cái hoa vàng tôi đã chuẩn bị từ mấy năm trước. Chỉ uống một ngụm rượu ấy cũng như uống cả một cánh đồng quê tháng Mười. Ba tiếng trống gọi của bác Nguyễn dóng lên, nghe thật đĩnh đạc khiến ruột gan mình cứ như đang nở ra.

“Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách...”

Tiếng hát bà Phúc cất lên, chim kêu vượn hót nào tày, quyện với nhịp phách như suối reo, thác đổ, với ngón đàn đáng bậc thầy, dẫn mọi người vào một cơn say lâng lâng văn hóa đồng bằng sông Hồng, mà tiếng trống sành sỏi của bác Nguyễn cứ đều đều điểm những dấu chấm son (...)

Tôi cũng đắm mình nghe nên không chú ý đến một chỗ nào đấy trong căn phòng rộng, hình như có tiếng cười hô hố hơi ồn và lạc lõng. Bỗng chén rượu của bác Nguyễn đặt trên một chiếc ghế đầu bên sườn, còn lưng lưng đến quá nửa, như có ai gạt, rơi xuống đất. Tôi giật mình hoảng sợ, sợ một sự tan vỡ nào chẳng giữa cái đêm nghệ thuật đẹp thế này. Nhưng thấy mọi

người vẫn chăm chú vào tiếng hát cung đàn, chắc ai cũng cho là một sự cố ngẫu nhiên không có gì đáng quan tâm, tôi cũng đỡ sợ. Nhưng khi nhìn bác Nguyễn, tôi bỗng thấy lo hơn, vì cả khuôn mặt bác bừng bừng đỏ gay (bác đâu đã uống gì nhiều), cái mũi quăm như muốn đâm toang xuống mặt trống và cái miệng có đôi môi mỏng chỉ còn là một nét vạch ngang trữu xuống như một cơn giận đang cố ghì lại. Đến tiếng trống, ôi chao! Tiếng trống bác Nguyễn lúc này sao nghe dữ dằn, như có điều gì phẫn nộ đang thúc xuống roi chầu mà quất mạnh vào mặt trống, tang trống, có lúc vụt nhằm cả vào mặt ghế. Đúng là tiếng trống rất ác, rất dữ dội mà xưa kia các cụ ta thường gọi là “tiếng trống sát phạt”. Người ca nữ nào mà gặp phải tiếng trống này thì chỉ còn việc buông phách, nâng vạt áo lên che mặt, mà cáo lui đi thôi. Nhưng không. Có lẽ danh ca Nguyễn Thị Phúc hiểu được lẽ gì đó, cảm thông được điều gì đó của bác Nguyễn nên bà vẫn chủ động thanh âm và cung bậc, nhịp điệu bản trường ca đang đi vào đoạn cuối (...)

“Từ xa kinh nguyệt bấy lâu
Tầm Dương đất trích gói sàu hôm mai

Nét mặt bà Phúc như cũng đang đắm chìm trong một nông nỗi gì tan vỡ, như ly cách, như tang thương. Tôi nhìn kỹ khuôn mặt người kỹ nữ tài danh ấy, thấy như có nhiều ngán lệt trong đôi mắt long lanh đắm đắm vào một khoảng không nào... xa... xa lắm rồi.

Đến câu kết:

“Lệ ai chan chứa hơn người
Giang Châu tư mã đượm mùi áo xanh”,

tiếng phách dồn xuống hết mức, tiếng đàn như hồi trống thu quân thì roi chầu bác Nguyễn xói lên năm tiếng, năm tiếng nữa rồi là cả một hồi ngũ liên rất nhanh, như hàng xóm có cướp, như đề sắp vỡ, như báo động khẩn cấp. Những tiếng trống nảy lửa. Rồi bác Nguyễn quăng roi chầu, lừ lừ đứng dậy, mặt càng đỏ lự, mắt không nhìn ai, bác nện cộc, cộc, cộc để giày xuống sàn đá hoa và... đi thẳng, nghĩa là bác bỏ ra về... Về thẳng không cần chào hỏi, không cần bắt tay ai hết... Về thẳng!!!

Sáng hôm sau, tôi đến nhà bác Nguyễn ở phố Trần Hưng Đạo. Nhân tiện hỏi ý kiến bác về việc chúng tôi, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, sắp tái bản Vang bóng một thời, tôi ngập ngừng hỏi bác về cái chuyện ca trù tối hôm qua. Bác nghiêm nét mặt như cảnh cáo tôi, cái cậu đàn em trong làng văn bố buộc phải làm anh quyền giám đốc nhà xuất bản Hội Nhà Văn này:

- Từ nay, mà có định tổ chức cái gì mà có hát ca trù thì đừng có mời mấy cái thằng “nhóc” ấy nhé. Bà Phúc, ông Ban hát, phách, đàn như thế mà mấy thằng cứ ngả ngớn, cưỡi đùa... như ở đầu chợ. Lần sau thế, mà có mời rã họng, tao cũng không đến. Tao sát phạt. Ừ thì hôm qua, cái roi của tao sát phạt chúng nó đấy.

Lúc đầu, tôi cũng cho rằng bác Nguyễn hơi khó tính, không thể tất cho một số anh em nhà văn trẻ không hề biết tí gì về nghệ thuật ca trù, nhưng sau nghĩ lại, tôi lại thấy đêm ấy bác Nguyễn gạt chén rượu, rồi mặt đỏ gay, nện những nhát roi chầu sát phạt rồi về thẳng là... rất có lý. Khi làm nghệ thuật, cũng như khi thường thức nghệ thuật, không thể đùa giỡn. Tiếng trống sát phạt của bác Nguyễn đêm ấy thật cũng xứng đáng cho những ai vô ý thức trước mọi biểu hiện tốt đẹp của đời sống văn hóa dân tộc.

(Trong Nguyễn Tuân - người đi tìm cái đẹp, nxb. Văn Học, VN, 1997.
Nhan đề phần trích tạm đặt.)

Tản Đà và Nguyễn Tuân Hoàng Yến Lưu

Sau “*Một cơn gió bụi*”, chữ mà học giả *Trần Trọng Kim* đã dùng, và nhất là sau *Hiệp định Genève 1954*, một số nhà văn tiền chiến nổi tiếng còn lại ở *Hà Nội*, vẫn giữ được phẩm cách “*tiết trực, tâm hư*” và được đời sau kính phục trong đó có *Phan Khôi*, *Tú Mỡ* (*Hồ Trọng Hiếu*) và *Nguyễn Tuân*.

Nguyễn Tuân trước 1945 là một nhà văn tài hoa (thành danh với tác phẩm *Vang bóng một thời*), ca tụng chủ nghĩa khoái lạc, thích cuộc sống phóng khoáng và vì thế ông gần gũi với *Tản Đà* và được nhà thơ núi Tản sông Đà coi như bạn vong niên

Viết về *Tản Đà* bằng những dòng chân thực và tỉ mỉ nhất, khiến hậu thế cảm xúc không bài nào bằng bài *Chén Rượu Vĩnh Biệt* của *Nguyễn Tuân* đăng trên *Tạp chí Tao Đàn* trong số báo đặc biệt kỷ niệm về *Tản Đà* phát hành ở *Hà Nội* vào năm 1939.

“*Cũn thượng tuần tháng tư năm nay, tôi có chút việc phải về Làng Mọc. Tôi nghĩ ngay đến việc ghé thăm ông Tản Đà. Từ chỗ ông ở đến Làng Mọc tôi, cách nhau độ năm trăm thước. Sẵn có bó đóm diêm gỗ bỏ để, tôi gói đi gọi là làm chút quà cho ông bạn già vốn đặt cái thú hút thuốc lào ngang với cái thú uống rượu. Con người ta chơi với nhau, đã mến được nhau, đã kính nhau thường hay có những cái tỉ mỉ như thế. Cái thanh đóm dùng để châm thuốc lào, ở người khác tôi không hiểu nó như thế nào, nhưng giữa ông Tản Đà và tôi, thanh đóm đã là một cái gạch liên lạc nối giữa một trẻ và một già.*”

Lần đầu tiên tôi gặp mặt ông *Tản Đà* là ở tòa soạn *An Nam tạp chí* phố *Hàng Da*. Đầu năm 1932 gì đó, sau cái hồi rời bỏ phố *Hàng Khoai*, lúc ông *Hiếu* còn cộng sự với ông *Cử Ngô Thúc Địch*. Sau bài thơ trường thiên của tôi gửi đăng ở *An Nam tạp chí* lấy tên là *Tương Tư Hành*, *Vũ Lang* đưa tôi lại giới thiệu cùng ông *Tản Đà*. Tôi còn nhớ buổi đầu đó, chúng tôi nói rất nhiều về bản dịch bài *Tỳ Bà* của *Bạch Cư Dị*, mà nhiều người gán cho *Nguyễn Công Trứ* và một số người nữa thì bảo là của ông *Đỗ Phủ Long* (?). Những đoạn nhắc đến chữ dịch hay quá, hay đến nỗi hóa được cả chữ nguyên văn như chữ *tắm* (biệt thời mang mang giang tắm nguyệt) mà dịch là *dầm* (nước mênh mông dầm về trắng trong) chẳng hạn, ông *Tản Đà* hút một điếu thuốc lào, tôi cũng hút một điếu thuốc lào. Chúng tôi thông điếu lẫn cho nhau và người hút thuốc thường giữ một thanh đóm lúc cháy để chờ người sau kịp dặt một mồi thuốc thứ hai vào nõ điếu. Lẽ cố nhiên, tôi thông điếu và giữ thanh đóm cháy nhiều hơn ông *Tản Đà*. Tôi rất vui về giữ cái địa vị đàn em như thế có đến nửa giờ đồng hồ vì hai cớ: cớ thứ nhất là trước mặt tôi, tôi có cả cái tài hoa già dặn của thời đại; cớ thứ hai là ông *Tản Đà* cao hơn tôi những hai chục tuổi đầu. Lúc đứng dậy xin cáo, ông *Tản Đà* tay sẵn thanh đóm còn cháy dở, nèo tôi hút một điếu thuốc lào nữa và cười khà khà:

– *Ngon nhất là cái điếu thuốc lào hút cho được nhất khí.*

Thấy bao diêm của tôi đã voi hết ruột, ông sẽ cho mấy chục que ở cái bao đầy của ông.

– *Ngài cầm ít que dùng tạm. Bên đầy quá bên voi quá.*

Tôi lĩnh mười cái que đóm diêm sinh, cảm tình vô hạn cái buổi đầu gặp ông *Tản Đà*, buổi đó, để lại cho tôi nhiều thiện cảm. Nhớ đến cái tàn lửa đóm của ngày cũ năm 1935, hỏi ông *Tản Đà* thất thế lui về *Khê Thượng*, tôi có gửi lên cho tiên sinh một bó đóm gỗ bỏ để. Có người bạn quen, bắt gặp tôi ra nhà dây thép gửi cái bưu kiện đóm diêm lên tận tỉnh *Đoài* cho thi nhân, người đó đã đùa nhà một câu:

– *Anh định diễn lại cái kịch rau sắng chùa *Hương*, có phải thế không?*

*Bó đóm đi không bao lâu thì ông *Tản Đà* gửi lại một bài thơ lục bát trong đó có hai câu:*

Tay cầm bó đóm con con,

Nhớ người xa nước xa non như gần.

Đã có bao nhiêu đêm đông lạnh, tôi ngồi xỏm khoác mảnh chăn bông lên bả vai, châm một thanh đóm, và nhớ đến người xa xa tôi cất tiếng ngâm một bài “Thề non nước” giữa một vùng khói thuốc dày đặc, như màn đất núi.

Mãi đến đầu năm ngoái, tôi mới có dịp gần ông Tản Đà luôn luôn. Mỗi dịp gần nhau lại là một dịp để say sưa, để hút thuốc ào với thanh đóm cũ để nói chuyện dịch Liêu Trai, dịch Đường thi và phê bình về người và việc trong Đông chu liệt quốc.

Biết là đóm đã hết, cứ này về làng Mọc, tiện đường qua nhà ông Tản Đà ở Cầu Mối, tôi đem về biếu một bó đóm nữa.

Bấy giờ vào quãng chín giờ sớm. Ông Tản Đà đang uống nước trà, thấy tôi vào đã vội mời với một câu: “Cố nhân lai!” Cái mừng rỡ này xiết bao thành thực. Đúng như vậy, đã mấy hôm nay rồi, ông Tản Đà đang khát gặp người nói chuyện. Những bạn năng lui tới thường đã rõ ông Tản Đà vì sao phải rời xóm Bạch Mai chạy về vùng Ngã Tư Sở. Mở ngôi hàng xem số Tử Vi-Hà Lạc, không có khách. Mở lớp quốc văn hàm thụ và lớp Hán văn diễn giảng cũng không có học trò nốt. Rốt cùng đến thiếu tiền nhà, chủ nhà đuổi người thuê và giữ lấy đồ đạc. Chỉ tay vào chồng sách cũ xếp trên cái ghế mọt dài, chỉ tay vào hai chiếc ghế mây đã thành bả chân choãi, ông Tản Đà vẫn còn hài hước:

– Nhiều lắm mà làm gì. Hai chiếc ghế cũng đủ chán. Chủ ngồi một chiếc, khách ngồi một chiếc. Tôi bâng khuâng. Tôi cố tìm trong đầu tôi, lục lại trong cái mớ truyện Đông Tây cổ kim, để tìm lấy một thi sĩ giàu có. Thì ra, cái nghèo của thi nhân đã là một nghiệp dĩ. Sự giàu sang người ta chỉ thấy ở một kẻ buôn bán, ở một nhà viết tiểu thuyết. Có bao giờ, có mấy khi, một thi nhân được nằm lên đồng vàng mười. Tôi muốn bỏ đi ngay, để được phoi những ý nghĩ đen ngòm này ra một chỗ thoáng.

Ông Tản Đà giữ tôi lại:

– Này đi đâu? Lâu lắm không uống với nhau một chén nào cả. Ở đây rồi ta tiểu ỉm.

Rồi ông chỉ cái thẩu rượu có ngâm đôi ba con cáp giới còn nguyên hình:

– Của một ông bạn ngoài Quảng Yên làm quà cho. Để đợi hôm nào khỏe, chúng ta sẽ dùng hết. Cái giống này trắng dương lắm. Lai ơi!

Lai là tên một người hầu cận thi nhân, cũng là người Khê Thượng, theo ông từ ngày ông lui về Bất Bạt. Trước kia Lai thất học, nhưng từ ngày ở với ông Tản Đà, đã biết đọc, biết viết nhiều khi ngồi bên bếp lửa thắp dóm một bát canh, một niêu cơm, còn ngâm nga (!) nữa. Đã từ bốn năm nay, mọi việc chuyên trà, xào nấu món ăn và những lúc đêm hôm phải cầm cái hũ đi lấy rượu từ đầu làng đến cuối làng, những lúc có khách, nhất nhất mọi việc đều qua tay Lai cả. Nếu ông Tản Đà ở lui vào thời trước, thì nhất định Lai phải để hai trái đào như một hễ đồng ngày ngày đeo một cái lẵng hoa theo thầy lên núi lau một cái sườn đá cho thầy đề mấy vần thơ. Chiều cho được ông Tản Đà, tôi tưởng chỉ có một mình Lai thôi. Lai lúc nào cũng vui vẻ đứng hầu rượu. Với những phong tục rất êm đềm ấy ở trong một phong cảnh rất thanh bạch ấy, hai thầy trò ông Tản Đà đã gần như chọn làm thế kỷ.

Lai đã bưng siêu nước ra, đứng vòng tay chờ ông Tản Đà sai bảo:

– Này Lai, con chạy ra đầu phố xem có cái gì mua về uống rượu. Con tùy tiện lấy.

Nghe mà thấy đài quá! Nghe mà thấy sang quá! Ai dám bảo ông Tản Đà luôn luôn túng quẩn.

Tôi tùm tùm cười...

Lai ở chợ đã về và đã nhanh nhẩu bày lên bàn những món tửu hào. Trên mặt cái bàn gỗ mộc tròn vốn dùng luôn làm bàn giấy (!) – những lúc dịch thơ Đường bán cho Ngày Nay, những lúc dịch Liêu Trai bán cho nhà Tân Dân, những lúc chám số Hà Lạc bán cho khách bốn phương trời – trên cái bàn gỗ mộc, Lai đã đặt lên đấy một cái hỏa lò than hồng. Một đĩa bún Thanh Trì trắng phau điểm vài ngọn rau húng Láng xanh ngắt và mười gắp thịt lợn ba giò có bóp riêng mè. Cái “tác phẩm” xinh xắn, gọn gàng này là của Lai.

Lai cũng phành phạch quạt nan quạt lửa than hồng vào người chúng tôi. Nếu không yêu và kính chủ nhân, thì có mà phải tội mới ngồi hầu một bữa rượu chín được người như thế này. Cũng như bao giờ, ông Tản Đà là người nói nhiều nhất trong những lúc cử tửu.

Giữa cái nóng nực của bữa rượu trời hè, tôi, mồ hôi chảy ròng ròng, ngồi nghe ông Tản Đà luận bàn về người trong thanh sử. Nói xong cái tâm trạng Khổng Minh lục xuất kỳ sơn, ông quay sang cái cảnh Phạm Lãi chu du Ngũ Hồ. Rồi ông chê người Đại phu Văn chủng, rút những câu trong sách cũ về đoạn ấy: “Cao điếu tận, lương cung tàng, giảo thố tử, tẩu cầu phan; địch quốc phá, mưu thần vong...”(chim nơi cao đã hết, thì cung cứng cũng xếp xó, thỏ khôn chết, thì chó săn cũng bị phan thầy, nước địch đã bị phá, mưu sĩ giúp chúa cũng vong mạng.)

– Con người ta ở đời, có hai thái độ đáng quý, một là làm thánh hiền, hai là làm hào kiệt. Nhưng đem so sánh thì làm hào kiệt vẫn sướng hơn. Cái cuộc đời ấy mới là ô ạt.

Rồi không cần câu chuyện, ông Tản Đà đổi sang một câu chuyện khác.

– Nội trong loài cá, chỉ có con diếc là sạch nhất và khó câu nhất. Giống nó chỉ hay ở chỗ nước trong và ăn toàn bọt nước. Thả cái mồi gì nó cũng chê cả. Định lấy một cái mồi thơm mà dử nó như là người ta thường dử một con rô hay một con chuối, thực cái anh đi câu đã làm một việc tối vụng về.

San sẽ cho tôi một cặp chả sốt, ông Tản Đà nói đến kể sinh nhai.

– Tôi có lên trên báo Ngày Nay, nói chuyện cùng Trần Giur để lại dịch thơ Đường. Nhưng ông ta bảo công việc ấy bây giờ giao cả cho ông Thạch Lam...

Chuyến tàu điện Hà Đông đã nổi hiệu chuông ra gần tới Ngã Tư Sở. Tôi lặng lẽ cầm tay ông Tản Đà, hẹn một ngày khác rất gần đây, sẽ xin trở lại.

Cái ngày khác rất gần đấy mà tôi lại trở lại căn nhà 71, Ngã Tư Sở, là ngày hai mươi tháng tư, tây lịch là ngày 7 tháng 6 năm 1939. Tôi trở lại để không bao giờ gặp lại ông Tản Đà nữa. Tôi, một kẻ ở, đến để ngắm chủ nhân đã là một người về. Lúc bấy giờ quá giờ Ngọ.

Sớm nay (7-6) ở thư viện ra, Vũ Bằng rủ tôi đi uống một cốc rượu mạnh. Đọc đường phố Hàng Bông, người trưởng nam ông Nguyễn Khắc Hiếu mếu máo tin cho tôi biết rằng ông già cậu vừa mất. Thế là từ phút này làng rượu đất Bắc mất một tửu đồ và Tao đàn mất một vị nguyên soái. Và cái bữa rượu bún chả tôi uống hôm đầu tháng ở Cầu Mới với ông Tản Đà là bữa rượu vĩnh biệt một thi nhân mà từ bây giờ chúng ta có quyền gọi xách mé là Tản Đà là Nguyễn Khắc Hiếu không cần chữ đệm.

Ngồi ở một điểm Bờ Hồ tôi vừa quấy cốc rượu Borgia cho nổi bọt lên, tôi vừa nghĩ đến một câu mà ông Tản Đà đã gở miệng nói giữa bữa rượu hôm trước:

“- Này bác Tuân, làm thế nào mà lúc chết được để mà ở chỗ Hàm Rồng Thanh Hóa, ngay chỗ bên cầu treo, ở đấy mát lắm.”

Rồi nghĩ đến cái việc trợ cấp năm trăm bạc (do em vợ của thi nhân là Nguyễn Tiến Lãng, lúc đó đương làm đồng lý văn phòng cho hoàng hậu Nam Phương, xin với vua Bảo đại trợ cấp cho thi nhân) chỉ một chút nữa là thành sự thực, tôi lại mừng cho cái thơm tho của một thi nhân. Có lẽ ông Trời muốn giữ cho thi nhân được trong sạch nên đã sớm gọi ông Tản Đà về. Người trích tiên đánh vỡ cái chén ngọc ở Tiên cung đã đến lúc mãn hạn đi đây! “Cái hạc” đã “bay lên vút tận trời”! Năm mươi mốt tuổi đầu, thế cũng là đến cõi. “Của trời, tham được có ngần ấy thôi!” Tôi nâng cốc rượu còn đầy chỉ định nhớ chứ không thương thi nhân vừa đặt chân vào cõi Bất diệt. Nhưng lúc tôi vào nhà 71 Cầu Mới, lòng tôi thất lại. Ông Tản Đà còn hấp hối và đang thở hắt ra. Cứ đều đều, cứ nhẹ thế cho đến hơi thở cuối cùng. Hai môi mím khít lại, ông Tản Đà có nét mặt rần rúm của một người chết khó khăn. Phải, chung thân làm một người bất đắc chí, sống đã chẳng được toại lòng, người nằm sượng sượng đây khó mà đi cho nó nhẹ nhõm được. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi lạnh. Ở đầu giường bệnh, vẫn bên chông sách bữa bãi đây đó mấy trang bản thảo. Tập di cáo! Trời! Và lẽ loi ở góc bàn vẫn cái hũ rượu cấp giới ngày nọ. Tất cả, chỉ có thể thôi, với một đoàn thể tử yếu và đuối!”

(Đăng lần đầu trong Tạp chí Tao Đàn, số đặc biệt về Tản Đà, ra ngày 1-7-1939)

Phụ đính I :

Báo oán

Ở cuốn lịch năm ấy bìa vàng nhòe nét son dấu kim ấn tòa Khâm Thiên Giám cổ niên hiệu Duy Tân thập niên, người ta thấy tiết thu phân và ngày lập thu qua đã lâu rồi.

Mùa mưa dầm tháng chín chỉ là những giọt nước mắt triền miên than vãn của kì thất tịch còn sót lại mãi đến bây giờ. Xứ đồng chiêm Sơn Nam hạ đã biến thành một vùng nước mắt hằn bờ, trên đó nhấp nhô những con đò đồng lí tí. Ngọn sóng đồng hỗn loạn vỗ tung bùn vào mép những con đường đất thô nhuyễn và những lũ tre già ướt át. Làng mạc vùng quê Nam Định nhoi lên khỏi làn nước trắng lạnh như những quần đảo hoang vu.

Nước một mùa mưa hợp các xứ đồng chiêm lại thành một khối lớn và trên cái đoàn kết của nước đồng hiu quạnh, những con thuyền thúng đi về nhiều như lá tre rụng mùa thu. Đêm mưa gió, mặt nước bằng rộng âm hưởng rất xa cái tiếng kêu đánh cướp nhóm lên từ những hòn củ lao lẻ loi. Bên bờ đường cái quan, hoa hòe nở vàng khè. Dặm hòe đất Sơn Nam hạ trở bông đã từ lâu. Hòe đã rầu cánh, màu vàng úa tối mãi xuống.

“Hòe hoa hoàng, cử tử mang”.

Thấy dặm hòe ngả màu vàng, lòng những người có chữ bắt đầu bận bịu. Dưới mảnh trời sục sùi, hoa hòe nở đều, làm ám lại lòng người sĩ tở tưởng đến sự hiển đạt về sau này. Màu vàng của sắc hoa nơi dặm hòe dài đã nhắc bao nhiêu học trò vùng Sơn Nam hạ nghĩ đến cái màu vàng một tấm giấy cáo trực phong tặng hoặc là phần hoàng mai sau cho hai đấng sinh thành. Ôm khư khư một hòm kinh truyện sùng ướt nước mưa, ngồi trong lòng một chiếc đò đầy đang tìm lại bến cũ, ông Đầu Xứ Em nghĩ xem giờ xuống tỉnh, nên trọ nhà ai cho tiện trong suốt một kỳ thi, vì nhà bà Phùng đã chật chỗ rồi.

Hoa hòe lả tả đánh rớt những cành vàng nâu cuối cùng lên bả vai bao nhiêu học trò các vùng đổ về tỉnh Nam. Năm nay nhà nước mở khoa thi, một khoa thi cuối cùng. Có những ông đồ già tóc râu đã ngả màu vì sự đũa nhả của công danh đánh lừa mình suốt mấy phen, chuyến này cũng cố chen ra, hồ vớt lấy một chút phần hương cuối mùa của triều đình.

Trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ có ông Đầu Xứ Em dự, còn nhận nhíp gấp mấy khoa Ất Mão trước. Khoa Ất Mão trước, ông Đầu Xứ Anh bị loại ngay vòng đầu, bay kỳ kinh nghĩa.

Khoa Mậu Ngọ này, ông Đầu Xứ Anh nhất định không đi nữa, mặc dầu khoa này là khoa cuối cùng, sau này bãi hẳn sự thi cử. Ở vào buổi giao thời, nếu người ta còn cái lòng công danh, thi khoa thi Mậu Ngọ là một cơ hội cuối cùng. Từ Mậu Ngọ trở về sau, sẽ mở một thời khác, chữ Hán chỉ còn là một thứ xa xỉ phẩm trong cõi học vấn của một lớp người. Từ sau khoa này, cái lều, cái chõng chỉ còn là những vật cổ tích, mỗi khi nhắc nhòm tới lại gọi lại một chút nhớ tiếc trong lòng một đám người mệt mỏi còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bỡ ngỡ với phong hội mới.

Ông Đầu Xứ Anh nhất định không nộp quyền khoa này, tuy bao nhiêu người, từ Quan Đốc tỉnh cho đến anh em đồng song, thầy đều gởi hy vọng vào ông. Thơ phú làm rất nhanh; sách nhớ có thể vạch ra từng chương, từng tiết một. Tính người lại điềm đạm đa hậu: ai ai đều khen nhà ông có đất học, rồi lại lấy làm lạ cho ông. Có một ông tam trường khoa trước lại ngờ rằng hay khoa này, tại nhà nước bắt đám sĩ tử phải chụp ảnh dán vào quyền nộp mà ông Đầu Xứ Anh không đi chẳng? Có một hôm, ông cùng mấy người dạo chơi ở phố hàng Thao, nhận được tin này chính ông Đầu Xứ Anh đã kêu: “Từ trước tới nay, có bao giờ như thế. Bề trên đãi đám sĩ phu trong nước thật không ra cái gì”.

Hôm người em là ông Đầu Xứ Em xuôi tỉnh để sửa soạn đi thi, ông Đầu Xứ Anh đưa ra khỏi cái dốc đầu làng và lúc ông Đầu Xứ Em đã ngồi gọn trong con đò, ông dặn :

- Xuống tỉnh, nhà bà Phùng đã đông người ở trọ rồi, có phải ở chỗ khác, chú có ở đâu, cũng cứ lại đây mà nhắn cho tôi rõ. Đến hôm các quan tiến trường, cứ hạ tuần tháng này, thể nào tôi cũng có mặt dưới tỉnh.

Vốn tính phong tình người em đứng dậy, làm chiềng con đò đầy, nói với lại :

- Cô Trinh, con gái út bà Phùng, hình như vẫn chưa lấy chồng phải không anh? Khoa Tý ngày

trước anh cũng trọ ở đây phải không?

Đáp lại cái vui đùa của em muốn tiết nỗi hoan lạc ra ngoài một cách quá độ để trấn tĩnh cái rối ren trong bụng một người đi thi, ông Đầu Xứ Anh đã nghiêm nghị một cách bất đắc dĩ nói làng ra ngoài câu hỏi :

- Cứ quanh quẩn ở phố Cửa Trường ấy thôi nhé. Đi về nó tiện hơn. Ở đây dễ gặp anh em các nơi đổ về.

Biết đây là một cậu học trò xuống tỉnh thi, mấy đám hàng xóm người làng trên qua đây ghé đồ xuôi chợ, không nhao nhao lên nữa như lúc mới nghiêng mạn đồ vừa rồi. Họ ra về nể nang, ngồi thu hình lại, quơ lại một góc mấy lũ tay nải và bị cói, cốt để dọn cho cái người có chữ kia một chỗ ngồi rộng rãi. Đáy con đó dính chắc vào đất sét lòng bến nông. Cô hàng gạo, buộc lại mũi khăn mở quạ, nhìn cậu khóa không mỗi mắt và mỗi lúc ngược ngạnh lại nhỏ xuống đồng nước một bãi quét trâu. Gió đồng hôm nay không thổi. Bãi quét trâu đổ lặng im giữa làn nước nhợt nhạt, rồi chậm chạp tan hòa vào nước đồng chiêm, mỗi khi nhìn rộng ra, chỉ rặt một màu bao la nhờ nhờ. Người lái đồ mặc áo tơ phủ kín thân hình, chụp nón mê lấp cả mặt, đã rút đầu sào khỏi mặt nước. Con đò đầy chựa quậy, bốc nhẹ, rồi trườn mình ra xa. Trời bắt đầu nổi gió rét. Mưa thu lại lộp độp rớt xuống đám áo tơ nón lá của một chuyến đò đồng. Dưới gốc cây hòe già ở dốc đê làng, ông Đầu Xứ Anh vẫn chưa chịu trở gót.

Sớm tinh mơ ngày hai mươi nhăm tháng chín các quan làm lễ tiến trường tại khu trường thi Nam Định. Hai chiếc lọng vàng phủ nghiêng xuống lá cờ và tám biển cổ chữ “phụng chỉ” “khâm sai” và bốn chiếc lọng xanh ghé sát thấp tịt xuống cái đầu bạc của một ông đại khoa. Mùi nghi vệ mới phảng phất ít hôm trước thì sớm nay đã chan hòa nổi dậy trên một khoảnh đất mà mọi khi chỉ có hoang vu và bằng lặng.

Ánh sáng ban ngày đi vắng mãi tự những đâu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy trở về. Từ hôm có gió vàng pha mùi cơn bắc đến nay, người ta chưa bao giờ thấy cái âm u tẻ lạnh đến nhường ấy. Mãi đến bây giờ là gần giữa giờ thìn rồi mà tối và sáng vẫn còn chưa phân tách hẳn ra.

Người ta đứng bao quanh đàn cúng, vẫn chỉ thấy ánh sáng mấy chục ngọn nến bạch lạp rơi vào lớp da hoen ố vệt lửa cháy của đàn tế, trên đó phủ phục ba cỗ tam sinh còn queo: một con trâu và một con dê đen thui kèm một con lợn cạo trắng mở to cặp mắt chết.

Mặt đất sáng hơn nền trời. Cối tự nhiên, một buổi sáng mùa thu có cuộc tế tiến trường, hình như đang lắng chờ một tai biến gì. Gió cũng không muốn thổi. Mấy ngọn sáp không lung lay, vệt khói xám nơi bình hương bốc lên thẳng thẩn nơi bàn tam sinh.

Nền trời phương Đông đáng lẽ phải hừng lên để đón lấy chiêu dương. Thế mà ở đây chỉ rặt một thứ mây đục đùn lên những hình Quỷ Đông và, nơi phía Tây, một cái cầu vòng cụt một chân, tồ lên trên tạo vật có tang ma, những màu xanh đỏ rực rỡ và rờn rợn. Trong cảnh âm dương hỗn loạn không chia biệt rõ, quan chánh chủ khảo trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ, đang tế cáo trời đất vua thần thánh và xuýt xoa khai xong tên, tuổi, quê, quán ngài khẩn :
“... Báo oản giả, tiên nhập, báo ân giả, thứ nhập...”

Có lẽ đoạn khẩn này là khoản chú trọng nhất của lễ tam sinh và đã được quý và thần chứng giám. Người lính tuần mặc áo nẹp đỏ vừa được lệnh đổ chén rượu cúng xuống tàn lửa đồng vàng đang hóa dở thì những đầu ngọn cỏ may im lìm nơi bãi trường thi đều rung lên một nhịp và theo một chiều. Người ta, hồi nãy sống một cơn mơ giữa khoảng ban ngày u uất, bây giờ trông thấy một cơn mơ đang tàn dần. Một thứ gió u hiễn thổi thốc mãi vào bãi trường, nghe ào sào như có tiếng người chen chúc và chạy vào choán chỗ. Những cây nến cháy vạt ngọn bỗng tắt phụt hết.

Không gì xa vắng bằng cái động đập trong điều hiu của muện loài.

Trời đất trong sáng lại lần lần.

Hai anh em ông Đầu Xứ Ngoạt (lấy tên tục của làng nguyên quán là Cổ Nguyệt) lững thững ra về, ông Đầu Xứ Anh bụng buồn lắm mà không dám nói ra.

Ba năm trước, cũng ngày tế tiền trường năm Mão, cảnh trời đất cúng âm thầm gần bằng ngày này. Quan chánh chủ khảo khoa ấy, theo tục lệ quen của mỗi khoa thi, cũng cúng tam sinh khẩn mời những oan hồn nên nhập vào trường trước hết mà báo oản trả thù. Rồi ông Đầu Xứ

vào trường, rồi oan hồn hiện lên ngay ở kì đệ nhất. Một người đàn bà trẻ, xõa tóc, ẵm con, hiện ngay lên dưới lều, ngay chỗ đầu chõng, kêu gào giữ rịt lấy tay không cho viết. Gào khóc chán, người đàn bà ấy lấy móng tay xõa quất vào mặt ông cứ bồng rít lên và cười sằng sặc, lấy nghiền mực đổ vào quyển của ông. Lần ấy ông xin cánh quyển đến hai ba thứ. Vẫn người đàn bà quấy nhiễu không tha, để quyển ông cứ tì ố mãi. Lúc gần chiều, ông nổi một cơn đau bụng hoắc loạn, phải bỏ dở kì thi, nhờ người dìu về nhà trọ. Thế là ông bay ngay kì kinh nghĩa. Một người đầu xứ hay chữ và được Quan Đốc khen ngợi luôn mà hỏng ngay nhất trường thì có thảm thương không. Cũng may mà còn có người lấy được cái bản thảo giáp bài của ông đem về, ông còn giữ được đến giờ, nếu không thì nhục cho gia sáo biết là chừng nào. Ông cụ thân sinh ra ông, cụ Huấn là người nổi tiếng một vùng, ông xem lại bản giáp đưa cho các bạn đọc, ai cũng lấy làm tiếc. Hơi văn đi mạnh như thế có vào đến kì hội thi cũng cứ lọt, mọi người đều chắc lưỡn tiếc rẽ. Cái người bạn cùng một vi với ông, sau khi đem trả ông cái bản giáp đó, đã tìm đến phòng trọ đưa tạ ông ba chục quan tiền kếm :

“Đại huynh lúc không may lâm bệnh rời bãi trường, phải bỏ lại trên cỏ bản giáp bài kinh nghĩa. Là một người tự biết mình bất tài, tiểu đệ đã mạo phép hiện huynh điền vào quyển của đệ những lời gắm hoa đanh thép bị bỏ phí kia. Nay được vào kì đệ nhị, gọi là có món quà mọn gửi lại xin đại huynh nhận cho”.

Biết là có oan hồn hiện lên cố phá không cho mình mở mắt với thiên hạ, ông để tâm tra xét chuyện nhà. Thì ra, lúc sinh thời, cụ Huấn đề ra ông đã phạm vào một việc thất đức. Lúc sinh thời cụ Huấn, cụ đã mang lấy trách nhiệm tinh thần về cái chết của một người nàng hầu tài tình nổi tiếng một thời. Người thiếp đó, lúc tự ải, đã có mang được sáu bảy tháng. Cái âm oán ấy còn theo đuổi ông mãi, nếu ông cứ còn lều chiếu ở cửa trường thi. Đây là lời người thiếp đó lúc ộp vào con đồng khi phụ lên. Nàng xưng là cô và gọi ông Đầu Xứ Anh là nó, cười sằng sặc và giọng nói the thé: “Nó còn đi thi, cô còn báo mãi. Các người hỏi cô muốn những gì ấy à! Cô muốn, cô muốn nó phạm huỷ, cho nó bị tội cả nhà kia. Nhưng nhà nó cũng có một ông mãnh thiêng lắm, cô không tàn hại nó được như lòng cô muốn”. Con đồng chỉ lắc lư nói có thể, nếu có gắng hỏi thêm thì chỉ khóc hu hu rồi lại lăn ra mà cười như bị cù. Ông Đầu Xứ lạnh đến tuỷ xương sống trong người. Và lo nghĩ từ ấy. Khoa thi này ông định không ra nữa để ông Đầu Xứ Em nộp quyển thôi, thử xem hồn oan có còn báo được nữa hay không. Ông tin ở học lực người em ruột, sao cũng lấy về cho làng Ngoạt, hên ra cũng được cái Tú Tài. Khoa cuối cùng, thêm phần luận quốc ngữ và phép tính và đo lường theo lối học mới, nhưng chú nó thông minh vốn thiên bẩm và gần đây tâm thư và toàn pháp đọc rất nhiều, cũng không lấy gì làm ngại lắm.

Nhưng mà phúc phận con người ta, ở một sĩ tử, biết sao mà định đoạt trước được.

Còn năm hôm nữa mới nhập trường. Mãi đến ngày sóc tháng mạng đông mới gọi tên bốn năm ngàn người vào kì đệ nhất. Cơm nhà trọ, luôn mấy ngày nay, bữa nào cũng hết một bình rượu. Vào mấy ngày mong chờ hai anh em ông Đầu Xứ, những lúc trời ngớt hạt mưa, thường nhẩn nha ở phố hàng Giấy, chọn một thỏi mực, thử lông một cây bút thỏ hay là soi lên ánh nắng một giấy bản. Ông Đầu Xứ Anh cố quên chuyện cũ hết sức vui vẻ trong khi đi lục lợi giấy bút cho em ở các cửa hàng sách phố hàng Giấy. Những người văn nhân lượn lên lượn xuống nơi phố này nhiều đến nỗi không nhớ được mặt ví có gặp ngay lại một lần thứ nhì.

Cái cửa hàng sách gọn ghẽ, xinh xắn được nhiều thầy khóa lui tới nhất là cửa hàng cô Phương. Đám học trò vào cửa hàng cô để mua cũng có, và để nghỉ chân và giải trí cũng có. Cô Phương, ở phố hàng Giấy, ngày trước là một người đanh đá chua ngoa có tiếng. Có một lần một cậu học trò vào hàng cô chọn bút. Cô đưa bút Song Lan, Thanh Chi, Nhất Chi rồi Kiều Lan, rồi đến Lan Trúc; người thư sinh mặt trắng rút tháp bút, cho bút vào miệng, ấn tõe đầu bút vào lòng bàn tay xoè, để thử soi lông bút lên ánh sáng có đến mấy mươi lần rồi mà cứ lắc đầu hoài, chê xấu. Anh chàng nhất định hỏi cho được cái thứ bút Tảo Thiên Quân mới chịu lấy. Thấy thầy khóa ăn mặc đồ vải xuềnh xoàng, cô Phương ra giọng bĩ thử: “Có Tảo Thiên Quân lông trắng, nhưng mà những hai quan một chiếc”. Tiếp cái nguýt dài của cô hàng sách càng ngồi giải thể thêm ra, người thư sinh mặt trắng chỉ tay lên tít trên đầu tử: “Phải, Tảo Thiên Quân lông trắng; có còn thứ nào những năm sáu quan một quản, cô lấy cho tôi chọn”. Lúc nói câu này, thầy khóa

cổ dẫn giọng vào chữ “những”, có ý bảo thầm cho nhà hàng biết rằng nên khinh người vừa vừa chữ. Cô Phương bẽn lẽn, nhưng cũng cố đứng dậy lấy thứ bút quý cất mãi trên cùng tọt lớp tủ, đưa cho thầy khoá, chỉ đợi nếu anh chàng không mua nổi chiếc nào thì sẽ mắng một trận như tát nước vào mặt cho bõ ghét. Lấy luôn một lúc bốn chiếc Tảo Thiên Quân, trả tiền xong xuôi, người thư sinh mặt trắng dúng một ngòi bút vào một mảnh giấy nơi mặt hàng. Những giòng chữ viết rất tốt kia, sự thật, chỉ là một bài thơ chữ nói mát cô hàng có tính chông lòn. Từ đây, cô Phương đâm ra gờm những thầy khoá có tính ỡm ờ và trở nên rất ngoan ngoãn đối với bạn hàng, bất cứ là ai. Sau cô hỏi thêm, mới biết người thư sinh rất khó tính trong sự lựa bút và tác giả bài thơ bóng giở ấy là cậu Đầu Xứ Ngoạt. Năm Mão, phong thanh người thiếu niên tài hoa ấy thụ bệnh trong trường và bỏ dở khoa thi, cô Phương đã ra mặt ái ngại tiếc than với những người chung quanh. Trong tâm một cô hàng sách nhỏ phố hàng Giấy, đang nhú lên một cái mầm của yêu thương, gắn bó và đợi chờ.

Cho đến mãi Ngọ năm nay, ông Đầu Xứ Ngoạt mới trở lại cửa hàng cô Phương. Ông Đầu Xứ Em còn lần lựa ngoài mặt hàng, chưa bước vào nhà. Trên mấy tấm cửa lùa ngả xuống hai cái mẽ gỗ, nhô hẳn ra vỉa hè, một cuốn *Chinh phụ* ngâm diễn nôm đã ghim bước ông Đầu Xứ Em lại. Thấy có bóng khách vào hàng, cô Phương đặt cuốn truyện *Lục Vân Tiên* xuống, lấy móng tay đánh dấu vào cái đoạn nàng Kim Liên đang “đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê”, sắp cất tiếng chào khách, bỗng cồ ngờ ngộ, tùm tùm muốn bật như cười. Cô nhìn không chớp mắt, đôi má lúm đồng tiền phơn phớt nhuộm đào - cái màu hoa đào ngày năm nọ.

Ông Đầu Xứ Anh hơi luống cuống, chưa biết hỏi món hàng gì thì may mắn quá, ông Đầu Xứ Em đã tiến theo vào phá hộ cái yên lặng.

- Này anh, lấy một cuốn *Chinh phụ* bản Nôm, về nhà trọ ta ngâm nga chơi cho nó hết mấy ngày đợi cái bằng nhập trường.

- Ở thích được ngâm nga thì cứ lấy về. Có gì mà phải bàn bạc nữa.

Cô Phương hết nhìn người anh, lại nhìn sang người em. Cô đoán họ phải là anh em ruột thì mới giống nhau như tạc đến thế. Vả chẳng hồi gần đây cô có nghe đến ông Đầu Xứ Anh cũng có một người em đồ Đầu Xứ và tài hoa đã làm trụi cả một vùng tỉnh Nam. Đúng là người mua truyện này đây. Chưa biết chuyện ông Đầu Xứ Anh không nộp quyển thi khoa này, cô Phương tự nói với mình: “Huynh đệ đồng khoa! Cái làng Cổ Nguyệt chuyển này tha hồ mà rước sách. Trong hai anh em, chả biết ai sẽ tử tài, ai cử nhân. Mọi năm hai trường Hà Nội và Nam Định hợp lại, lấy sáu mươi tư cử nhân. Năm nay khoa rớt, nhà nước đặc cách lấy những chín mươi tư cử nhân và cũng như mấy lần thi trước, cứ một cử nhân thì ba tú tài. Lọt sao được tay hai cậu Đầu Xứ này”. Cô kéo cái ấm giở trong bọc trong ra, giở nắp ấm thăm cái nòng chiếc ấm sứ, rót hai chén, cổ hạ thấp vòi ấm xuống để nước không nổi bọt.

- Mời hai thầy quá bộ vào trong này xơi nước. Nước trà nụ ướp sỏi vừa pha đấy, nên mới dám mời hai ngài tân khoa.

Cô Phương cười, tự cho câu chúc sớm sửa đó là có duyên lắm, hẳn là phải hay lắm và anh em ông Đầu Xứ Cổ Nguyệt phải thường thức. Thấy họ cứ đứng trân trân ra đấy, cô Phương thu dần nét mặt xởi lởi lại và ngồi ngẫm, càng nhận thấy cái vô duyên và vô lý của câu nói vừa rồi.

Ai người ta chưa thi cử được một kì nào mà đã chúc với tụng. Cho đỡ ngượng, cô lại mời :

- Hai thầy xơi chén nước!

Ông Đầu Xứ Em chẳng biết cái gì cả, cầm chén, uống luôn, tưởng hể cứ vào mua hàng người ta là mình có quyền được xơi nước mời. Khốn nạn, nào mà trước tới giờ anh có bao giờ nói chuyện cho nghe cái đoạn tình duyên thâm kín đã mấy năm nay giữa anh với cô hàng sách đầu mà biết. Ông Đầu Xứ Em thấy anh còn trùng trùng chưa chịu ngồi xuống cầm lấy một chén nước trà mà đầu lười rất tinh của ông phải nhận là thơm ngon, ông càng chèo kéo ồn mãi lên. Cô Phương cũng phải phì cười và làm cho ông Đầu Xứ Anh cười luôn thể. Con người nào đã biết e dè với cuộc sống, những lúc cảnh ngộ tình thần sớm không cho mình phỉ sức hưởng thụ khi ở vào một cái tuổi ăn và ngủ đàng lẽ phải nhiều mỗi lần được vui cười trên mặt, thì cái cười ấy thật là thỏa đáng, thật là đầy đủ và lại xinh đẹp là khác nữa. Nhân một cái vui tươi thể cho nét mặt nghiêm trang luôn luôn của ông Đầu Xứ Anh, cô Phương nói một câu mà sự thân mật

riêng tây đã không cần âm thầm nữa :

- Khoa Ngọ này là khoa cuối cùng, ông Đầu Xứ nên giữ mình làm trọng, chớ có đau bụng như kì năm Mão mà để thiệt thòi nhiều cho vùng Sơn Nam hạ lắm đấy, ông ạ.

Đến chữ “ông ạ” ở cuối một câu nói, giọng rất thành thật cảm động, cô hàng sách có làm ra giọng bông lơn cho nó nhẹ bớt sự tha thiết của một câu nói đã lỡ nhời, đã thốt ra từ đáy một tấm lòng để đi sát vào một tấm lòng khác, bấy nay cũng vẫn chờ lúc được đãi đằng. Sự rất hữu tình mà cố làm ra vô tình bằng một cái giọng cố gò lẩy, làm sao cho tránh khỏi sự nhận xét thông minh của ông Đầu Xứ Anh được. Ông biết lắm. Ông hiểu cô Phương để ý đến ông lắm. Không cần các bạn nói cho hay, không cần gặp gỡ, không cần âm tín tiêu hao, ba năm nay rồi, linh tính bảo cho ông biết thế. Nhưng từ ngày vấp ngay khoa thi đầu tiên, ở một kì đệ nhất, ông buồn uất vô hạn khi nhận thấy mình ra có còn lều chõng nữa cũng là chỉ để làm sống dậy, trong vòng oan trái, một cái oán cừu xưa cũ của ông cha di lại. Một cái oan hồn đã hiện lên để phá hại, đã ốp đồng vào miệng người sống để thốt ra toàn những lời hằn bọc, cái oan hồn ấy không chịu buông tha ai bao giờ. Hóa cho nên, rớt khoa Ất Mão ngay kì kinh nghĩa, ông nhận luôn cho nó là khoa cuối cùng, chẳng cần phải đợi đến khoa Mậu Ngọ cuối cùng này. Ngay dạo ấy, ông nói rất to rằng ông là thí sinh của một khoa thi thôi. Cô hàng sách không rõ, vẫn tưởng ông còn có bụng với sự lều chõng. Ngắm kỹ cô Phương, ông thấy cái đẹp của cô già dặn hơn ngày năm trước. Muốn nói thêm vài ý nghĩ vui tươi nữa vào việc đánh giá cái đẹp, ông Đầu Xứ Anh bỗng ngừng lại. Bởi vì, - quái, sao mãi đến giờ ông mới nhớ nhận ra - khuôn mặt cô Phương cũng hao hao tựa như diện mạo người đàn bà ẵm con, xõa tóc ngồi rú kêu than nơi đầu chiếc chõng tre ở trong trường thi khoa họ. Tự nhiên ông thấy cô Phương không hiền hậu nữa. Ông nghĩ đến những cái ghê sợ mà một cái sắc đẹp có thể giấu dưới nụ cười. Ông nghĩ đến những truyện ma quái lúc thay hình biến thể khi muốn hãm hại đám học trò. Ông nhớ lại cái cười gằn của oan hồn khi hiện thành người, quát đuôi tóc trần vào mặt ông cho ông hôn mê đi và cảm nghiệm mực đổ chan hòa xuống quyển thi. Cái oan hồn ấy đã lên tiếng nói, thề quyết làm cho người sống phải lụn bại mới nghe. Biết đến lúc nào cái người nàng hầu cụ Huấn mới nguôi giận và cái âm oán kia hết theo vết ông. Chuyện cũ của cha hồi sinh thời đi lại với người ta thật ông cũng chưa rõ hẳn đầu cuối như thế nào.

- Vâng, nhà có thứ mực Kiều Kỳ đấy ạ. - Cô Phương nhanh nhẩu trả lời ông Đầu Xứ Em.

Choàng tỉnh cơn suy nghĩ, ông đã vội bắt lấy việc mua mực khuyên em không nên lấy mực Kiều Kỳ :

- Đi thi không ai dùng mực Kiều Kỳ. Mực của xã Kiều Kỳ chế rất tốt, chỉ hiếm mỗi khi viết xuống giấy, nó cắn bèn chắc quá, khó tẩy đi lắm. Cô lấy cho mấy thoi Hoàng Tam Sương - vâng, nếu hết thứ chữ vàng rồi, cô cho thứ chữ bạc cũng được. Cái thứ mực hiệu Diệu Tự, “nhà ta” bán có được chạy lắm không hả cô?

Chà, người ăn nói sao mà xuôi tai dễ nghe đến thế. Cô Phương nhìn ông Đầu Xứ Anh, nhắm trong óc mấy chữ “nhà ta”, tưởng đến cái ngậy thơ của một đôi vợ chồng son kia trong lúc bù khú, chỉ mảnh trăng của cả thiên hạ mà nhận là của riêng của “nhà ta”, cô vui lòng quá, suýt quên cả việc soạn thoi mực cho khách.

- Cô cho tôi luôn thế ít chục tờ giấy lệnh nữa.

- Mấy chục tờ ạ?

- Cô đợi cho tôi tính xem dùng hết độ ngân nào thì không là thừa phí.

Làm ra bộ thông thạo thì ít mà muốn tỏ sự thân mật thì nhiều - bao giờ được nên thân tình nữa nhỉ? - cô Phương co tay tính nhẩm những cái gì, rồi cô ngắc đầu, vuốt mái tóc, nói với ông Đầu Xứ Em, giọng nhẹ nhót rất tự nhiên :

- Nộp ba quyển, kỳ đệ nhất, kinh nghĩa một quyển bảy tờ; kỳ đệ nhị thơ phú, một quyển sáu tờ và kỳ đệ tam, văn sách, một quyển mười hai tờ nữa, có dày lắm cũng chỉ đến mười bốn tờ là cùng. Ông định mua trữ giấy mang vào trường đề phòng những lúc phải cánh quyển hoặc đổi những trang hư hỏng, chỉ nên trữ lấy từng tờ một.

Ông Đầu Xứ Anh vừa soi giấy lệnh vừa hỏi :

- Tại sao thế hở cô?

- Thừa, tại... tại là giấy chuyển này, thú thật với hai ông rằng không được mịn mặt lắm. Chuyển sau, có thuyền hàng phường neo về, thế nào cũng có giấy tốt hơn nhiều. Có lẽ kịp kỳ đệ nhị của các ông đấy. Để tôi xem nào.

Cô hàng sách, bán giấy bút cho học trò trường Nam đã mười năm cỏ lẽ, đã không phụ cái tiếng là một người thông thuộc những phong tục trường ốc. Cô Phương lại co tay tính nhẩm một hồi :

- Được rồi. Mồng một tháng mười là ngày vào kì đệ nhất. Có chóng lắm thì cũng phải hết cỡ thượng tuần tháng mười mới có bảng vào kỳ đệ nhị. Phường giấy của tôi thế nào cũng có thuyền về bên trên mồm sông trước ngày mồng mười. Đúng hôm tết trùng thập cúng cơm mồi, các ông lại đây mua mớ hàng cho kiện giấy lệnh Bưởi. Giờ các ông lấy tạm ít chục tờ dùng đỡ trong kỳ đệ nhất vậy.

Cô đếm giấy, thổi những tờ giấy chập đôi với cái nâng niu nhẹ nhàng của một người chị cả sẵn sóc đứa em thơ lúc mẹ già đi chợ chiều xa, chỉ có những người đàn bà đẹp và phúc hậu thì mới thổi được giấy như thế thôi. Cô đếm thành hai xấp, mỗi xấp đầu hai chục tờ. Đùn một xấp vào phía ông Đầu Xứ Em, còn cái xấp thứ nhì là lấy sau ở trong ruột đẹp khác, cô trao tận tay ông Đầu Xứ Anh, cặp mắt tinh tứ linh động như muốn nhắc ông rằng cái xấp sau đây tốt hơn xấp trước và sự chênh lệch này trong lúc soạn giấy không phải là do ngẫu nhiên. Ra chiều tin chắc vào cái tài và cái may của hai anh em ông Đầu Xứ thi khoa này, cô hàng sách vẫn lấy cái cười duyên dọn đường cho một câu nói mà ở một cái miệng khác thì phải là thiếu lễ phép.

- Cánh quyền mà dùng bấy nhiêu giấy là nhiều quá lắm rồi đó. Phải thay quyền, đổi quyền đến quá ngữ giấy này, thì chỉ còn có ngồi mà lắng nghe ba hồi chín tiếng trống ngoại hạn...

Lúc ra về, ông Đầu Xứ Anh, trong một phút sầu hận, đã muốn trả lại cô Phương tập giấy, để thảm bảo cho cô hay rằng cô đã làm một việc thừa, riêng đối với ông, khoa Ngộ này ông có dự thi đâu.... Mấy bữa nay mưa gió càng nhiều. Nước trên trút xuống, nước ở dưới dâng lên, người thu và cảnh ẩm sống trong một bầu không khí nồm lo lắng. Ngày ngày trăm nhà vùng Sơn Nam hạ lại nhận thêm lấy một cái tin đê vỡ tại đất Kinh Bắc.

Nằm nghe mưa rơi trên quán trọ xóm Cửa Trường, một đêm nguyệt tận năm Ngộ, từ tối đến giờ, ông Đầu Xứ Anh chỉ những hết lo xa rồi lại nghĩ gần. Trong một lúc mơ hoang, ông lại trông thấy bóng cái người đàn bà mặc đồ trắng, xoa tóc, kiễng gót, thu một đứa trẻ con vào tà áo sớ gấu, đi tuột vào phía nhà cầu, ông ú ớ như người bị ma mịch đè, cố gắng mà không kiễng mình dậy được. Cái người đàn bà mặc đồ trắng, chân không sát đất, lại lên trở ra và, khi lướt qua mặt ông, cười gằn một tiếng, lấy tà áo quất vào má ông, buốt dức và giá lạnh như chưa bao giờ cảm thấy.

- Anh nói mê những gì thế?

Ông Đầu Xứ Em lác má, ông mới hoàn hồn, nhìn em một lúc lâu rồi hỏi :

- Chú đã soạn sửa lều chõng đủ rồi?

Trống đêm cuối thu và đông non điểm bốn tiếng đục. Uống hết một nai rượu để ngự hàn và khu phong mà nhà trọ đã dọn sẵn từ khuya, ông bỏ thêm một đinh vàng lá vào tráp của em :

- Khi nào thấy "khang khác" trong trường thi, chú đốt vàng cho nhiều vào. Thôi ta đi đi. Anh đưa chú vào đến cửa trường. Đưa tôi cái bộ gọng lều và chõng. Chú đeo lấy ống quyền và tráp. Đi đôi tắt vào.

Đêm mưa dầm vẫn tối như bưng lầy mắt. Hai cái tài hoa anh em kia, cộng lại không được bốn mươi năm tuổi đầu, bì bõm dất nhau đi về phía cửa trường thi. Có tầm mưa gió và đi đêm như thế này, người ta mới thấy bước công danh là mệt và chán, giá cô Phương hàng giấy có đứng đây mà nhìn này! Ông Đầu Xứ Anh bĩu môi. Trong tối tăm, tiếng thờ dài người anh dẫn lối cho người em cứ lạng thình bước từng bước một.

Bãi trường thi thấp hơn mặt nền tỉnh, nước mưa lụt dồn về, chôn ngập lút cả ngọn cỏ may.

Đứng xa trông những cây đình liệu rọi trên bãi cỏ xâm xấp nước, người vô sự và không có chữ tưởng đâu như dân cả một làng nào đang đốt đuốc bắt ếch. Càng tiến gần lại trường, người ta có những cảm tưởng rùng rợn như khi chịu bó tay đứng nhìn một đám cướp lớn bật hồng phá nhà lấy của trên xóm trên, trong những ngày lụt lội ở xứ bị thủy tai, quân cướp toàn đi bằng thuyền. Cái tiếng mắt nửa nở to ở cây đình liệu cháy sáng, có khác gì cái tiếng đốt ống lệnh bật

hồng của phường đạo tặc, lúc quân hồi vô lệnh.

... Ông Đề Diệu đã leo lên ghế chéo. Một người lính thể sát bắc ống loa, hô :

- Báo oán giả tiên nhập

- Báo ân giả thứ nhập

- Sĩ tử thứ thứ nh... ập.

Tiếng loa đồng xoáy sâu vào màn mưa lạnh. Ông Đầu Xứ Anh nghe tiếng hô, mặt nhợt nhạt, luôn luôn nhìn trộm em. Người em bây giờ chỉ là một thân cột cứng đờ mà sự thi cử đã mắc vào đây biết đến bao nhiêu thứ múi dây lòng thông: dây lều, dây chõng, dây buộc bộ gọng ống quyển... Cùng với ngàn ngàn người khác, hai anh em đứng nghênh mãi cổ lên, kiểng mãi người lên như muốn nhìn rõ mặt người lại phòng xướng danh. Đã lâu chôn chân xuống bãi sũng nước, lòng dạ người người đều bàng hoàng. Bỗng ông Đầu Xứ Anh dun mạnh người em: - Kia... làng Cổ Nguyệt! Tên chú! Vào đi.

Trời sáng tỏ đã từ lâu. Cái hàng rào sĩ tử có đủ các hạng tuổi từ một cái đầu xanh mặt trắng cho đến một chòm tóc bạc, một lớp da mồi đã bị xé thủng. Ông Đầu Xứ Em lách mình qua rồi, nhưng lều chõng còn vướng mắc nên lỗ thủng ấy chưa kịp hàn kín. Nhón nhao một lúc lâu, cái bề người, đã lấp được chỗ trống của một con sông người tràn đi, lại bằng phẳng như cũ để chờ đợi một cái đổi đời khác. Ông Đầu Xứ Anh ra về, chỉ hận rằng lúc tới tấp, quên không dặn lại em nên đốt một lúc cho hết đỉnh vàng lá trong tráp nếu trong trường có thấy "cái gì khang khác". Dọc đường, ông gặp một toán lính thanh khóa đội nón đĩa, nai nịt súng ống gọn ghẽ. Người ta bảo đây là bọn lính nhà nước phái thêm vào trường giữ trật tự.

... Ông Đầu Xứ Em dựng lều, dọn chỗ ngồi thi giữa sự dầm dỗi của trời đất. Mưa to gió lộng trên một trường thi. Cứ thế mãi mãi, cho đến qua giờ Ngọ, cho đến quá giờ Mùi. Vậy mà xưa nay người ta vẫn bảo mưa không quá Ngọ gió không quá Mùi. Sĩ tử khắp bốn vi giáp ất tả hữu, co ro trong lều dột, thật là coi tính mệnh mình không bằng một quyển thi chỉ luôn luôn muốn những chuyện tì ố. Chốc chốc cái loa đồng ngoài cửa trường lại kêu inh ỏi gọi các tư gia ai có thùng gỗ hay thùng sắt tây thì cho đem vào trường bán cho học trò kê quyển viết và dọn thêm lên chõng ngồi.

Cái bản giáp bài viết xong lâu rồi mà quái lạ, hễ cứ động đặt ngòi bút lên mặt quyển là ông Đầu Xứ Em lại thấy đau bụng, đau quặn quại tựa chừng hoắc loạn cứ như dùi vào từng miếng tì vị. Ông cựa quậy nhiều lắm, vừa ôm bụng vừa giữ ống quyển. Cái chõng tre đặt trên bãi cỏ ngập, lún xuống lún lún. Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo, vắng vẻ lều ông những tiếng kêu nài: "Lạy các quan, còn chỉ có một khoa thi này, xin các quan thương cho anh em đổi quyển. Trời mưa ướt lắm, anh em có muốn như thế làm gì..."

Thấy ở một vài lều chung quanh có khói lửa và tàn vàng bay ra, ông Đầu Xứ Em sực nhớ đến đỉnh vàng cất trong tráp, bèn lấy ra gỡ từng tờ một, xếp ngay ở đầu mép chõng, một tay chặn cơn đau nơi bụng dưới, một tay châm mồi lửa bùi nhùi. Gió thổi vào đồng lửa vàng hóa bùng bùng, lửa kêu vù vù và trong tiếng ngọn lửa reo, lại có tiếng người nói cười lạnh lạnh. Khỏi bốc lên, tỏa xuống soai soải, Như những vệt nước thời gian trượt trên đầu ngọn tường xuống lún vách gạch những đèn chùa xưa cũ có mốc vẽ hình, có rêu phong dấu. Những vòn khói nhẹ đã đổ xuống nhanh đổi màu rất mau chóng. Trước mắt ông Đầu Xứ Em mê mệt và hoảng hốt, những vòn khói - thoảng mùi gậy gậy khét và tanh lợm - bỗng sấm hấn lại thành một mớ tóc xõa và mớ tóc u hiễn không chờ đợi ấy đóng khung lấy một khuôn mặt người. Lửa vàng gần lụn, vệt bùng lên và tiếng cười lạnh lạnh trở nên the thé, rồi nấc lên mãi. Trời đất tối sầm xuống. Ông Đầu Xứ Em cảm thấy bãi trường là thừa lạnh lẽo. Trường thi âm u và không quạnh. Gió thổi bay quyển thi xuống lún cỏ dầm nước. Ông Đầu Xứ Em gắng nhào người ra, muốn vớ lấy quyển bị gió thổi bốc khỏi mặt tráp. Nhưng ông hệt tay, chỉ đủ giữ mình khỏi ngã. Cơn đau bụng nổi lên dữ dội hơn hết những giờ phút vừa qua. Ông gục xuống tráp, thiếp dần.

... Ông tỉnh giấc, thấy trong người nhẹ hẳn, tưởng chừng như cơn đau dữ dội ban nãy chỉ là một cơn ác mộng. Ông bỡ ngỡ, mất hết cả ý thức về thời gian và không gian. Ông ngờ ngác trước hoàng hôn. Từ một chòi nào, người ta đã điểm mau hồi trống ngoài hạn.

Ông Đầu Xứ Anh ra đón ở cửa trường. Bỏ lại cả lều và chõng, cầm chỉ vòn vện có một bản

giáp ông Đầu Xứ Em đã rời bước trong một giấc mơ.
Hai anh em gặp nhau, lẳng lặng không nói một câu nào suốt từ cửa trường về đến nhà trọ.
Bữa cơm ấy, tại nhà trọ bà Phùng có một người hồng thi đã uống hết ba bình rượu cúc... vào một đêm dài nhất trong một đời người.

Ngôi mã cũ

- Thành ra cái hồi cụ án nhà mất thì cậu mới có ba tuổi.

- Dạ.

- Thế cậu không rõ cái người phân kim cắm huyết cho cụ án hồi ấy là ai à?

- Dạ, thưa không.

- Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu. Bỏ cô cha, bỏ cô mẹ, sống cái tuổi thơ ấu giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc sách đèn, tôi lấy làm khen lắm. Giá như con nhà khác thì lêu lổng và hồng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

Cậu Chiêu ngồi hầu chuyện cụ Hồ Viễn, lòng buồn rười rượi. Mồm thì dạ vâng để giữ lễ mà óc thì bận nghĩ giạt lụi về cái hồi nhỏ bé của mình. Cụ án ông mất, cụ án bà cũng mất theo liền. Cách nhau không đầy ba tháng, cậu Chiêu mang luôn hai cái tang lớn... mấy ông chú, bắt đầu phá tán cái gia tài còn con... một mình ở với chị, lúc ấy chị mới có mười hai tuổi... bấy giờ lại đang loạn lạc. Trăm họ tan lìa... Bao nhiêu ông già bà cả chạy giạt vào cái thẳm thẳm của rừng Hưng Hoà. Màn trời... có những vòm lá cây âm u. Chiếu đất... có những cỏ áy, sim lụi và những cành cây mục bở với những đàn kiến lửa nói nhau ngày đêm bò liên liền như là quan quân đi tiểu giặc. Nhớ đến cái mình sống hồi ấy giữa cảnh ly loạn, cậu Chiêu hình dung thấy rõ mồn một cái đứa trẻ bỏ cô rất đáng nên tội nghiệp kia. Cậu đấy. ừ, tưởng là chết được lắm, chứ có ai ngờ đâu còn sống được đến bây giờ và lại còn được ăn học đến nơi đến chốn nữa. Cái thân một người con quan lúc bấy giờ thật đã khốn cực đủ trăm phần.

Ông cụ Hồ Viễn vẫn nói và uống. Càng nói chuyện, cụ càng uống rượu; càng uống rượu, cụ càng được nói chuyện nhiều. Mỗi lúc bị hỏi gặng, cậu Chiêu lại như tỉnh cơn mơ nhỏ.

- Dạ?

- Thưa vâng.

Rồi cậu Chiêu lại vẫn không quên cái cảnh màn trời chiếu đất của ngày bé bỏng. Dưới cái màn trời triền miên những kinh động ngờ sợ, ánh sáng tối và ẩm ướt của rừng tị nạn đổ xuống một cái đầu xanh đang ngậm chùm tóc mới vừa tơ mà đã nhuộm màu tang. Trên cái chiếu đất dằng dặc mùi cô cút, một cặp chân có khóa bạc vòng vàng đang in đôi gót đỏ như son lên cái rêu nhầy nhờn, của ngày đau khổ và lẩn lút. Có những ngày liên tiếp cậu Chiêu và chị - cô Tú - phải nấu củ rừng ăn với cháo chó, những con chó trung thành cùng theo chủ vào rượt rừng Hưng Hoá.

- Cậu còn nhớ chỗ để ngôi mộ cụ nhà đấy chứ?

Cậu Chiêu choàng ngồi thẳng mình lên và ngừng tay quạt ruồi chồn vờn trên mâm cơm, vội thưa với cụ Hồ Viễn:

- Dạ thưa cụ, cháu nhớ lắm. Có ai mà lại đi quên được mồ mả cha ông. Vả chăng, vẫn còn có tấm bia ở đấy.

- Ờ. Đấy là xứ Đồng Cồn phải không? Từ ta đây mà xuống dưới xứ Đồng Cồn thì đi như thế nào nhỉ?

- Dạ như chúng tôi đi bộ thì mất trọn một ngày, nếu không nghỉ ở dọc đường. Nhưng cụ có đi thì phải thuê cáng. Và đi cáng đò ba thì tinh mơ đi, độ quá giờ Ngọ đã tới.

- Thôi được rồi, để hôm nào mát trời, tôi và cậu sẽ xuôi xuống Đồng Cồn. Ngôi mộ cụ án thế nào cũng phải phúc lại. Mộ để như thế, hỏng hết. Ai lại tọa như thế, hướng như thế bao giờ. Minh đường có mà thành ra nghịch thủy hết cả. Cậu nói qua qua thế, tôi cũng đủ rõ rồi.

Mâm rượu vừa bưng đi xong, cậu Chiêu kính cẩn mời cụ Hồ qua giường bên nghỉ.

Bấy giờ cậu Chiêu mới lùi vào nhà trong qua bên trái buồng cạnh. Cô Tú ngừng tay gieo thoi trên khung cửi vải, vuốt mái tóc xuề xòa dưới vành khăn nâu mỡ quạ.

- Thôi, em đi ăn cơm sớm đi chứ. Cơm ủ trong chần đã ôi hết cả rồi. Có cái đĩa nộm khoai khoai tương, chị để phần cho em một ít đấy.

- Em nhớ ra rồi. Hôm nay ngày rằm, chị ăn chay.

Cô Tú cười. Nét cười dè dặt lẫn có mùi vị của hy sinh.

Với cô Tú, cuộc đời giờ đã hết tất cả xán lạn rồi. Bởi vì đời đã sớm đòi hỏi cô nhiều về bốn phận. Cô nhất định không đi lấy chồng và vui lòng sống vậy cho đến lúc nào cậu Chiêu em đi thi được và làm nên được. ở trong cảnh cô cút với sự thanh bạch, cô Tú ngày ngày dệt vải, và khâu thuê vá mướn cho người xóm làng. Những lúc rỗi tay kim tay thoi thì cô lại lên tiếng ngày ngà đến người em lúc quên mặt chữ sách hay là bỏ dở một trang quyển bài viết. Cái bây giờ của cô Tú đã là không đáng kể và cô chỉ sống bằng mong chờ về cái mai sau của cậu Chiêu. Dưới quang đèn dầu bông, nhiều khi người em đã rầu lòng, tỏ lời hối lỗi vì những lúc làm phiền lòng cô Tú mà cậu coi như là mẹ, một người mẹ rất trẻ, đầy âu yếm và thừa đức tin vào mình.

Chị ngồi chờ em ăn xong bữa cơm rau dưa, đưa tắm nước cho em rồi mới hỏi chuyện về việc ông cụ Hồ Viễn đã nhất định hôm nào thì đi xem lại ngôi mộ cha cất ở Đồng Cồn chưa. Cậu Chiêu thở dài, tỏ vẻ sốt ruột:

- Cụ Hồ ở nhà ta có đến hơn một tháng rồi mà cứ nay lần mai nữa mãi. Em thấy tốn nhiều quá chị ạ.

- Em coi chừng lời nói, kéo cụ Hồ nghe thấy thì uống cả cái bụng thành kính của mình đi.

- Chị thử nghĩ, mỗi ngày hai bữa rượu và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện. Ông cụ Hồ khó tính quá. Thuốc phiện nếu không phải là thứ một lượng đựng vào cồng thì không hút. Góm, không hiểu ông cụ Hồ để móng tay làm gì mà dài đến thế. Móng tay út lá lan của cụ uốn hai vòng như râu rồng. A chết chữa, hình như hôm nay quên không mua chanh để chút nữa cụ dậy rửa móng tay.

- Có trong kia rồi.

- May quá. Chị chưa thấy cụ Hồ gắt gỏng mỗi khi bưng thau nước ra mà không kèm vào vài quả chanh.

- Em phải nên chiều cụ. Những lúc đêm hôm, em chịu khó hầu hạ cho được vừa lòng cụ. Cả nhà có hai chị em, chị là gái, vậy chị trông cậy ở em. Em nên biết, rước được cụ Hồ về nhà khó lắm.

- Nhà ta nghèo, cái đó cụ Hồ rõ lắm rồi còn gì nữa. Vậy mà cụ bày vẽ ra nhiều quá. Một tháng, hai tháng, cố gắng thì may cũng chiều đãi được chu tất. Nhưng em chỉ sợ cụ cứ ở lý mãi đây, hết trông trời lại đến xem lịch, mà vẫn không chịu đi xem hộ ngôi mộ của thầy, rồi thì sao?

- Chị ngờ cụ Hồ muốn thử đến lòng kiên nhẫn của chị em nhà mình, xem mình có được chí thành không. Tại sao, ở vùng đây, khối người giàu có, cụ không thèm tới, tuy họ chèo kéo. Em nên nhớ đến câu này nữa. Là hồi xưa, cụ Hồ đây có biết thầy lắm.

- Vậy hờ chị? Sao em không nghe chị nói bao giờ. Chị kể cho em rõ.

- Cụ Hồ nguyên là tướng Cờ Đen. Tên cụ khác kia. Chú Thủ nhà có biết vì nhiều lần chú Thủ có nói đến rồi. Nhưng chị quên...*. Một cái cờ, cán dài hơn con sào, lá to bằng cả một cánh buồm thuyền lớn; lụa chập ba sợi xe làm một ròi mới dệt, ròi mới nhuộm đen. Đấy, vì thế mà gọi là Cờ Đen. Viên chung quanh lá cờ to tướng là những hàng móc sắt, sắc hơn lưỡi câu. Người ta nói chuyện lại rằng cụ Hồ, hồi còn làm tướng quân Cờ Đen, mỗi lúc cụ trương lá cờ đầu khi xuất quân, trông oai phong lắm liệt. Bên thất lưng điều, cụ giắt hai khẩu súng. Phía bên trái là một khẩu đoản mã và phía bên phải là một khẩu súng thập bát hường bắn một lúc những mười tám phát liền*.

Có lẽ hồi nhỏ, những lúc ở trong thành xây đá tổ ong tỉnh Sơn, hồi thầy còn ở chức, chị cứ nghe thấy tiếng kèn tàu và loa đồng và trống trận nổi lên nhiều, là chính vào lúc quân Cờ Đen tế cờ ăn mừng được trận như thế. Quân Cờ Đen có cái tục tế cờ lúc thu quân... Nào ai biết. Thấy các ông già bà cả bảo thế.

- Cụ Hồ mà tài giỏi và dữ thế kia?

- Vậy mà những lúc việc quân thông thả, cụ mặc áo dài 'sường xám', đội mũ 'sường chí' có quả bông đỏ, cầm quạt vào chơi trong dinh với thầy, thì trông nhàn nhã và văn vẻ lắm. Cụ Hồ yêu thầy vì thầy viết chữ rất tốt. Chú Thủ thường nói chữ thầy viết có gân có mác như chữ lá thiếp. Bao giờ thầy cũng cầm bút đứng thẳng cái quản, chỉ thẳng vào đầu mũi và cùi tay không tỳ xuống văn kỷ. Nên những nét sỗ rất khỏe và rất thẳng. Hôm nào em giờ cuốn gia phả ra mà xem thì rõ.

Cậu Chiêu nghe chị kể chuyện, thích lắm. Vì chung quanh cái thân thế một ông già mà cậu vẫn chỉ cho là một ông thầy địa lý khó tính chỉ đáng trọng một cách vừa phải mà nhiều khi còn gượng ép nữa kia, bây giờ cậu thấy cả một huyền sử bọc quanh một lão tướng võ nghệ cao cường và bí mật. Cái ông tướng tài giỏi ấy, ngày ngày cậu gần kề và chuyện trò cùng. Vậy mà hơn tháng nay, cậu không biết gì cả.

Giàn bầu nậm ở ngoài sân, dây leo và lá chằng chịt lấp chật ô giàn nửa, đã làm dịu hẳn cái nắng thẳng tưng ở trước mặt nhà. ánh nắng đỏ xuống giàn, khi lọt xuống sân bị cái cốt xanh ngắt

của cây lá lọc qua một lượt, rồi đổ dồn và vòn vào áo vải trắng dài cậu Chiêu đang ngừng đầu ngắm những quả bầu nậm buông thõng xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành một áo lụa màu xanh của người phong lưu và đa tình. Đây là cái màu dịu mát của chất ngọc bích; đây là màu xanh ở những cánh đồng lúa non ngút ngàn của những xứ yên ổn không bao giờ có nạn binh lửa.

Gió nam từ ngoài lũy tre già thưa đưa vào, làm va đập vào nhau những bình rượu của Tự Nhiên. Những quả bầu mà được cứng lần củi như chất vỏ cây khô, thì mỗi khi cơn gió vèo đây những bình rượu ấy văng cụng vào nhau, người ta sẽ nghĩ ngay đến cái hình và cái tiếng của lũ khánh đất nung và cá đất nung ở cái sân cây cảnh một gia đình thanh bạch.

Cậu Chiêu nắm từng quả bầu nậm. Lúc buông tay, lắc quả bầu thật mạnh, ở trong nghe như có tiếng có nước ọc ạch. Trông sượng mắt và có thể vui tai đến chừng nào! Chẳng trách được, chiều chiều ông cụ Hồ Viễn cứ ra sân đùa mãi được với lũ bầu nậm lòng thông trước khung cửa sổ như nhắc nhở một người đã mệt với cuộc sống chỉ còn nên uống rượu chơi thôi. Trái bầu nậm còn tươi dưới lỗ giàn là một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng!

Giờ chiều, đứng nắn bầu nậm cho cụ Hồ, cậu Chiêu thấy có hứng thú. Vì cậu đã bắt đầu mền được ông già Hồ. Trước kia cưỡi ngựa, cầm cờ, đánh Tây, bắn súng; bây giờ đi phân phát hạnh phúc bằng cách tìm đất để mả cho những kẻ thất thế, và lúc nhàn rỗi thì uống một đôi rượu của những người biết nhớ ơn mình.

Xé mảnh vải điều, buộc vào cái nấc ngẩng quả bầu, cậu Chiêu nói với cái vắng vẻ của buổi chiều nhà quê: 'Thắt chặt dây lại tí nữa, thì dáng bầu sẽ thon. Nó chỉ nhón được theo chiều dài. Tròn quá này méo, sẽ làm tội mình ngày mấy buổi ra đây nắn mãi cho nó bớt tật đi'.

Cụ Hồ thức giấc, ra vườn, thấy cậu Chiêu đang nắn cái quả bầu mình đã rằm sẵn từ tháng trước, liền nói:

- Tại chị em nhà cậu tặng tôi mấy cái chén ngọc liệu nên tôi mới nghĩ đến việc lấy bầu nậm. Cái chén uống rượu của nhà này phải dùng với cái bình đựng rượu cũng của nhà này. Cậu biết chưa!

Cô Tú nghĩ tay thôi, bước ra nghe chuyện, đỡ lời em:

- Dạ thưa cụ, cảnh nhà nghèo bĩ, cũng chẳng còn có gì. Có bốn cái chén ngọc là của gia bảo còn lại, chị em chúng tôi kính biểu cụ gọi là đèn đáp mới được có một chút đó mà thôi. Sau này nếu trời thương lại và nhờ được mạch đất tổ tiên có cơ hồi lại, nếu nghiệp nhà có thể trung hưng lên được, thì chị em chúng tôi còn phải tạ cụ nhiều. Có lẽ quả bầu nậm ở giàn này, chỉ là mẫu vẽ trước của một cái bình bằng ngọc thực mà sau này chúng tôi phải kính dâng cụ.

Cụ Hồ lấy làm thương thức cái câu cô Tú nói một cách trung hậu mà cũng rất văn hoa. Người như thế mà còn nghèo mãi thì còn để thiệt thòi cho thế gian nhiều. Cụ Hồ nghĩ mà thấy buồn buồn.

Hai cái sừng trăng đã mở to, đã đầy dần. Rồi vầng trăng tròn vẽ lên trời, lần thì cái quầng, lần thì cái tán. Thế rồi nó khuyết ở đầu ngọn tre, những lúc gió sớm giục canh gà gọi nước bể dâng lên. Trăng tháng tư đã gần hết một tuần. Trong cả một cử tháng tư này, cô Tú đã thức rất khuya để dệt cho được nhiều tấm vải, để góp công nhật của mình lại cho được thừa thãi, để có đủ một số tiền thuê cáng cho cụ Hồ và em trẩy xuống Đồng Cồn, nơi để phân mộ cụ án ông -

cụ án cha mình lúc nằm xuống trả lại lộc cho Triều đình, em mình mới có ba tuổi.

Cái ngày đi Đồng Cồn đã đến.

Cậu Chiêu ra đi từ lúc tối đất, lúc hàng xóm mới nổi lửa thổi cơm cho thợ gặt, bây giờ đã trở về với bốn năm người già cả rách rưới. Thấy cô Tú, bọn người già nua kia đều kính cẩn chào.

- Các bác đã xuống đấy ư? Chắc cậu Chiêu cũng đã nói rõ muốn mượn anh em ngày mai làm cáng hộ xuống xứ Đồng Cồn. Hai chiếc. Chiếc của cụ Hồ thì phải đi đòn ba. Cụ đẩy người và có tuổi. Vậy các bác định lấy bao nhiêu?

- Đồng Cồn. Thế này là phải mất những ba trạm. Đại Đồng này, Trạm Trôi và Mai Dịch này. Hai trạm ngắn và một trạm dài. Và một con đò ngang.

- Phải, đò sông Hát. Chiếc cáng đòn ba, sau khi nghỉ ở Mai Dịch, sẽ đi luôn xuống trạm Hà Trung.

- Thừa cô, thế là về tận Hà Nội?

- Có một mình cụ Hồ đi về Hà Nội thôi. Cậu Chiêu nhà đi đến Mai Dịch rồi trở về.

- Thế này thì cô cứ cho anh em một lượt mỗi trạm ngắn là một quan và quan năm tiền một trạm dài. Còn như cáng đòn ba thì xin tùy cô định cho. Ngày xưa, anh em đã có dịp được hầu cáng quan án nhà nhiều chuyến lắm. Cụ ngày xưa thường có sẵn sóc đến anh em chúng tôi. Giờ là ngày mùa, nhưng được tin cô gọi, anh em cứ xuống ngay là vì anh em nghĩ đến cái tình quan án ngày xưa hay thương đến. Còn tiền nong, thôi, cô cho thế nào cũng được. Chúng tôi không dám kỳ kèo.

Họ ăn trà, vừa thổi lửa nùn rơm vụn ăn thuốc Lào, vừa ngồi xỏm thưa chuyện bên khung cửa. Thoáng thấy cái ngáng võng ngà gác ở trên cột buồm, họ lúi xuống ngắm đi ngắm lại và nói với nhau:

- Này bác Xã, cái ngáng ngà này không phải cái ngáng võng điều của quan án ngày trước. Nó sứt mất một đầu kia mà. Bác còn nhớ chứ? Cái lần qua đò sông Hát, trời mưa gió to quá, tôi lấy bẫy trượt chân, ngã khụy xuống. Một đầu đòn cắm hẳn vào bùn. Vỡ cái nấc chạm rỗng.

Một người quay lại phía cô Tú:

- Cụ án nhà kể ra là người có bụng thương kẻ dưới lắm. Con tưởng cứ kể như vị quan khác, thì đến làm tội chứ chẳng phải chuyện chơi đâu.

Sau cùng, cuộc thuê cáng ngà giá đúng tám quan, một cáng đòn ba đi thầu đến trạm Hà Trung và một cáng đòn đôi chỉ đi đến làng Vòng thôi. Và sớm mai bắt đầu khởi hành.

Bữa cơm chiều hôm ấy là bữa cơm cuối cùng đãi một ông thầy địa lý. Cơm có rượu ngon, rất nhiều, và có cả một cái sỏ lợn. Cô Tú và cậu Chiêu cùng ngồi ăn với cụ Hồ vì cụ muốn thế. Cậu Chiêu thấy cụ Hồ hôm nay lấy cái bộ áo lễ chỉ sấu ra mặc, trông cụ lại càng có vẻ Tàu lắm. Thảo nào mà ngày xưa cụ Hồ là tướng Cờ Đen!

Cô Tú còn ít tuổi mà đã có nét mặt và dáng dấp của người góa trẻ phải nuôi con nhỏ. Trông cô hôm nay già thêm. Lòng tưởng nhớ vong linh cha và thương em và tủi cho mình, ở người cô,

chiều bữa nay oằn nổi lên nhiều hơn tất cả bao giờ. Thịnh thoảng cô quay mặt ra ngoài hỷ mũi kín đáo. Rồi cô lấy dải yếm đưa qua cặp mắt đỏ hoe. Cụ Hồ vẫn cười nói, uống rượu.

- Cô Tú lẩn thẩn lắm. Ông Giời có đóng cửa ai bao giờ. Chị em nhà cô, thế nào sau này cũng khá.

Đến đây thì cô Tú khóc lên thành tiếng. Cụ Hồ nói tiếp:

- Ngày mai, tôi xuống thăm lại cái kiêu đất ở Đồng Cồn. Xong rồi tôi xuôi luôn Hà Nội. Tháng sau, tôi sẽ về qua đây, để chỉ bảo cách xoay lại ngôi mộ... Cô đừng nên vội nói đến chuyện tạ ơn. Còn về lâu dài. Đáng lẽ bộ chén ngọc đó tôi không nhận đâu. Lấy những cái gì là gia bảo của người làm của mình là một cái tội. Nhưng vì nghĩ rằng, trong lúc chị em cô còn nhỏ tuổi, chưa chắc đã giữ nổi, thiếu gì kẻ dòm ngó. Thôi tôi cũng giữ hộ cô và cậu. Độ mười năm sau, lúc đất có thể phát được rồi, tôi sẽ trở lại đây. Lúc bấy giờ mới là lúc cô Tú nên nói đến việc đền đáp công ơn. Lúc bấy giờ tôi sẽ trả lại cô Tú và cậu Chiêu bộ chén ngọc liệu. Cụ án nhà lúc sinh thời quý nó lắm. Đi lại với cụ luôn luôn, mà cụ án nhà chỉ mang chén ra dùng với tôi có hai lần. Nếu tôi không sống được đến ngày đó, mấy đứa con tôi sẽ đưa chén ngọc đến làm của tin để nhờ cô Tú giùm giúp cho chúng. Cái đức nhà tôi xem chừng cũng bạc thế thôi. Có lẽ đến đời con tôi là không còn gì nữa. Cô Tú và cậu Chiêu nhớ hộ tôi câu nói chí tình này.

Cô Tú vờ đứng dậy, vừa sụt sịt, vừa xếp hành lý cho cụ Hồ mai xuôi sớm. Trong cái tráp sơn đen, cô đã chèn nhiều giấy bản vào kê tráp để chén khỏi va đụng lúc đi đường. Rồi cô xếp luôn cả quả bầu nậm vỏ đã khô và ruột đã tộp lại. Quả bầu mới hạ khỏi giàn được mấy bữa nay.

Hai chiếc cáng đi từ sớm, qua đò sông Hát, đã gác đầu đòn lên mấy cái ấu cáng cắm sẵn ở trước một cái quán nước chỗ Trạm Trôi. Cậu Chiêu vội mời cụ Hồ vào quán nghỉ và tay cậu vẫn khư khư cái la bàn có vẽ bát quái đồ của ông thầy Tàu.

Mấy người bộ hành có vẻ học trò nghèo, ngồi ăn bánh ở quán, đang đổ nhau một vế câu đối mà một người vừa tức cảnh nghĩ: 'Ngồi nghỉ Trạm Trôi ăn bánh trôi'. Ông cụ Hồ xòe cây quạt thước, quạt quạt và bảo cậu Chiêu soát lại quân còn lại của ván cờ tưởng đã đến lúc gần tàn cục. Từ sớm tới giờ, muốn quên cái đặng đặng của mấy thoi trạm trên đường xứ Đoài, ông cụ Hồ và cậu Chiêu đã đánh với nhau mấy ván cờ không có quân đi, không có bàn bày. Họ đã đánh cờ bằng miệng chứ không phải bằng tay đụng quân. Khi mỗi người đi một nước thêm cho ván cờ tưởng, họ lại vén cái rèm cáng, ghéng cổ ra ngoài nói chỗ sang cái cáng đồng hành đi ngang hàng.

- Xa cừu bình bát.

- Tốt thất tiến nhất.

Bây giờ ngồi soát lại quân của mỗi người, thì cụ Hồ còn một xe và hai pháo. Và cậu Chiêu còn hai tốt đã sang hà và một ngựa một pháo. Hai bên sĩ tượng đều song toàn.

- Cậu rồi ngày sau khá. Cứ một cái lối đánh cờ của cậu tôi cũng thấy được một phần cái tương lai của cậu. Nhiều nước cờ bắt bóng, chiếu rú, có vẻ tài tử lắm. Tôi nghiệm ra cậu không hay rình chiếu bí. Đáng để ý nhất trong lối xuất quân, là cậu đánh mấy ván đều vào pháo đầu cả. Người hào hùng đánh cờ bao giờ cũng vào ngay pháo đầu. Đánh cờ tức là người đẩy. Rồi cậu cứ nghiệm mà xem, trong mười kẻ tầm thường, nhút nhát, không khoáng đạt là có đến chín người ghềnh tượng ở nước đầu.

Cái xóm hàng quán chỗ Trạm Trời đã lụi lại trong nắng lòa của trời hè. Hai chiếc cồng vẫn nhấp nhô xuôi về phía phủ Hoài.

Gần tới phủ Hoài thì xong một ván cờ nữa. Cậu Chiêu thua, sắc mặt vẫn tươi tỉnh. Cụ Hồ thì nghiêm trang.

- Cậu thua vì đã khinh thường con tốt biên của tôi và để nó lọt qua hà. Rồi lại cho nó nhập được vào cung. Một con tốt lọt qua sông là cái giá trị nó bằng nửa sức con xe rồi. Ở đời không nên khinh thường cái gì. Con tốt mà sang hà, tức là đưa tiểu nhân lúc đã đắc thế. Tha hồ mà phá phách. Mạng nó đổi lấy quân nào nó cũng lấy làm sở nguyện rồi kia mà.

Cậu Chiêu cười xoà, cụ Hồ mệt mỏi chợp giấc. Cồng vẫn song song trên đường dài.

Con đường xứ Đoài, cát bụi nhiều quá. Được một thôi nữa, bỗng cụ Hồ hỏi sang bên chiếc võng gai cậu Chiêu:

- Cậu thường có hay đánh cờ đất không? Cờ đất khó hơn cờ bàn; phải tinh lắm mới đánh nổi. Để tới vụ xuân sang năm, tôi sẽ rủ cậu lên Hưng Hóa đấu cờ với một người bạn gái bằng trạc tuổi cậu. Cô ta khiến đôi ngựa rất nhanh, và có cái nước mã ngựa tào lạ lắm. Mà cưỡi ngựa cũng rất tài.

Trời vẫn nắng như rang.

Thế chốc nữa, ở làng Vòng cậu lại ngược ngay về Sơn, thì mãi đến hết canh một mới tới nhà đấy nhỉ?

- Dạ thưa cụ, có lẽ đêm nay chúng tôi phải nghỉ đêm ở làng Nhỏn. Chị tôi dặn lúc về thì tiện đường rẽ qua vào đấy thăm ông Cử hai và nhân tiện đòi bộ Lữ hành thi tập của thầy tôi làm hồi theo đoàn sứ qua Bắc Kinh.

Phụ đính II:

Đói roi

Một đêm giao thừa nọ, chúng quý sắp y ước mà vút sôi oản vào đất mình, Phật mới hiện ra mà bảo rằng: "Đấy là Hậu thân của con."

Ân Ngũ Tuyên (*)
Kinh Sám Hối

Cái ông khách đứng tuổi đến chơi uống nước nhà bác Téch Già chi tiền châu hát tất niên hôm kia nhìn theo một người gầy ốm mặc áo vành tô vừa ra khỏi cửa, hát hàm hỏi nhà chủ:

- Tôi trông cái bác vừa vào bán roi châu cho bà đây có vẻ quen mặt lắm. Hình như tôi đã có gặp ở những đâu đây.

Sau một giây lát suy nghĩ và dè dặt, bác Téch Già:

- Dạ thưa đấy là cậu Đá..

- Đái nào ? Cậu Ấm Đái con cụ Bố Nam ấy ạ ?

- Vâng, chính là cậu Đói đấy ạ. Tên cậu, chữ Đái cứ theo lời mấy cụ nhà nho hay xuống hát ở đây giảng ra thì là đẹp lắm - đâu là cái đai hay cái dải mũ gì ấy - nhưng tất cả chị em trong giáo phường đều gọi chệch đi là Đói.

Ông khách mỉm cười. Rồi liền nhắc đến một đoạn tình sử cũ thuộc Ấm Đói:

- Tôi còn nhớ ngày trước cậu yêu cô Tám - cái cô Tám ơ ? Ấp ấy mà - say như điệu đờ. Hồi ấy người ta còn có cái thói là cứ được nằm giường Hồng Kông thì mới cho là giàu sang kia. Cậu bèn về nhà đánh lừa vị trưởng họ mở nhà thờ, làm thế nào mà thó ngay được bộ chén ngọc liệu, đem bán đất bán rế đi sắm giường Hồng Kông để Tám ngủ cho đỡ đau lưng.

Chủ nhà hát nguyệt ông khách:

- Ông cũng hay nhớ những cái truyện nhảm quái ấy nhỉ. Tôi tưởng chỉ có chị em chúng tôi trong giáo phường là biết thôi.

- Bà đừng nên tưởng như thế. Bởi vì tiếng lành đồn đã xa mà tiếng dữ đồn thì lại càng xa lắm. Với lại những người đi chơi hay tọc mạch như bọn tôi thì cái gì mà lại không biết. Để tôi kể chuyện tiếp về cái bộ chén. À, cái chén ngọc liệu ấy đâu bán cho cái chú khách đứng chủ hiệu cao lâu Nhật Tân được gần ngàn bạc. Cậu Đói liền sắm giường cho tình nhân và còn bao nhiêu thì uống sâm-banh dần với tình ... Thú lắm. Nhưng trong họ cậu, có tí hơi phiền phiền. Là mỗi lần có giỗ họ, tổ tiên, những ngày chính kê và tiên thường, không có cái gì khéo khéo để uống một chén nước cúng cho ngon.

- Bây giờ cậu Đói khổ lắm ạ. Tài tình như thế mà hóa ra hão huyền. Giờ sống bằng nghề chuốt roi chầu và vót gọng ô nan hoa xe đạp làm tiêm bán cho các tiệm.

Đứng lên ông khách vẫn giữ cái giọng đùa:

- Ra cái người đi chơi xóm lúc xuống cũng chóng quá bà nhỉ. Thôi tôi về bà ạ. Qua năm, có lẽ đến giữa giêng, tôi mới xuống ăn cuốn được ở đây với bà.

Một buổi chiều giáp Tết, nhẩn nha ngoài đường nghe về chuyện cậu Đói, lòng ông khách đi chi tiền hát cũ ra về, giờ mới thấy ngậm ngùi cho cuộc sống của làng chơi lúc xế chiều, tiền hết sức khỏe hết, cái tài hoa còn giữ lại được thì cũng chỉ là thừa. Ông nghe hộ cho người; ông nghe luôn thể về riêng ông. Ông thấy rằng ca nhạc và cái thanh cái sắc ở người đàn bà là thú thực đấy, nhưng đã có bao giờ những cái ấy có thể trở nên một cái bến tốt cho một đời sống của tình cảm. Ở đấy gió giời chúa hay giở mặt, nước nông mà lại hay có sóng ngầm. Qua Cổng Trắng, một đợt gió tàn năm tạt ngang tai. Ông khách rùng mình. Một tiếng đàn bà trẻ gọi giật lại:

- Này, vào tôi hỏi cái đã.

Cô Nhẫn! Ông khách ghé vào nhà cô đào Nhẫn.

- Lạnh quá Nhẫn ạ. Gió phố ta lạnh quá.

- Đời bọn tôi còn lạnh bằng vạn cái gió ngoài đường ấy ... Qua năm anh xuống hát mở hàng

cho Nhẫn nhé. Anh xuống đốt cho em một bánh pháo để mừng cho cái đời có chồng của Nhẫn lại được ngắn bớt đi một đoạn nữa nhé.

Người đàn ông từ chối, viện cớ để không mở quả mứt đầu năm; người đàn bà nói lại rằng một người vía lành đến nhường ấy thì cứ phải xuống. “Vớ lại đầu năm, ai cũng thế, khai hoa, rồi mới khai bút anh ạ. Sau đó, có làm gì thì mới làm. Anh vốn là người hiểu biết nhiều” Lòng cái ông khách chơi vừa se lại cách đây mấy phút, giờ lại mở toang. Ông cười hà hà như một người được đời sống cho mình có rất nhiều tiền để đem tiền ra mà cười với mọi người. Ông nhận nhời hát mở hàng nhà Nhẫn.

Một kẻ đói rách khúm núm tiến vào. Lại vẫn lại cái người mặc áo vành tô bán roi châu ban nãy tại nhà bà Téch Già.

- Bà mua cho một trăm. Hai bó này là đủ một trăm roi.

Rất tử tế, cô Nhẫn mở sắc gửi người bán roi ba đồng, không đếm số roi ở hai bộ xem thiếu hay đủ và cất ghóa về phía ông khách:

- Bác Đới là chỗ quen. Nhà vẫn còn nhiều roi. Có đến hàng chục ông thầu khoán tới đây đánh trống cho giã gân cốt tay cũng không gẫy hết được. Nhưng tôi cũng cứ mua để bác Đới lấy tiền tiêu tét. Bác vẫn ở trong ngõ Liên Hoa đấy chứ ? Bác xem hể lúc nào cô Hường hàng xóm dọn đi thì bảo tôi ngay, để cậu lý nó và các cháu vào trong ở kẻo ngoài này chật lắm. Độ này, cứ hai ba châu một đêm là thường.

Ông khách vui tay rút một cây ra khỏi bó roi vừa mua. Ông thử roi vào mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi uốn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo. Bác Đới tiến gần lại:

- Dạ thưa đây là gỗ ruổi.

Ông khách lại uốn đến cái roi khác ở bó thứ hai. Roi mới uốn được có chút đường cong thì kêu đánh rắc, gẫy đôi.

- Thế cái này hẳn là gỗ găng ?

- Dạ bẩm ông tinh lắm. Gỗ ruổi thì rẻ bền hơn. Nhưng thường bán ra, tôi vẫn chưa được một nửa ruổi và một nửa găng. Được cái các bà các cô ở xóm vốn có bụng thương nên đều vui lòng nhận như thế cả. Vớ lại các ông tính, chúng tôi làm nghề chuốt roi châu mà đánh đến một nghìn bài Thét Nhạc rồi mà đời một cái roi bán ra ấy vẫn cứ lành vẹn thì chúng tôi sống thế nào được, nếu không liệu thay nghề đi.

Ông khách gật gật, cười hóm hỉnh:

- Nhưng ngộ tôi muốn có một cái rất bền có thể dùng hết đời mình và lại còn truyền đến đời đứa con tôi sau này nữa mà không gẫy thì liệu bác có cái nào không ?

- Dạ ông đùa kẻ hèn mọn này hay là ông nói thực ?

- Tôi nói thực đấy.

- Dạ thế ông cứ ngồi đây, tôi về nhà lấy đem ra. Ông uống tàn ấm trà với bà Nhẫn thì tôi ra đấy.

Người bán roi đi rồi, chủ nhà nói chuyện về người bán roi:

- Anh có biết rõ về cậu Đói này không ? Hát từ hồi còn Hàng Giấy kia đấy. Độ chị tôi dọn trên ấy cậu thường đến phá luôn. Tôi còn bé bằng này. Giờ thì cực lắm. Bán roi châu cho mấy xóm. Nên gọi là Đói - Roi. Này, tài hoa lắm nhé. Cậu ta mà đánh ba tiếng trống gọi rất tròn rất đĩnh đạc thì đến bà cụ. Trường Bầy đang ngủ cũng phải chồm dậy mà xóc phách. Những lúc say đùa mà cậu nhại lối hát Ấp thì cứ bỏ ra mà cười. Lại đánh được cả đàn đáy nữa. Giá chịu khó uốn nắn thêm ít tiếng nữa thì ghim đàn đáy được rồi đấy. Chúng tôi thỉnh thoảng có khuyên cậu nên xoay tài ra mà làm kép còn hơn là chuốt roi thì cậu kêu rằng giờ cậu rất lấy làm sợ những tiếng tơ tiếng trúc và nếu có tập thêm để đàn quanh đây thì rồi cũng chỉ đến thành một anh kép một để mà đắc tội thêm với tổ, nên cậu không muốn. Chữ nghĩa như thế mà không thành một cái danh phận gì thì cũng uổng và cũng tội. Cái bài Tỳ Bà chữ, chữ viết lối triện treo trên gác là chữ bác Đói - Roi đấy. Chị tôi cho mượn treo đến hai năm nay và giờ tôi có ý chiếm hẳn. Người vậy mà hay khái lắm đấy nhá, cô Vy - Đồng - Bóng mê lắm. Mà xem cậu Đói thì hình như cứ làm như không biết ấy. Thế có lạ không ?

- Vy nào ? Hay là Vy lấy cái lão người Cư. Đà mà nó cứ gọi là Mặt - Thủ - Lợn ấy phải không ?

- Chính. Tính con bé cũng ngang lắm. Nên mấy lần dọn nhà hát đều sập cả và giờ thì chỉ đi hát mảnh thôi. Khối người chấp chới. Mà nó vẫn gan.

Đói-Roi đã lộn về, xách một cái túi vóc lam đựng đôi roi châu. Ông khách xem qua, biết ngay là thứ roi quý. Một cây bằng gỗ Khổng, một cây bằng gỗ Nguyệt Quế. Roi gỗ Khổng khắc cả một bài Hữu Sở ? Tư chữ lệ và riêng mấy câu “Mỹ nhân hề mỹ nhân” - Bất tri vi mộ vũ hề vi triều vân - Tương tư nhất da” thì viết theo lối hành thư. Roi gỗ Nguyệt Quế khắc một câu Thiên Thai Thanh đài bạc thạch dó thành trần. Đề là nét khắc của cậu Đói cả. Ông khách lấy làm đặc ý lắm, ngắm mãi và uốn mãi, luôn tay thử mãi vào mặt trống.

- Tôi phải lấy hai cây này. Bao nhiêu ?

- Cái đó tùy ông. Tôi giờ thất thế, có giữ thì cũng chẳng dùng đến nào. Nhưng ông cũng chỉ nên lấy một cây thôi. Còn cây khắc câu Thiên Thai tôi giữ lại làm kỷ niệm.

Ông khách là người biết điều, đưa ba chục, lấy cây roi Hữu Sở Tư (1)

Lúc tỉnh rượu, giờ Tết lúc ấy áng chừng độ năm giờ. Ngoài ngõ, vẫn mưa phùn. Đói-Roi vào nhà trong tìm không thấy Vy đâu cả. Con sen vừa đi đâu về đưa ra một bì thư. Thư rằng “anh Đói ơi, em phải yêu anh ...”

Đói-Roi ngồi lặng người đi. Lờn thư quyết liệt lắm.

- Mợ con dặn khi nào ông dậy thì nói là mợ con phải đi hát mảnh hát đầu năm. Một mảnh chúc thọ dưới Ấp và một mảnh mở cửa hiệu trên Hàng Ngang. Mợ con dặn đun nước hạt mùi để ông tắm. Và tối thì mợ con về cùng đi ăn với ông.

Đói-Roi gật. Mặt người bán roi lại nghiêm trang và xa vắng hơn cũ. Thế này thì ra Vy nó muốn lấy mình và đêm nay là một tối tân hôn của nhau đây. Vy nó thương một anh bán roi không muốn cho anh bán roi phải khổ nữa! Đói-Roi hút hết ba xu thuốc lào. Miệng Đói-Roi cười ra chua chất và mắt thì ướt dần. Từ lúc sa sút, chưa khi nào chàng thấy bận lòng hơn phút này.

Đói-Roi hiểu Vy thương mình lắm. Nhưng gắn cái thân mình vào đời Vy chàng thấy là buộc một quả chì vào đời người ta để rồi mà chịu ơn đời đời. Mà từ sau phút này, từ chối Vy nữa, chàng thấy sống là một sự hết vui. Mà nếu không lấy người tri kỷ thì lấy ai ? Mà cứ đi chuốt roi mãi như thế này, Tết ấy qua Tết khác, sống bằng sự thương hại của một giáo phường thì cũng là một điều hớ. Đói-Roi vừa nghĩ ra được một việc rất hay phải làm ngay, không thì chẳng có lúc nào làm được. Đêm ấy, không để một chữ gì cho Vy, gọi là đền đáp nhau một cái tri ngộ. Đói-Roi đã men theo phía Cổng Trắng treo cổ lên ngành tre bên dòng nước tù.

Và rồi càng về sau này, cái người trai không vợ ấy đã thành một ông mãnh rất thiêng thường hiện ra để quấy nhiễu nhà chủ cô đào ơ ? Khâm Thiên dám vô lễ với vong hồn mình vẫn oán kết gần quanh kỹ viện. Nhiều nhà hát, những đêm không có khách, đã khóa trái cửa gác rồi mà cứ nghe thấy có tiếng đánh trống trên đầu. Cúng thì lại hết.



Thả thơ

Cái buồn thường không mấy khi xảy đến một cách đơn chiếc. Cụ Phủ bà vừa mất vào quãng đầu xuân, cỏ xanh chưa đủ che kín mặt nấm mộ mới, thì cuối xuân năm ấy, cậu Chiêu lại cũng qua đời. Vì những luật lệ về luân lý gia đình vẫn còn ứng dụng được dưới xuôi vàng thì bên kia cõi đời này, linh hồn cậu Chiêu chí hiếu đang được yên tĩnh để hầu dưới gối một linh hồn chí từ. Và trên trần, có một gia đình đang lúng túng vì sự hui quạnh. Bây giờ cụ Phủ ông đã lâm vào cái cảnh gà sống nuôi con một. Nguyên cụ Phủ được hai người con: cậu Chiêu không may sớm cướp công sinh thành, để lại cho cha một người em gái bỏ cô mẹ, đã đứng tuổi mà chưa có dịp nào xuất giá. Trời đất ôi, trên mấy gốc tre cần không đủ gây thành một bụi ẩm, trận gió thanh bạch ngày ngày cứ ào ào thổi mãi.

Cụ Phủ ông là một người mà học lực và chính tích chấp được cả bạn đồng liêu một thời; cô Tú là một thiếu nữ con quan mà cái tài làm thơ phú theo một gia sáo vững vàng, mà cái hạnh về môn nữ công đủ làm vinh dự cho một gia phong. Nhưng ông Giời thích thừa trừ đã buộc ông

Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu. Và những lúc này, người ta không mấy ai nói đến tài và hạnh và thường chỉ hay nhắc đến chữ phận và chữ duyên.

Tiếng trống phủ trên lầu canh cứ điểm đều những tiếng vô vị vào một tư thất lạnh lẽo. Gian nhà giữa cụ Phủ Ông đã thâu canh dài làm bạn với thánh hiền bên án sách leo lét ngọn đèn; trái nhà phía tây, cô Tú âm thầm ngồi vấn chuyện với bóng in trên lá màn vải xô. Có những đêm mưa to gió lớn làm nhòe những tiếng trống phủ cầm canh, cô Tú rời phòng mình, qua gian giữa gây một lư trầm cho cha. ở gian giữa tư thất liền có tiếng ngâm thơ:

Cứ đốt lò hương cho tới sáng,
Thử xem mưa gió tới bao giờ¹.

Nhưng có một đêm rất gần đây, tiếng trống phủ thành hét quấy quả canh dài cụ Phủ và cô Tú nữa. Người cha đã cáo quan về vườn rồi. ở một xứ quê buồn tẻ kia, bây giờ có một ông đồ già ngồi dạy trẻ và một cô con gái ngày ngày ngồi trong nhà gõ một ống tơ vàng hay là chạy ra vườn bứt ít lá dâu nó cũng già cỗi theo cái cảnh người. Bây giờ muốn nói đến cụ Phủ già đã cáo lão về hưu, người làng chỉ gọi là quan Nghè Móm.

Cụ Nghè Móm thường dạy học vào buổi sớm. Cô Tú săn sóc mọi việc trong nhà cũng vào buổi sớm.

Buổi chiều đến cô Tú đi chợ, làm cơm và mua luôn cả đồ ăn thức dùng cho buổi sớm hôm sau nữa. Cụ Nghè Móm ở nhà nhàn rỗi dùng thời giờ vào việc sao một lá số, gieo một quả bói hay là kê một đơn thuốc cho người làng. Có một buổi chiều, một người bạn đồng song cùng ở vùng ấy, nhân bị trời mưa dầm giữ lại nhà cụ Nghè Móm, đã nói với chủ nhân:

- Dăm ba tên học trò nhép này, lấy gì làm đủ sống. Trà tàu, rượu cúc, cây cảnh và hình như bác vẫn chưa bỏ được cái chứng thấp nền bạch lạp để đọc Đường thi sách thạch bản thì phải, lâu nay có đi đâu xa không?

Cụ Nghè Móm cười. Người bạn già rịt mũi thuốc chặt xuống nỡ điếu, tiếp:

- Tôi có một chuyện này muốn nói với bác từ lâu lắm, nhưng chỉ sợ bác chê là cô lậu.

Cụ Nghè Móm ngừng tay mài hòn son trong đĩa, chăm chăm nhìn bạn.

- Bây giờ tổ chức những cuộc chơi thả thơ, ý bác nghĩ thế nào?

- Cũng khó lắm. Hồi tôi còn tại chức, có lúc thì tôi đánh thơ ở nhà, có lúc thì lên quan Đốc trên tỉnh, không mấy tháng là không có một cuộc hội họp. Mà tôi nghiệm cái giống thả thơ càng hay chữ càng hay thua cay. Có lắm đêm tôi mất đến mười mấy quan tiền đồng mà không trúng lấy được một chữ.

- Cụ Phủ dạy như thế thì nhảm rồi. Cứ gì phải được tiền. Vả chẳng, người thua có mấy khi là người đốt chữ đâu, và kẻ được thường cũng không dám tự đắc lên mặt sánh thơ. ở vùng đây lắm người cũng muốn chơi lắm, nhưng tự xét không đủ tư cách để thả thơ cho ra hồn, nên chưa có cái lối hội họp như vậy. Tôi muốn được biết ý cụ về việc thả thơ này.

- Tôi bỏ đã lâu ngày rồi. Nếu có định chơi thì phải đọc lại thơ mất một dạo, và vòng cho đủ chữ một túi thơ, kẻ cũng công phu lắm. Điều tôi ngại nhất nữa, là bây giờ tuổi tác rồi. Bây giờ lại bày trò vui đó, e có một cho tinh thần. Đã thả thơ thì phải ồn ào mới vui. Còn trẻ trung gì cho nó

cam. Mà cụ tưởng ở đây ai đánh nổi. Chữ nghĩa đâu mà làm cái vốn. Họ dốt chữ, họ thua thơ, mình ăn tiền của họ đã không lấy gì làm hứng thú mà lại còn mang tiếng rất nhiều nữa.

- Nếu mình cứ thả thơ luôn ở đây, những người ở vùng quanh sẽ tới. Tôi sẽ rao lên. Cụ kêu người đây ít chữ; kệ họ. Họ mất tiền mà được lạm dụng vào làng thơ phú, họ phải lấy làm sung sướng. Mà bọn nhà nho nghèo như anh em mình, nhiều lúc cũng nên cho họ chơi trò một chút, miễn là họ phải trả tiền. Tục lệ ở hương thôn, khi bán nhiều bán xã, mua quan viên cũng không ra ngoài cái ý đó. Vậy bác để tâm đến việc này. Từ mai bác đọc lại các tập thơ cổ, tìm sẵn những chữ 'vòng' chữ 'thả' thì vừa. Cô Tú nhà ta giọng trong và ấm tiếng lắm.

- Để tôi xem xem có nên không đã.

- Cụ không phải nghĩ nữa. Vậy xin đính ước với cụ đến tuần trăng sau. ừ, bây giờ chúng ta là cuối hạ. Bắt đầu sang thu mát trời, thả thơ thì tuyệt. Nhà lại ở bên sông, còn chờ gì mà không làm một cái nhà bè trên mặt nước. Kể cũng đủ di dưỡng tinh tinh và đỡ cho khoản nhật dụng.

Khách đi rồi, cụ Nghè Móm nghĩ đến hồi trước, cụ đi lại với bạn đồng liêu, những lúc thừa nhàn, không đánh tổ tôm, chơi cờ tướng, thì lại bày một cuộc thả thơ hay là leo lên một đồi trái núi đá. Cái buồn thấy đời là ngắn là ít, chớp qua lòng một ông già đã muốn yên phận với chữ bài.

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ được giữ lớp bụi ngàu và ra khỏi cái níp sách sơn son. Cụ Nghè Móm bắt đầu nghiền lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống thi, Minh thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ ngừng lại, ghé mắt kém vào mặt chữ nhỏ như con kiến, cụ vắt tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bẫm. Rồi cụ ngồi nhòm dậu, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần đầy, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch ra rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay. Đám học trò nhỏ, đầu còn để cái chỏm dài lẫn thẩn hỏi cô Tú, cô vui vẻ trả lời:

- Đừng nghịch, thầy trông thấy, thầy mắng chết. Giấy này để làm gì à? Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đấy để bày ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

- Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những cậu học trò nhỏ tuổi của cha mình như một người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giảng:

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: 'Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần' đấy chứ? ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ 'hướng' ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này: 'Quân hướng Tiêu Tương, ngã ... Tần'. Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: 'Quân hướng Tiêu Tương, ngã. ... 'vòng'... Tần'; Chữ 'vòng' đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ 'thả' ra. Thí dụ thầy thả năm chữ: cố, tại, vọng, phản và luôn cả cái chữ hướng trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

Tụi trò nhỏ thấy chuyện thả thơ ngộ nghĩnh, nghe lấy làm khoái trí, trở mắt nhìn cô Tú, giục cô nói tiếp.

- Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Nhưng mà đây là chuyện của người lớn tuổi. Các em ra tập bài đi, bao giờ thành người lớn rồi sẽ biết.

- Nhưng mà biết thế nào là được, là trúng hả chị? Lạy chị giảng cho một chút nữa, rồi các em xin đi ra bục học bài ngay, để chị rọc giấy.

- Trên đầu mẫu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ phả. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn độ hở cái khoảng viết mấy chữ: 'Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tàn', với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ cố, tại, vọng, phả, hướng em chọn lấy chữ phả mà đánh mà làm thành ra câu: 'Quân hướng Tiêu Tương ngã phả Tàn', thì là em trúng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...

Tụi trò nhỏ nhìn nhau cười khúc khích và khi bị cô Tú xua đuổi lên nhà học trên đầu ngoái cổ lại cười, nói một loạt với người con gái lớn của thầy học:

- Bao giờ các em nhón, học giỏi được lên tập bài trên trường quan Đốc tỉnh, mỗi khi về thăm lại thầy, chị thả thơ cho các em đánh với nhé!

Đêm mười bốn tháng tám là cuộc thả thơ lần thứ hai của cụ Nghè Móm. Lần trước thả vào thượng tuần tháng bảy; lần này cụ Nghè Móm chọn ngày mười bốn, có người hỏi tại sao không để đến ngày rằm, cụ nói:

- Trăng mười bốn bao giờ cũng khéo hơn trăng rằm. Ngày mười bốn là ngày vầng trăng đi tới chỗ toàn thịnh. Ngắm vầng trăng rằm, người tinh ý sẽ nhận thấy cái vẻ sắp tàn của một vật gì đã mãn khai trong có một thì.

Những người có chút kinh nghiệm, đều chịu lời ông già nhận xét là chí phải.

Vầng trăng mười bốn lúc chéch về đoài đã in một cục bóng thắm và dài lên mặt con sông trắng và lạnh như thổi thiếc vừa nguội. Đây là bóng chiếc nhà bè lợp lá gồi mà trong đó, cụ Nghè Móm đang ngồi làm nhà cái, thả thơ cho hàng chục người con đánh. Người ta đang sát phạt nhau bằng tiền, đem cái may rủi cả vào đến cõi văn thơ và trên mặt nước sông thu, tiếng ngâm một câu thơ được cuộc, tiếng ngâm một câu thơ thua cuộc mất ăn tiền, những tiếng đó đều âm hưởng trên làn nước lạnh, thanh âm nghe trong trẻo, du dương và thái bình như tiếng vang của một hội tao đàn nào.

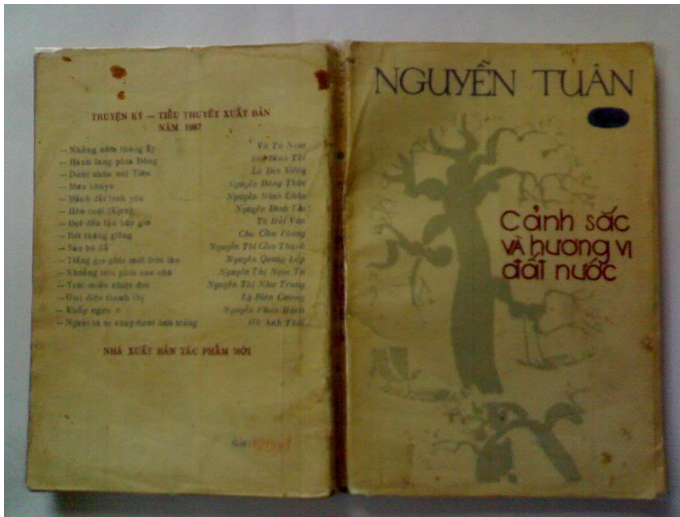
Mỗi buổi tối thả thơ, cô Tú đều ngồi bên cạnh cha. Cô bận tay đỡ cái túi thơ của cụ Nghè Móm mở lấy ra từng lá thơ đặt vào lòng chiếu cho làng chọn chữ đặt tiền. Đôi khi có kẻ chọn phải một chữ rất què kệch mà lại trúng vào chữ ăn tiền, cô Tú tằm tìm nhìn mãi nhà con đang vờ tiền, chừng như muốn bảo thềm người được tiếng bạc đó chữ đó: 'Đấy ông xem, ở đời ăn nhau ở may rủi, chứ chữ nghĩa tài hoa mà đã làm gì, phải không ông?'

Tháng lại tháng, cụ Nghè Móm thả thơ trên mặt sông đã là một chuyện mà một vùng đấy nhắc nhảm đến luôn luôn. Nhưng có kẻ ác miệng đã phao lên cái tin cụ Nghè Móm định mượn cuộc thả thơ để cho con gái lớn gần quá lứa kén chồng.

Từ đấy không thấy cô Tú theo kèm cha xuống bè nữa. Cụ Nghè Móm không cho cô Tú theo mình đi thả thơ. Từ đấy, không rõ tại đâu, cụ Nghè Móm hay thua luôn. Và bọn đánh thơ thì ưỡ

oải vợ tiền được, và buồn nhớ đến một cái bóng người đã mượn ít nhiều tiếng thơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đổ chữ lấy tiền.

Về Nguyễn Tuân ba bài viết ngắn & một phác thảo chân dung Vương Trí Nhàn



Nhân kỷ niệm một trăm năm ngày sinh Nguyễn Tuân (10-7-1910/10-7-2010), xin kính trình bạn đọc Viet-studies ba bài viết ngắn và một phác thảo chân dung nhà văn. Các bài khác của chúng tôi về tác giả này đã in rải rác trong các tập sách Một số nhà văn VN hôm nay với Hà Nội, Chuyện cũ văn chương, Nhà văn tiền chiến & quá trình hiện đại hóa văn học, Phê bình & tiểu luận...

Huyền thoại một thời Theo kiểu Hemingway

Cùng với sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng, sự tiếp nhận văn chương của con người thời nay so với người xưa có thêm những phương tiện mới: nếu muốn, họ có thể đồng thời vừa đọc sách một nhà văn, vừa biết rất rõ về nhà văn ấy. Con người tác giả không còn là một yếu tố trung tính và càng không được thông tin càng tốt. Ngược lại, con người tác giả cũng phải tham gia vào quá trình chinh phục bạn đọc. Ví như Hemingway chẳng hạn. Sinh thời, ông là một cá nhân được gần như cả xã hội để ý theo dõi. Những cá tính kỳ lạ của ông, khả năng cô độc, khả năng dai dẳng ngồi xem đấu bò, đi săn, đi câu giữa đại dương v.v... những cái đó được người ta sẵn tìm truyền tụng đồn thổi bàn tán, không kém gì tác phẩm của ông. Có người bảo rằng Hemingway không vô tư trong việc này. Dường như ông cố ý trình ra trước xã hội một con người nhà văn như ông muốn. Ông hiểu rằng những giai thoại kia giúp cho ông đến với độc giả thêm nhanh chóng, thuận lợi.

Khỏi phải nói, ai cũng biết việc tự giới thiệu như thế không phù hợp với thói quen của các nhà văn lẫn bạn đọc ở Việt Nam. Chúng ta thường bảo nhau rằng phương tiện tốt nhất và gần như duy nhất để nhà văn đến với bạn đọc là tác phẩm. Trong khi cuốn truyện, bài thơ làm việc, con người nhà văn càng không dây dưa vào đấy càng tốt.

Ấy thế nhưng trong Văn học Việt Nam hiện đại cũng đã có một nhà văn dựng tạo sự nghiệp của mình theo kiểu Hemingway nói trên. Trong khoảng gần năm chục năm cầm bút ông đã tạo

nên quanh mình cả núi giai thoại, chính những giai thoại nửa thật nửa bịa đó là một chất dẫn truyền rất tốt để tác phẩm của ông có thêm cái lung linh mà người đọc phải cố tìm biết. Nhà văn đó là Nguyễn Tuân.

Thích ứng theo hoàn cảnh

Theo một số nhà văn đương thời kể lại thì trước cách mạng, ngay từ khi chưa viết Vang bóng một thời, Nguyễn Tuân đã nổi tiếng trong giới làm văn làm báo như một người chơi ngôn, tiêu tiền như rác, hết sức khinh bạc nói chung là có những cách ứng xử vượt lên mọi quy cách thông thường.

Không có gì lạ khi thấy trong văn xuôi, những khía cạnh đó của con người chàng Nguyễn vẫn được giữ nguyên, thậm chí được tô đậm lên ít chút. Nhà văn công khai lấy chuyện riêng của mình ra để viết. Đôi khi ông có đội cho nhân vật một cái tên họ khác đi thì cũng chỉ là một sự thay hình đổi lột sơ sài, lộ liễu. Sự tò mò không bớt đi mà chỉ càng được khơi thêm mạnh mẽ. Đọc ông, trong tâm trí bạn đọc luôn luôn dậy lên những thắc mắc, không biết giữa ông với những Bạch, Nguyễn, những kẻ xưng tôi trong các tùy bút, có mối quan hệ như thế nào. Vậy là sự tiếp xúc của ông với bạn đọc đã hình thành. Nó làm cho người ta cứ phải nấn ná giữa các trang sách để từ đó, khi đã đọc Nguyễn Tuân một cách kỹ lưỡng, sẽ bắt gặp một con người nữa, con người tha thiết với đời mà cũng là con người nhân hậu, tự trọng, hết lòng cùng nghề nghiệp, biết gắn bó với vẻ đẹp trong truyền thống nghệ thuật của ông cha bằng một óc thẩm mỹ độc đáo. Cái tầng thứ hai này, cố nhiên, sẽ là lý do để người ta yêu thích ông lâu dài. Nhưng nếu không có cái tầng thứ nhất với cả những trò chơi trội độc đáo của chàng Nguyễn thì không chắc ngay từ đầu tác phẩm của ông có được sức cuốn hút như nó đã có. Xét về tác dụng, huyền thoại mà ông góp phần tạo ra không thừa, mà như nghề y cổ truyền, nó là một thứ thang để “dẫn” thuốc cho con người.

So với quãng đời trước Cách mạng, thì từ sau 1945, cuộc sống riêng của tác giả diễn ra theo một phương hướng khác hẳn. Cũng như tất cả các đồng nghiệp khác, nhà văn Nguyễn Tuân từ đó có thêm một tư cách mới: tư cách chiến sĩ. Con đường để ông đến với bạn đọc thường khi là con đường thẳng, không khuất khúc như xưa. Nhưng đó là trên đại thể. Nhìn kỹ thì thấy, cách tồn tại của Nguyễn Tuân trong văn học vẫn có chút gì khác thường và trong việc đưa tác phẩm của ông đến với bạn đọc, con người ông vẫn có một vai trò như không hề thấy ở các nhà văn cùng thời. Hãy chỉ nói tới một thời điểm rõ nhất: 20 năm cuối đời ông. Lúc này, tên tuổi Nguyễn Tuân vẫn được nhiều người truyền tụng. Đại khái, người ta hay rỉ tai nhau rằng đây là một ngòi bút ngang bướng, sẵn sàng nói ra những câu chướng tai, thích tự do cá nhân. và giữa thời chiến mà còn khư khư giữ lấy nhiều nếp sinh hoạt cầu kỳ, xa lạ. Không chỉ những người trong giới văn chương mà cả những người thuộc các tầng lớp xã hội khác không liên quan lắm với văn chương, cũng biết về ông như vậy. Và người ta lại tìm đọc ông để vừa thưởng thức văn tài, vừa cảnh giác dò tìm những chỗ ngang ngạnh của ngòi bút. Thế là một lần nữa, Nguyễn Tuân lại “ghi điểm”. Xét trên một phương diện nào đó thì sự tò mò mà ông gợi ra (trong đó cái sai xen lẫn cái đúng) đã giúp rất nhiều vào việc phổ biến những bài ký viết về phi công Mỹ và nhiều loại đề tài khác mà Nguyễn Tuân cho in những năm cuối đời. Nhờ vậy, điều ông viết ra (tội ác và sự kém cỏi của địch, thế mạnh, thế tất thắng của ta) – những cái đó lại đến với người đọc sâu sắc hơn. Nếu không ngại dùng chữ huyền thoại thì có thể bảo là cho đến lúc nhắm mắt, Nguyễn Tuân luôn luôn tạo được huyền thoại về mình, huyền thoại ấy lần này giúp ông làm tròn sứ mệnh một chiến sĩ, một cán bộ viết văn mà ông đã tự nguyện mang tất cả tài năng và tâm huyết để thực hiện. Từ chỗ là một ngòi bút cô độc (như hai câu thơ cổ ông dùng làm đề từ cho bài ký Sông Đà: Chúng thủy giai đông tẩu - Đà giang độc bắc lưu – mọi con sông đều chảy ra biển đông, chỉ riêng sông Đà chảy ngược lên phía bắc), ông đã trở thành một nhà văn của mọi người như những câu được viết trong sổ tang ông ngày ông nằm xuống ba năm về trước.

Vang bóng một thời

Tìm hiểu cuộc đời Nguyễn Tuân chắc nhiều người không thể quên một chi tiết: ngay từ khi chưa đầy 30 tuổi, người tài tử ấy đã mấy phen ngồi uống rượu ngang ngựa với ông thần nông Tản Đà. Vậy là sự già dặn đến với ông ngay từ lúc trẻ. Chắc chắn, sự già dặn ấy đã giúp ông có được cái định hướng độc đáo trong việc tổ chức đời sống của mình mà việc tạo huyền thoại, sống trong huyền thoại nói trên, là một ví dụ.

Nay thì cùng với Nguyễn, tất cả đã trở thành quá khứ. Trong khi những đứa con tinh thần thật sự của tác giả, những Một chuyến đi, Chiếc lư đồng mắt cua, Chùa đàn, Sông Đà, Chuyện nghề v.v... dần dần trở lại đúng các vị trí mà chúng phải có, thì những huyền thoại không còn giữ được vẻ thiêng liêng kỳ thú ngày nào. Đến với hiện tượng Nguyễn Tuân giờ đây, trong lòng không khỏi thoáng qua cảm tưởng thanh vắng y như đến chùa nhưng ngày hội đã hết, chỉ còn gác chuông, mái ngói và những pho tượng trầm tư. Ai người mau xúc động thấy thế lại còn muốn ngã sang về ngậm ngùi nữa! Họ quên mất rằng khi đặt tên cho tác phẩm đầu tay của mình là Vang bóng một thời, Nguyễn Tuân đã tự chứng tỏ ông là người có một quan niệm chắc chắn về thời gian: thời gian làm nên những giới hạn cho mỗi đời người, song những ai sống hết lòng với cái thời của mình, người đó coi như đã tìm được cách để đến với vĩnh viễn.

1990

Nguyễn Tuân và sự độc đáo trong văn chương

Ở bất cứ phương diện nào của nghệ thuật ngôn từ, ông cũng khéo léo đặt cái dấu ấn riêng của mình. Trước thứ văn bản “trộn không lẫn” ấy, các loại văn chương không dấu ấn riêng hiện ra như một thứ hạng nhì, hạng ba.

Bước đầu: từ bỏ

Lúc mới viết, Nguyễn Tuân cho “trình làng” một thứ văn chương nhang nhác như “xã hội ba đào kỷ” của Nguyễn Công Hoan, tức là đi vào khắc họa những nét kỳ cục buồn cười của chung quanh. Nhưng rồi đặt vào hoàn cảnh thị trường văn chương đang hình thành, ông cảm thấy không ổn. Phải tìm ra được “mặt hàng riêng” của mình. Có vẻ như ở đây người ta phải dám chơi một tiếng bạc “được ăn cả ngã về không”. Và Nguyễn Tuân đã chấp nhận. Cái cách viết mới le lói hình thành qua vài bài in trên Đông Dương tạp chí của Nguyễn Giang bị ông từ bỏ. Một cuộc phiêu lưu bắt đầu, Nguyễn Tuân “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” đi vào con đường độc đạo chưa ai đặt chân.

Lấy bản thân làm tài liệu

Mọi người dễ nhận ra khi đọc Nguyễn Tuân là ông chỉ viết về chính những gì ông đã sống. Trong khi ở một số người cầm bút đương thời có hiện tượng “sống một đặng viết một nẻo” thì ông mang chuỗi ngày quý báu của mình đang thể nghiệm vào luôn các trang viết. Đọc những bài trong Tùy bút I, Tùy bút II, Nguyễn... người ta không những biết ông gia cảnh thế này, dòng dõi thế kia, mà còn được biết thói quen hút thuốc và đọc sách của ông, ý thích lang thang trên các đường phố Hà Nội của ông, thậm chí còn được biết ông làm thêm một cái nhà, hoặc đi dự một đám cưới ra sao.

Phải nói đây là cả một hướng đi bạo. Ngay ở phương Tây, từ thế kỷ XIX về trước, lối viết đi vào xây dựng hình ảnh bản thân đã bị lên án. Pascal từng bảo: “Cái tôi thật đáng ghét”. Đối chiếu với thói quen giao tiếp của người phương Đông thì cái cách nói về bản thân không biết mệt ấy lại càng khó coi. Nguyễn Tuân lại tình nguyện đi vào vùng cấm ấy có phải vì những ý nghĩ thường trực sau:

- Trong tất cả sự độc đáo trên đời, chỉ có sự độc đáo của mỗi cá nhân là bền vững nhất, chắc chắn nhất.
- Chỗ giống nhau của tất cả chúng ta là chẳng ai giống ai hết.
- Vậy cách tốt nhất trong giao tiếp là cứ hiện đúng như mình vốn có, biết đâu nhờ đó lại tạo nên sự đồng cảm.

Montaigne chắc không thể ngờ là cái câu ông viết trong Tiểu luận “Tôi chính là chất liệu cho sách của tôi” lại được một nhà văn nước Việt thực hiện một cách trọn vẹn.

Một chút quá đáng

Trên cái hướng lớn là khai thác bản thân, một động tác nữa được thực hiện để tạo nên vẻ độc đáo của văn chương Nguyễn Tuân, đó là ông luôn tìm cách tô đậm những gì khác người nơi mình. Trên các trang viết, con người tác giả thường hiện ra đầy thách thức. Ai kia quen sống theo khuôn khổ, hẳn không thể thích cách sống ngang tàng không chịu ràng buộc của ông. Trong sự chung sống, nếu như người đời thường trọng sự khoan hoà nhân ái, thì ông sẵn sàng “lượm những hòn đá thực to ném lung tung, bất kể là trúng đích hay trật sang bên cạnh” (Đôi tri kỷ gương). Cho đến lời lẽ hàng ngày của Nguyễn, theo chính ông miêu tả, thường cũng “lủng ca lủng củng dăm dẳng cứ như đâm vào họng”. Những người có quen biết ông Nguyễn đều biết rằng, thực ra, ở đây tác giả có phần thâm xưng. Đọc kỹ văn của Nguyễn Tuân, người ta nhận ra ông không chỉ ích kỷ, mà còn biết lo cho mọi người; có lúc rất khinh bạc, nhưng có lúc lại đôn hậu biết điều. Nói chung, phải nhận đó là một con người khả ái, bởi ý thức phục thiện và những tình tế trong đối xử. Nhưng Nguyễn Tuân lại cứ thuận miệng mà tố mình lên như vậy là vì ông muốn tạo ra cho trang viết một hiệu quả nghệ thuật cần thiết. Và sự hấp dẫn của văn ông là sự hấp dẫn của kẻ làm xiếc, kẻ đi trên bờ vực. Theo dõi lời lẽ, cử chỉ của kẻ thường tỏ ra khác đời ấy, người bình thường không khỏi nhiều phen kinh sợ, nhưng rồi ra, lại được thờ phào nhẹ nhõm. Và lúc tới được với con người đích thực nơi ông, cũng là lúc người ta hết lời cảm phục.

Độc đáo để thành thực

“Lúc mới giao thiệp loàng xoàng với chung quanh, người ta đã không chịu được chàng rồi. Bây giờ Nguyễn lại làm sách để ghi lại những cái lỗi bịch mà sự chung đụng mỗi ngày càng vạch rõ thêm, người ta lại càng không thể tha thứ cho chàng được nữa” (Đôi tri kỷ gương).

Trong lời tự nhận xét trên, Nguyễn Tuân đã nhìn thấy một sự thực: ở xứ sở này, sự độc đáo trong văn chương dường như là chuyện hai lần vô lễ, chung quanh không bao giờ chấp nhận. Câu hỏi đặt ra: tại sao ông Nguyễn vẫn xé rào mà đi và cuối cùng lại được kính trọng? Ở đây, câu trả lời có liên quan đến một vấn đề cơ bản của nghệ thuật.

Mỗi khi có dịp tiếp xúc với bạn đọc, một số cây bút hạng nhì hay tỏ ý phân trần: trong tác phẩm tôi viết, tôi không thêm thắt bịa đặt gì cả. Tôi chỉ ghi chép sự thực như nó vốn có. Ít ra, tôi đã biết điều, tôi đã khiêm tốn! Khốn khổ, nếu như sự thật trong nghệ thuật là cái chuyện bất cứ người trần mắt thịt nào cũng nhìn thấy, thì các tài năng làm gì còn có lý do mà tồn tại?! Không, cái gọi là sự thực khách quan ấy thường nhằm chán, vô bổ. Ngược lại, cái sự thực mà người ta mong tìm thấy ở tác phẩm văn chương bao giờ cũng mang màu sắc chủ quan của các nhà văn chân chính, nghĩa là chỉ nhà văn đó mới nhìn ra, mà những người khác không thể thấy. Nói gọn lại tức là: trong văn chương, người ta không độc đáo thì cũng không thể thành thực.

Không dễ bắt chước

Thấy Nguyễn Tuân “chơi lối độc tấu” được nhiều người mến mộ, không ít cây bút vỡ ra bài học về sự độc đáo và cũng có ý học theo, mà trước tiên là tô đậm cho cuộc sống và văn chương mình những vẻ khác đời. Có điều phần lớn những cây bút học đời này thất bại: sự độc đáo trong văn chương ở họ, rút lại là một cái gì dang dở bất thành, cá tính hiện ra thành cá tặc, đôi khi đọc chướng anh ách và đọc một lần là người ta sợ, không dám đọc tiếp.

Đến được sự độc đáo trong văn chương, Nguyễn Tuân dựa trên một căn bản văn hoá vững chắc; muốn học cách khai thác bản thân như Nguyễn Tuân, trước tiên phải có vốn liếng từng trải thâm hậu và bản năng làm người nhạy bén như ông Nguyễn - bằng không, tẩu hoả nhập ma là chuyện khó lòng tránh khỏi.

1994

Sự biến hoá của cái đẹp

Nguyễn Tuân là người làm gì cũng có một sự dụng công và chăm chú khác thường. Mỗi khi cần nói về cái đẹp, ông lại càng tỏ ra trịnh trọng, như đang phải làm một công việc thiêng liêng.

Ông đã bàn tới cái đẹp trong mọi hoàn cảnh có thể: Khi phác hoạ một bức tranh thiên nhiên; khi bàn về nghệ thuật; khi bắt gặp một kiểu nhân vật, một con người, một hình dáng, một cách cư xử. Hồi viết Vang bóng một thời, ngay trong những đoạn miêu tả một vài hành động thông thường như việc người này uống trà, người kia làm một cái đèn cho con chơi, thậm chí tả một đám cướp dở, ôn lại ít ngón nghề trước khi vào việc, ông cũng mỹ lệ hoá hành động của chúng, làm cho những hành động ấy hiện ra hấp dẫn kỳ lạ, như là do các nghệ sĩ thực hiện. Có vẻ như nếu trên đời này, có một ngôi đền dành để phụng thờ cái đẹp, thì Nguyễn Tuân chính là viên tư tế chuyên lo công việc đèn nhang cho người đến lễ. Rung cảm trước cái đẹp là dấu hiệu phải có ở một con người lịch lãm thạo đời. Hiểu biết về cái đẹp là niềm kiêu hãnh duy nhất mà người tài tử thêm muốn. Và mỗi giây phút bắt gặp cái đẹp là một đặc ân, một phút xuất thần của con người: Nhiều trang sách của Nguyễn Tuân trước 1945 được viết để nói với bạn đọc cái điều tâm huyết ấy. Từ sau 1945, trong hoàn cảnh đầy biến động của hai cuộc kháng chiến nối tiếp, nhà văn này vẫn tìm đủ mọi cách để nhắc tới vẻ đẹp. Hoặc ông tố cáo tội ác của những kẻ huỷ hoại thẩm mỹ, huỷ hoại nghệ thuật (như ở bài Xoè in trong Sông Đà). Hoặc ông lưu ý rằng chúng ta phải tạm thời hy sinh cái niềm vui ấy đi để làm những việc cần kíp (“ Trời hãy dừng đẹp nữa” - một câu trong bài Giữa hai xuân viết đầu kháng chiến chống Pháp). Và về sau thì ông lại để công sức tìm những vẻ đẹp mới mà trong thực tế hôm nay mới xuất hiện.

Đồng đánh, già dặn, quái gỡ

Cái đẹp vốn đa dạng như cuộc sống. Tuy nhiên, người đời vẫn gặp nhau ở một cách hiểu chung về nó, đại khái, trong cái vẻ đẹp phải có những nét hài hoà, mới và trẻ thì dễ đẹp; và theo truyền thống phương Đông, cái đẹp phải đi đôi với cái thiện. Nhưng đó là cách hiểu thông thường! Một người đến với văn chương đọc đáo như Nguyễn Tuân không thể bằng lòng với cách hiểu đó mà phải đưa ra bằng được những quan niệm riêng. Ngay từ 1944, nhà phê bình tờ Tri Tân là Kiều Thanh Quế đã nhận xét: “Văn Nguyễn Tuân khi dí dỏm như cô gái làm nũng, khi lại đồng đánh như người đàn bà khó chiều”. Cái sự đồng đánh tai ngược mà Kiều Thanh Quế nói ở đây, cũng có thể dùng để nói về quan niệm thẩm mỹ của Nguyễn Tuân. Ông hay nói tới những vẻ đẹp già dặn. Trong văn của ông, người đàn bà đẹp thường là những người đứng tuổi, thạo đời, giỏi ngón ăn chơi, song lại có học, nhiều khi chơi chua và hay nói phũ, để rồi biết dừng lại đúng lúc, và tạo nên sự quyến rũ của riêng mình. Rộng ra mà nói, cái đẹp của Nguyễn Tuân thường có khuôn mặt của cái lạ, cái khác thường, nói chung đó là những cái đậm, gắt mà người đời cho là ra ngoài khuôn khổ. Sự đa dạng của vẻ đẹp mà ông đưa ra có thể thấy ngay ở những từ xác định mức độ, sắc thái của cái đẹp được miêu tả. Ngược với cái đẹp hiền hậu kiểu Thuý Vân (mà tác giả gọi là một vẻ đẹp “vững chãi và ngu dại”, ông thích cái đẹp sắc sảo của Thuý Kiều (Một lần đi thăm nhau). Đi xa hơn, ông nói tới cả cái đẹp tả tơi, cái đẹp hỗn độn (Chuyến xe tình), cái đẹp ngọt ngọt (Đôi tri kỷ gượng). Trong những thiên truyện được gọi chung là yêu ngôn, Nguyễn Tuân lại hay tả lại sự ám ảnh của những vẻ đẹp oan nghiệt, cái đẹp ròn rợn, khiến cho người ta vừa thích vừa sợ (như vẻ đẹp của nhân vật cô gái bán giấy bút trong truyện Khoa thi cuối cùng). Cái đẹp qua cách miêu tả của ngòi bút Nguyễn Tuân như vậy trở nên thoát ần, thoát hiện, biên giới của nó như mở rộng hơn, và hồn cốt của nó sẵn sàng nhập vào cả những sự vật mà trước kia người ta ít ngờ tới.

Đi xa nhất trong việc tiếp nhận

Cùng với Thạch Lam, Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn tiên chiến tự đặt cho mình là phát hiện bằng được cái đẹp vốn tàn mát trong đời sống. Thế nhưng sau chỗ xuất phát chung ấy thì hai người lại đi theo hai con đường hoàn toàn khác nhau.

Nếu cái đẹp ở Thạch Lam mang sắc thái thuần hậu, thì đến Nguyễn Tuân nó đi gần tới sự bất cần đời, ngạo nghễ, phá cách (“ Một thằng ăn cắp đã trở nên đẹp đẽ vô cùng khi hấn cật túi người ta rất gọn rất nhanh” - Chuyến xe tình). Sự xuất hiện một quan niệm cực đoan như thế trước tiên do sự phát triển nội tại của văn học. Từ những năm 30, đời sống tinh thần ở xứ sở có sự biến chuyển nhanh chóng, từ “xanh” đến “chín”, từ đơn sơ học lõm đến lúc có tất cả cái rắc rối phức tạp mà một nền văn hoá làm theo mẫu hình phương Tây thường có. Thêm vào đấy phải tính tới môi trường lớn mà văn hoá Việt Nam lúc đó phụ thuộc. Nhìn lại văn chương những

năm trước sau 1940, người ta không khỏi nhận ra những mảnh vỡ trong mỹ học của các trường phái suy đồi, siêu thực (nói chung là có màu sắc duy mỹ) - những trường phái này phát triển ở Pháp từ đầu thế kỷ XX, và theo sách báo in ra đều đều mà thấm dần vào xã hội Việt Nam. Trên cơ sở một quan niệm hiện đại về quyền tự do của con người, nếu Nguyễn Tuân cùng với một số văn nghệ sĩ khác có tiếp nhận chúng một cách dễ dàng thì cũng không phải là một điều khó hiểu! Cố nhiên, trong hoàn cảnh riêng của xã hội Việt Nam lúc ấy, những quan niệm hiện đại kia không được nhập cảng một cách trọn vẹn. Các nhà văn nhà thơ vốn có một nền học vấn vững chãi như Nguyễn Tuân, Vũ Hoàng Chương, hoặc bên hội họa như Nguyễn Đỗ Cung v.v... thường không quên đưa vào đây những yếu tố duy mỹ trong nghệ thuật phương Đông (Lão Tử, Trang Tử hoặc chất huyền hoặc trong Liêu Trai), mặt khác, tiếp nhận tinh thần phá cách trong văn hoá dân gian Việt Nam để làm nên những cốt cách riêng. Ở phương diện này, Nguyễn Tuân trong thời tiền chiến là một trong những người đi xa nhất.

Theo sự quy định của thời đại

Từ sau 1945 tuy vẫn để tâm săn tìm cái đẹp, song ngòi bút của Nguyễn Tuân lại được hưởng dẫn bởi một mỹ cảm khác hẳn. Nếu hôm qua, ông hướng về cái đẹp theo cái cách lạnh lùng khinh bạc và nghiêng về phân tích nội tâm thì hôm nay, ông ngả sang bao quát ngoại giới. Có dịp đi nhiều biết rộng, ông thích thú khi nói tới cái đẹp bao la rộng lớn (và đôi khi hung dữ nữa) của rừng và biển. Nếu hôm qua, ông cảm nhận một cách sâu sắc sự oái oăm “cái gì đẹp quá thì chóng tàn”, “cái gì đẹp quá thì ít khi được là thực”, thì ngày nay, cái đẹp ấy không yếu mệnh nữa mà trở nên chắc thiết, lạnh mạnh. Để xác định về đẹp tiêu biểu cho ngày hôm nay, có lần Nguyễn Tuân đã đặt hẳn bên cạnh nó mấy chữ mà có lẽ trước kia ông không ngờ tới: đẹp, bây giờ phải đồng thời lạnh, tốt, bỏ (bài Cửa Tùng). Tại sao lại có sự chuyển biến kỳ lạ như vậy? Người ta chỉ có thể hiểu được điều đó khi đặt hai giai đoạn phát triển trong mỹ cảm của Nguyễn Tuân vào hai giai đoạn lịch sử mà ông đã sống. Thời đại cũ yêu cầu độc đáo thì ông độc đáo đến ngoa ngoắt, thời đại nay yêu cầu sự có ích, thì ông thông thoáng hơn bao giờ hết. Và nếu trước kia, ông viết chỉ để dành cho một thiểu số bạn đọc gần gũi với ông, thậm chí người nghe thì thích song không hẳn đồng tình với ông thì ngày nay ông thuộc về một lớp độc giả đông đảo hơn hẳn. Mỗi thời ông lại phát biểu tư tưởng thời đại theo một cách riêng, và đó là điều tạo nên cho văn chương ông sự hấp dẫn.

1995

Nguyễn Tuân, người nhập vai

I

Hè phố Hà Nội vốn khá hẹp, chỉ có điều may là ở cái thành phố lấy xe đạp làm phương tiện giao thông chủ yếu này, người đi bộ có phần ít, phía các phố không phải phố buôn bán, vỉa hè thường vắng, bởi vậy, nếu không quá bận, đi bộ lại là cái thú, người ta có thể vừa đi vừa nghĩ, thoải mái.

Ở tuổi 76, nhà văn Nguyễn Tuân còn thích nhập vào hàng ngũ ít ỏi ấy của những người đi bộ trên đường Hà Nội. Mỗi buổi sáng, từ nhà mình bên phía Trần Hưng Đạo, ông làm một cuộc đi lại loanh quanh một số cơ quan quen thuộc: Hội Nhà văn, nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, báo Văn Nghệ, nhà xuất bản Văn học... Những bước ông đi ung dung chậm rãi; quần áo ông nghiêm ngắn, chỉnh tề; toàn bộ con người ông trên hè phố gợi người ta nhớ một cuộc đời văn học khá thành đạt, tuy không “toà ngang dây dọc” đồ sộ, nhưng tác phẩm viết ra thường có những đường nét riêng độc đáo. Người viết văn là một kẻ đi đường không bao giờ mệt mỏi - có lần Nguyễn Tuân đã so sánh vậy. Và chẳng, hình ảnh một cuộc hành trình ở đây không chỉ có nghĩa bóng, mà còn có thể hiểu theo nghĩa đen của nó. Trước khi có một tuổi già ung dung đi lại trên hè phố như thế, gót chân của con người từng trải ấy đã có dịp đặt trên hầu hết khắp mọi miền đất nước. Trước Cách mạng, ông từng là khách quen của các chuyến tàu xuyên Việt, cứ hứng lên là người lữ hành ấy xách va ly đi, và thích đi đâu là dừng lại ở đó: Thanh Hoá, Huế, Hội An v.v... Sau Cách mạng, những chuyến lên rừng xuống biển của Nguyễn Tuân càng dày

hơn. Một lần nào đó, sau khi đặt chân lên một ngọn núi trong dãy Hoàng Liên Sơn, ông hóm hỉnh nói đùa với một nhà báo nước ngoài: “Giờ thì ngọn núi đã cao thêm một mét vì có tôi ở trên”. Một lần khác, ông đi tới Lũng Cú tột bắc. Một lần khác nữa, đi một chuyến dọc Cẩm Phả, Cô Tô, Vân Hải, một thứ huyện đảo “sáu trăm đảo dư” và ông đã xúc động kêu lên: “Chao ôi, thấy như mình vừa cầm hẳn vào bàn tay của hạnh phúc, một thứ hạnh phúc mà chỉ có Tổ quốc tươi đẹp mới ban nổi cho, và đã ban cho ta đúng vào lúc ấy”. Hào hứng, kỳ thú, có nhiều ấn tượng... không kể với riêng một chuyến nào, mà với mọi chuyến đi, Nguyễn Tuân đều có thể bằng lòng mà tự bảo vậy; về phần mình, những người đọc, chúng ta cũng có thể mượn luôn mấy chữ ấy để miêu tả cuộc đời của nhà văn, một cuộc đời đi dài suốt lịch sử văn học nửa thế kỷ qua.

II

Để nói về những kẻ sĩ không chịu sống trong khuôn phép, những trí thức có học mà không chịu ra làm quan, không để tâm vào hoạn lộ mà chỉ nhất định lấy cái tài của mình ra trình diện với đời, trong xã hội phong kiến, người ta đã có sẵn chữ tài tử, lãng tử. Thường đấy là những người có tư cách, không chịu cúi lườn, khinh bạc, ham chơi. Có điều, cách chơi của họ rất khác đời. Sự say sưa khi cầm trên tay quân bài lá bạc, hoặc chén rượu ngon, đối với họ, không phải là mục đích cuối cùng. Giữa một xã hội phong kiến cào bằng nhân cách, trói buộc người ta trong những quy ước tẻ nhạt, cách chơi của những bậc tài tử này là lối chơi của kẻ thạo đời, đã đọc đủ sách thánh hiền nhưng vẫn chán, đành lấy việc chơi đùa để khẳng định chỗ hơn người và cả khát vọng tự do của mình. Chỉ xét trong phạm vi thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, người ta đã thấy nhiều nhà văn nhà thơ nổi tiếng ở nước ta trước đây là những người như thế nào. Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Tú Xương, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà. v.v... Cuộc chạy tiếp sức của những bậc tài tử này cuối cùng có thêm chàng Nguyễn. Sở dĩ Nguyễn Tuân có thể diễn tả thành thực người và cảnh Vang bóng một thời, bởi xét trên nhiều phương diện, ông vốn là một tài tử nhà nòi, đã sống thật chín, thật kỹ cái nếp sống phong kiến trái mùa kia, tức bản thân ông là một kiểu người vang bóng. Thận trọng và tinh tế, hay nghĩ về đời nhưng lại khinh bạc quay mặt đi vì biết không làm sao xoay chuyển được cuộc đời, ham tìm những cái đẹp tao nhã, sẵn sàng bạn bầu cùng một ánh trăng sông, một nhành hoa lạ... những đặc tính ấy của Nguyễn Tuân thật ra là một sự thừa kế có phần tự nguyện nhưng cũng có phần bắt buộc dĩ từ nhiều bậc tiền bối. Ông sống trong những cung cách sống xưa một cách tự nhiên, cứ để cho nó tha hồ “hành” mình và tự nó ngấm vào mình lúc nào không biết. Vào cái thời mà Nguyễn Tuân lớn lên, những năm ba mươi bốn mươi của thế kỷ này, loại người giữ được cái chất tài tử ấy đi dần đến chỗ tuyệt chủng, nhưng chính vì thế, còn rơi rớt lại ở người nào đó, nó càng bền chắc và nhiều khi phô ra của cái vẻ khá sạch sẽ.

Một lý do nữa khiến cho cái bản chất lãng tử kia ở Nguyễn Tuân ngày càng được ông giữ gìn là nó có một vai trò đặc biệt giúp ông lập nghiệp. Nó cần cho ông trong đời. Bởi vậy, ông phải để tâm chăm chút nó và ông đã làm điều này một cách có ý thức. Gắn bó với quá khứ trong khi lịch sử đang sôi nổi nhiều biến động, giữ lấy chất lãng tử tự do trong lòng một xã hội thực dụng - ở một đời người, cách sống ấy nhiều khi đã gợi nên cảm tưởng về một cái gì trái khoáy, lạc lõng, y như cảnh “bức sốt nhưng mình vẫn áo bông” mà Tú Xương đã tự chế giễu. Nhưng Nguyễn Tuân không ở vào cái thế bị động đó, bởi ông có một nghề lạ, là nghề viết văn, viết báo. Quá trình chuyên môn hoá rất mạnh trong lòng xã hội tự sản không làm con người nền nã trong bộ y phục cổ này ngàn ngại. Ngược lại, với sự hỗ trợ của sách vở và kiến thức, với sự hiểu biết sâu sắc về hoàn cảnh, ông có ngay sự thích ứng tối ưu. Nương theo tình thế để sống, lấy ngay sự gắn bó với quá khứ làm chỗ mạnh để chơi với đời, con người ông trở thành một thứ hàng cao giá mà xã hội lúc đó không phải là không có yêu cầu (dù chỉ là yêu cầu rất ít).

Nếu có một thứ nghề sống, nghề làm người như cách nói của nhà văn Ý Pavese[1] thì Nguyễn Tuân trước đây quả thực đã là một tay nghề có hạng, với nghĩa tốt đẹp của chữ “có nghề” này.

Từ sau 1945, với chất thiên lương và tinh thần yêu nước sẵn có, Nguyễn Tuân lại nhanh chóng phục thiện, để đứng vào hàng ngũ Cách mạng. Con người chủ yếu ở ông, từ nay, là con

người cán bộ, con người chiến sĩ, nghĩa là thành viên của một tập thể có kỷ luật, tập thể ấy phấn đấu cho một lý tưởng nhất định, nên mỗi thành viên trong đó phải làm tất cả để đóng góp cho sự nghiệp chung. Người ta đã lưu ý tới khá nhiều những rơi rớt của con người cũ ở Nguyễn Tuân. Nhưng phải công bằng mà nhận là những sở trường cũ, khi được ông khai thác chính xác, lại giúp cho công việc của ông rất nhiều. Như sự lịch lãm và những hiểu biết sâu rộng nhiều lĩnh vực đời sống, những yếu tố ấy đã là những vũ khí tốt, khiến cho người chiến sĩ văn nghệ Nguyễn Tuân có được những chiến công phải nói là sáng chói. Sự đọc đáo của Nguyễn Tuân bấy giờ lại trở nên đặc dụng. Đứng về tác dụng phục vụ mà xét, thì những bài viết về Hà Nội đánh Mỹ của ông thuộc vào loại mà trừ phi Nguyễn Tuân, không ai làm nổi. Ma toàn bộ sáng tác của tác giả Vang bóng một thời sau 1945 cũng cần được nhìn nhận theo một tinh thần như thế.

III

Dù thích hay không thích phong cách riêng của Nguyễn Tuân thì những người nghiên cứu văn chương ông thường vẫn nhấn mạnh đây là ngòi bút hết lòng với nghề và trải qua nhiều khổ hạnh trong việc rèn nghề. Vào cái thời mà các tài tử, lãng tử đã nói ở trên còn đang là bộ phận chủ yếu trong lực lượng sáng tác văn học, dĩ nhiên, ở ta chưa có các nhà văn chuyên nghiệp, người làm văn làm thơ lúc ấy không ai sống bằng ngòi bút, chẳng qua nhàn rỗi thì làm, nên việc rèn luyện tay nghề mới là một thú vui mà chưa phải là một bức bách không có không được. Từ đầu thế kỷ XX trở đi, số người sống trực tiếp bằng ngòi bút bắt đầu xuất hiện, song dẫu sao vẫn là nghề mới, lại được tiếng là nghề tự do, nên nhiều người đến với nghề còn tùy tiện, ỷ tài mà viết, viết không ai in thì bỏ tiền túi ra tự in, chán, ế hàng, thì cuốn gói, sang làm nghề khác; những người biết sống chết với nghề, vừa viết vừa tích lũy để nâng cao tay nghề và nói chung có một quan niệm nghiêm chỉnh về nghề nghiệp, còn là rất ít.

Không những luôn luôn phải được tính tới trong đám ngoại lệ ít ỏi này, mà Nguyễn Tuân vẫn còn là một mẫu mực tiêu biểu của loại nhà văn chuyên nghiệp. Với ông, nghề văn có được ý nghĩa của một thứ nghề có căn có cốt; muốn làm nghề đó chỉ có năng khiếu và say mê không đủ, mà người ta còn phải khổ công học hành để tự làm giàu mãi lên, vì biết sự hoàn thiện của nghề là vô cùng vô tận. Chẳng hạn riêng về việc đọc. Nguyễn Tuân thường nói tới loại người có “dạ dày” sự tử, cái gì cũng ăn và cũng tiêu hoá sạch. Những người viết văn, theo ông, cũng phải có một thứ dạ dày như vậy. Ai cũng biết sức đọc của ông thật là đáng kể, ngày nào không đọc được một ít thường bút rứt trong người. Ông đọc và ông tìm cách thu hút tất cả lên trang viết. Ấy là chưa tính những phút cặm cụi trước trang giấy trắng viết, sửa chữa, thêm bớt, viết lại, cốt sao không thể viết hơn được nữa mới thôi. Có điều, khi đã có được sự hướng dẫn của một mỹ cảm tốt, sự khổ hạnh ở đây không bao giờ đồng nghĩa với lối hùng hục kéo cày của những ngòi bút bất tài, mà vẫn có chút gì đó vui vẻ thanh thoát và trong những trường hợp thành công, tác phẩm có cái tự nhiên như hoá công ban cho vậy. Một tinh thần làm nghề tận tụy đã ngưng kết cho trong nó toàn bộ bản lĩnh làm người mà một nhà văn như Nguyễn Tuân vốn có. ở chỗ này, chúng ta có thể liên hệ tới một nhận xét của nhà văn Xô viết L. Léonov “Khi nói tới con người, tôi cho rằng nói luôn tới nghề nghiệp là một điều cần thiết. Tổng quát mà nói, tôi thích những người yêu tột độ một cái gì đó. Đối với tôi, việc đi sâu vào cách nhìn đời sống của họ thông qua nghề nghiệp mà họ gắn bó là một chuyện rất thú vị. Nghề nghiệp chính là sợi dây xã hội nối kết con người với thời đại”.

Chính Nguyễn Tuân cũng hiểu nghề nghiệp một cách sâu sắc và hướng cuộc đời mình vào chỗ gắn bó hết lòng với nghề như vậy. Sự liên hệ của ông với thời đại theo nghĩa thông thường vốn được tiếng là mỏng mảnh, sơ sài, nhưng nếu hiểu theo nghĩa mà Léonov nêu ở đây, đó lại là một sợi dây bền chắc. Sự ham đi, ham quan sát được nâng lên thành bệnh “xê dịch” ở ông, sự trăn trở trong việc dùng chữ đặt câu ở ông... tất cả những thói quen ấy có vẻ đẹp riêng và sự cần thiết không có không được. Nếu hiểu sự khinh bạc lộ liễu của Nguyễn Tuân trước Cách mạng chẳng qua cũng là một cách nhà văn mài sắc mình để làm nghề cho thật đất, chúng ta sẽ không quá thành kiến với nó, và có thể hiểu tại sao nó lại tồn tại đồng thời với những phẩm

chất ngược lại, như tinh thần phục thiện và một tấm lòng biết thông cảm. Chẳng phải từ sau Cách mạng, khi không còn thật cần thiết cho nghề nữa, thói quen khinh bạc đó ở ông đã được gột rửa rất nhiều?!

Có đi có tới, có tìm có thấy, có gõ thì có mở cho, ở cái đầu cùng của sự hết lòng làm nghề, nhập thân với nghề, người ta còn bắt gặp những khi Nguyễn Tuân như mê đi trong ma lực của ngôn ngữ, ngòi bút như bị ộp đồng để rồi viết ra những áng văn rờn rợn một thứ chất kỳ quái. Trước Cách mạng, cộng với những bế tắc trong tìm tòi nghệ thuật, những giây phút tự mê hoặc này đã làm nảy sinh trong ông những trang trang “yêu ngôn”, như Xác Ngọc Lam, Đới roi, Rượu bệnh và đỉnh cao là Chùa Đàn. Sau Cách mạng, với một liều lượng ít ỏi hơn, lại được sự kiểm soát của một lý trí tỉnh táo, những thoáng xuất thần ở ông thỉnh thoảng vẫn có, song thường dễ chấp nhận. Đó là, chẳng hạn, trong Sông Đà, những trang miêu tả ngọn núi Lai Châu, cuộc đời oan nghiệt của các cô xoè, hoặc khung cảnh con sông Đà chảy giữa đôi bờ tiền sử. Trong khi chờ đợi một sự nghiên cứu đầy đủ hơn về lối viết này của Nguyễn Tuân, điều chúng ta có thể nói ngay ở đây: thật ra, cách viết đó không phải một trường hợp hiếm hoi, một căn bệnh chỉ ông mới có. Trong nhiều sáng tác của các nhà văn hiện thực Đông Tây, người ta vẫn thấy các tác giả nói tới sự thăng hoa của nghề nghiệp; vào những phút xuất thần như vậy, sản phẩm mà người nghệ sĩ tạo ra là tiếng đàn có ma, những bức tranh lung linh như cánh thật và những bài thơ thuộc loại “thi trung hữu quỷ” (chẳng hạn điều này đã được nói tới trong tiểu thuyết Kiệt tác vô hình của Balzac hay trong truyện ngắn Cây vĩ cầm của Rostin của Tsékhov v.v...). Gần với chúng ta hơn, mới đây thôi, đầu 1986, nhà văn Nguyễn Khải cũng viết rất hay về hiện tượng kỳ lạ này:

“ Các cụ thường nói: nghề dạy nghề, làm mãi một nghề, làm cho say mê, cho tận tụy cho tới tột cùng thì rồi cũng có ngày đạt tới cái thần của nghề. Làm nghề gì cũng thế, đã đạt đến cái thần của nó tức là đã phá bỏ được mọi điều ràng buộc, là người tự do hoàn toàn vì không còn gì có thể ngăn trở giữa mình với cái đích. Viết như chơi như bời và văn chương vẫn như mây như sóng, không còn thể loại, không còn chữ nghĩa, không còn cả mình với người, riêng với chung, to với nhỏ, cao với thấp, bi với hùng. Tất cả đã trở thành một, kêu gọi, lấp lánh, huyền ảo, mỗi lúc đọc mỗi khác, mỗi tuổi đọc mỗi khác, như chính nó đã là một hiện tượng tự nhiên mãi mãi tồn tại cùng với sự sống”

Từ những nhận xét loại này, chúng ta dễ thông cảm hơn với những bột phát của ngòi bút Nguyễn Tuân và cũng trân trọng hơn với những tìm tòi chính đáng ở ông.

Cũng cần phải nói ngay là ở đoạn trích trên, Nguyễn Khải không chỉ nói riêng tới nghề văn, tuyệt đối hoá nó, mà bảo rằng ở bất cứ nghề nào cũng có thể có sự thăng hoa nếu đi tới tột cùng. Bản thân Nguyễn Tuân cũng nghĩ như vậy. Với mọi nghề ông đều đề ra yêu cầu rất cao, bởi theo ông, nghề nào cũng có chỗ thâm sâu đáng tự hào của nó. Một đầu sách nhất của ông mang tên Chuyện nghề in ra đầu 1986. Là người biên tập đầu cuốn, sau khi tập hợp bài vở cho tác giả, tôi đặt tạm cho nó một cái tên ước lệ là Nói chuyện nghề nghiệp. Theo thói quen hay vắn vẹo chữ nghĩa của mình, khi nhìn thấy bốn chữ đó, Nguyễn Tuân lấy bút gạch đi chữ Nói ở đầu, chữ nghiệp ở cuối, chỉ để lại hai chữ ở giữa. Cho nó gọn nhẹ, Nguyễn Tuân bảo vậy. Và ông nói thêm:

- Thỉnh thoảng đi với một cán bộ nào đó, mình mới hỏi: “Ông làm gì?”, “Thưa anh, tôi bên Thanh niên”, “Thưa anh, tôi bên Công đoàn”. Mình không hỏi gì nữa, chỉ nghĩ người kia đã lơ đãng không trả lời đúng vào câu hỏi mình, hay không có nghề, chắc lý do sau thì đúng hơn. Bởi chỉ những người không có tự hào gì về nghề nghiệp mới lúc nào cũng chăm chăm nói về cái nơi làm việc của mình mà thực ra không biết mình sống ở đây bằng nghề gì. Lo hành nghề cho lành nghề đã không xong, lại còn không nghề ngỗng rõ ràng, bảo đi làm gì cũng được, nghĩ cũng kỳ đấy chứ. Mà mình biết, hạng người đó vô khối. Nên ngay trong cái việc tưởng chỉ có cảm hứng như viết văn, cũng phải nhấn vào cái chữ nghề cho thiên hạ thấy!

Tiến một bước nữa trong việc làm nghề, con người Nguyễn Tuân còn là con người trò chơi với ý nghĩa hiện đại của mấy chữ ấy.

Chúng hải giai đông tẩu
Đà giang độc bắc lưu.

Hai câu thơ chữ Hán ấy không chỉ đáng làm đề từ cho bài viết ở cuối tập Sông Đà mà lẽ ra, có thể dùng làm đề từ cho mọi sáng tác ký tên Nguyễn Tuân và cho toàn bộ cuộc đời con người đó nữa. Trong khi mọi con sông khác xuôi sang đông thì sông Đà một mình ngược lên hướng bắc, tinh thần của con sông ở đây là tinh thần đi ngược thói thường, sẵn sàng phiêu lưu tới những miền chưa ai biết, miễn sao đạt được những niềm vui lạ. Chơi là thế! Cũng như chơi là đặt ra quy tắc rồi lại tìm cách phá bỏ quy tắc; là kết hợp những cái tưởng như không thể kết hợp được với nhau: là cảm giác đống kịch, cảm giác hội hè; là những hoạt động kèm theo nỗ lực, rồi từ nỗ lực mà sinh ra niềm vui và một nhận thức về cuộc sống. Khi bàn về Picasso, một nhà nghiên cứu xô- viết từng đưa ra một khái quát: “Con người nói chung, con người hiện đại nói riêng, không chỉ là homo sapiens (con người trí tuệ), homo faber (con người làm việc), mà còn là homo ludens (con người chơi nghịch). Và đây không chỉ là mặt yếu mà còn là sức mạnh tinh thần của hắn, sự đảm bảo cho tự do của hắn”. Một khái quát như thế, không chỉ đúng với Picasso mà còn đúng với nhiều nhân vật lớn trong nghệ thuật thế kỷ XX, như Charles Chaplin, Igor Stravinsky... Chúng tôi nghĩ rằng ít nhiều ở Nguyễn Tuân, cái chất con người trò chơi đó, cũng có. Viết chữ đẹp và giỏi cầm trống trong những khi đi hát ả đào, thạo về tranh, về tượng, biết nhiều về kỹ thuật sân khấu và kỹ thuật điện ảnh, ông sống nghiêm chỉnh mà lại như đang dễ dàng đùa bỡn với đời, đấy là một lẽ. Riêng trong việc viết lách, hầu như không bao giờ ông muốn đi theo cái nếp bình thường, mà cứ luôn luôn muốn tạo một ấn tượng khác lạ. ở chỗ người ta quen dùng chữ Hán, ông tìm bằng được một chữ nôm cùng nghĩa, để rồi những khi khác, người ta chỉ hạ những chữ thông thường, thì ông trượng lên những chữ thật hiếm gặp, những chữ gốc Hán mà phải thuộc loại thông thái bật thiệp lắm mới biết dùng. Ông không nghiêng hẳn về một lối viết nào, khi giản dị, thì giản dị không ai bằng mà khi cầu kỳ, thì cũng cầu kỳ không ai bằng. Thế thì bản sắc của ông ở đâu? Thưa, ở chính lối ham chơi kia, lối ham chơi như là sẵn sàng từ bỏ mình để đóng sang những vai khác, không phải là mình, càng lạ càng thú. Một ví dụ: Đọc văn cũng như tiếp xúc riêng với Nguyễn Tuân, người ta biết rằng ông ghét cay ghét đắng việc buôn bán và ông từng định nghĩa nghệ thuật là một công việc: “mà những con buôn quen sống với đổi chác hàng họ và buôn Tần bán Sở đều gọi là vô ích”. Nhưng thỉnh thoảng vai một người bán hàng vẫn len đến, mời gọi con người thích tìm những cảm giác lạ ấy. Lần đầu tiên đọc cái tí bài ký của Nguyễn Tuân trên một số báo Văn nghệ: Tôi bán năm cành hoa tết, tôi hơi ngờ ngợ, sau mới hiểu ra trò nghịch của ông già và tự cắt nghĩa được rằng tại sao, báo chí vẫn muốn mời ông viết ít dòng cho các số Tết. Có một lần, ông giải thích về một cái bìa mà ông đề nghị họa sĩ làm cho một cuốn sách:

- Cuốn sách chỉ có nhan đề là ký, ắt chữ ký phải đậm. Và trong hai chữ tên tác giả, mình muốn lèo thêm một sự nhấn mạnh nữa là cho chữ Tuân nó cũng đậm ra. Thế là nhìn vào bìa thật nhanh người ta thấy hai chữ Ký và Tuân, người ta đọc ký Tuân, ký Tuân như khi ra chợ, người ta hỏi mua ký thịt bò, ký đường vậy.

Ai đã quen đọc văn Nguyễn Tuân đều biết đấy là lối chơi chữ nhiều khi đã thành một cái tật ở tác giả. Tuy nhiên, khi nhà văn đã lấy tên tuổi mình ra mà đùa như thế này, thì có nghĩa con người trò chơi đã thành một thứ bản thể thứ hai nơi ông. Lại nhớ đến Nguyễn Công Trứ tương truyền về già còn thích bận áo lụa xanh, quần vải đỏ, đi đâu đủng đỉnh trên lưng con bò vàng. Lại nhớ Tú Xương với những lời ồm ờ khi đi hát mát ô và lời tự giễu “ở phố hàng Nâu có phỗng sành- Mất thời thao láo mặt thời xanh”. Lại nhớ Tản Đà, đề ở Khố tình con thứ nhất:

Chữ nghĩa Tây Tàu trót dở dang
Nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng
Chẳng lẽ, chẳng lối, cũng văn chương
Còn non, còn nước, còn trăng gió
Còn có thơ ca bán phố phường.

Những người như thế, già từ khi còn ít tuổi, và cho đến già, cũng vẫn còn một đứa trẻ con trong lòng, cho nên việc ham chơi đối với họ, cũng là sự thường. Trong một tài liệu viết về tâm lý học, tôi đọc được những nhận xét:

“Chơi là một cách để trẻ tự thích ứng, tự giáo dục”

“Trò chơi chính là một hình thức hoạt động tự do nhất và cũng là tự nhiên nhất của trẻ”.

“Trong trò chơi, trẻ có dịp phát biểu suy nghĩ của mình”.

“Trò chơi trước hết là một sự tự thực hiện; đứa trẻ không bộc lộ cái gì khác ngoài chính mình”.

...

Lẽ nào những nhận xét ấy không thể áp dụng cho “đám trẻ” kỳ lạ này, những nghệ sĩ lớn trong lịch sử nghệ thuật mà chúng ta hết lòng yêu và kính

V

Nếu như trong văn học sau 1945, có một nhà văn nào tạo ra chung quanh tên tuổi mình cả một huyền thoại, thì người đó chính là Nguyễn Tuân. Trong khoảng hơn hai chục năm cuối đời từng dòng chữ ông viết được soi ngắm và từng cử chỉ lời nói của ông được đồn đại rộng rãi. Luôn luôn những người trong giới văn học đã bàn về ông và đến hôm nay, những lời bàn ấy cũng chưa ngớt. Ghi lại những tiếng dội của cuộc đời và văn chương Nguyễn Tuân trong lòng người khác, tưởng cũng là một cách để hiểu con người ông cũng như không khí văn học một thời :

- Nguyễn Tuân rất độc đáo và tạo ra nhiều bất ngờ ngay trong cách sống hàng ngày. Người quen được người khác chiều và ít khi chiều ai, rồi quá đáng, rồi cực đoan, cái đó có cả. Nhưng sao vẫn có nhiều người ngưỡng mộ ông? Hình như ngoài chuyện tài năng người ta vẫn nhận ở con người đó có cái thực rất đáng trọng.

Còn như đến gần Nguyễn Tuân ấy ư ? Chuyện ấy đôi khi ngại thật. Trong người ông cùng lúc có cả sức hút lẫn sức đẩy người khác, mà đẩy cũng mạnh lắm.

- Phải công nhận là Nguyễn Tuân có cái sòng phẳng của ông, ông không giấu cái tật mê thanh, mê sắc hồi xưa, song những duyên nợ dềnh dàng ấy, nay cái gì thấy cần phải dẹp đi, là tự ông dẹp đi liền. Một chuyện như thế này, không phải tự mồm Nguyễn Tuân nói ra, thì ai mà biết được. Đầu tháng 10-1954, ông có chân trong bộ phận cán bộ về tiếp quản thủ đô. Địa điểm tập kết là Hạ Hồi, Hà Đông. Trong khi những anh em khác chờ xe ô tô thì Nguyễn Tuân mượn bằng được chiếc xe đạp của ông chủ nhà trọ để đạp về Hà Nội. Về đến Bờ Hồ ông đang đi quanh quần thì nghe có tiếng chào : “Kìa, ông đã về”. Thì ra một bà chủ cô đầu. Bà hẹn ông đến chơi. Nhưng từ bấy đến khi ông qua đời, cái hẹn ấy ông vẫn chưa trả.

- Người nặng căn như thế, mà khi đi theo cách mạng, chuyển cũng đã ghé đây chừ. Bởi văn chương Nguyễn Tuân vốn ghi lại trung thực những gì mà ông đã sống, nên đọc Tuỳ bút kháng chiến đã có thể thấy ông đã đi sát mặt trận thế nào. Trong Giữa hai xuân, ông từng nói qua về cảm giác lần đầu cầm quả lựu đạn. Và đây, một đoạn trong Lửa sinh nhật: “Tôi ngóng giờ khai hoả. Nắm cơm chiều qua dất theo thất lạng, suốt một đêm hành quân giờ đã thiu. Nhưng thôi, cứ bỏ vào mồm. Tôi gối lên đàn kiến càn, cố nhắm mắt. Tai áp sát đất, càng nghe rõ tiếng dội của thuổng đào công sự”.

- Ngay đoạn sau này đi viết Sông Đà lại chả ghé à. Hồi ấy từ Quỳnh Nhai sang Than Uyên đâu đã có đường cái, ông phải xin hẳn một con ngựa và một dân quân, cứ theo đường mòn mà đi, ba ngày không gặp người đi ngược. Với hoàn cảnh bấy giờ, đi và viết Sông Đà phải nói là một chiến công.

- Kể đi thôi thì còn nhiều người khác đi bạo hơn ông, nhưng đây là việc đi của nhà văn, nó phải kèm vào việc viết. Sở dĩ Nguyễn Tuân viết được về Tây Bắc vì ông biết nhìn ra ở đấy vẻ đẹp. Ông xem Tây Bắc là một công trình nghệ thuật. Ngay viết về đường xá ông cũng lấy tiêu chuẩn một cái gì đang hình thành ra xét.

- Cũng trên phương diện nhìn nhận sự khổ hạnh ở Nguyễn Tuân, tôi thấy phải nói đây là một trong số ít nhà văn ở ta nhạy cảm về hình thức và có được cách hiểu toàn diện về bản chất cái đẹp trong hình thức nghệ thuật. Đọc văn Nguyễn Tuân luôn luôn cảm thấy hình thức đứng ra

thách thức với nội dung, giữa hình thức với nội dung vừa sóng đôi nhau, vừa đuổi bắt nhau. Luôn luôn cảm thấy ông viết rất đặc biệt, mình không thể nào bắt chước nổi.

Nhưng nhiều khi Nguyễn Tuân cũng đi quá đà, dày vò chữ quá, không được tự nhiên như chính ông muốn. Cũng là cái tật như trong cuộc đời hàng ngày của ông.

- Lại nói chuyện con người Nguyễn Tuân ư? Những ai từng được làm quen với sân khấu Nhà hát lớn Hà Nội trước Cách mạng đều biết ông rất có duyên với nghề diễn kịch; dù ông chỉ đóng những vai phụ, nhưng thông thường, đó là những vai phụ khó quên. Từ chuyện sân khấu tôi muốn lên hệ sang chuyện đời. Hiểu nhập vai theo một nghĩa tốt đẹp, thì trong cuộc sống hàng ngày, Nguyễn Tuân cũng rất nhập vai, tức là đã định làm cái gì thì làm bằng được, làm đến cùng. Chấn hạn như khi cần vận động quần chúng, người cán bộ ấy cũng giỏi lắm. Đã ai từng đi với ông Tuân trong một chuyến công tác xuống một đơn vị nào chưa? Chưa hẳn. Các anh có thể tưởng tượng được không, khi nói trước công chúng, đây là một nhà thuyết giáo thực thụ. Thành thử, trong Nguyễn Tuân, bên cạnh một người lãng tử cuối mùa, một người làm nghề tự do rất cao tay nghề, như các anh đã nói, còn thấy có một chính uỷ nữa. Lưu ý tới điều đó, xem nó như một yếu tố chủ đạo, ta sẽ cắt nghĩa được Nguyễn Tuân sau Cách mạng.

VI

Ở trên, khi cần phác ra một ít nét đại thể về con người Nguyễn Tuân, chúng ta đã nhớ lại các hình ảnh mà ông thích thú: Nhà văn như kẻ đi đường không bao giờ mệt mỏi. Nhưng chữ đi ở Nguyễn Tuân vốn không chỉ bó hẹp vào sự di chuyển trong không gian mà có nghĩa rất rộng: “Ngay cả lúc anh dăm dăm ngồi trước trang giấy trắng lạnh phau giữa phòng văn, anh cũng vẫn là một con người đang đi. Đi vào cái đêm làm việc của mình. Đi cho đến chỗ tận cùng của đêm mình” Cái dạng đi này của Nguyễn Tuân còn ít được nói tới, nhưng thật ra, chính nó lại là khía cạnh quan trọng bậc nhất trong con người Nguyễn Tuân mà những người yêu mến văn ông cần biết.

Nguyễn Vỹ, một nhà thơ có quen Nguyễn Tuân từ trước 1945, đã tả ông là một người sống cẩn thận, đứng đắn, cử chỉ nhỏ nhẹ, đàng hoàng, làm gì cũng đắn đo và có cái vẻ cặm cụi khác hẳn với những trò chơi ngông khinh bạc mà chúng ta vẫn nghe kể trong văn ông. Thói quen làm việc ấy vẫn còn lại ở Nguyễn Tuân cho đến cuối đời. Sau những chuyến đi rất dữ: đi dọc, đi ngang, đi lên, đi xuống, đường đi nước bước như kẻ bòn trên sông hồ trắng nước.. nhà văn trở về căn buồng của mình, ở đó, ông đọc, ông ghi chép, ông lập hồ sơ cho những tài liệu cần thiết, nhất là ông suy nghĩ và làm công việc cuối cùng của nghề viết là cho tác phẩm hiện lên trên trang giấy. Nguyễn Tuân viết như thế nào? Theo lời kể của những người thân của nhà văn, thì ngồi đầu ông cũng viết được, không cần bàn. Nhưng tâm linh ông thì tôi tưởng, phải nói là một sự “nhập thần” hoàn toàn, không thể khác được. Những ai đó có dịp đến thăm Nguyễn Tuân ở nhà riêng đều biết buồng văn của ông là cả một kho chứa ở đó ngổn ngang sách vở cổ kim đông tây, từ những cuốn sử ký, địa dư, sách du ký, sách dạy nghề, in từ những năm nào năm nào, tới những tờ báo về nghệ thuật hoa viên rồi những bản tin nhanh và tài liệu in rônêo nào đó nói về hoạt động của Việt Kiều ở nước ngoài mà bạn đọc xa gần mới gửi cho ông. Rồi tượng, an-bom và các loại sách kỷ niệm sau các chuyến đi nước ngoài. Rồi chính ông nữa, ấy là, ngoài những ấn bản in ra rải rác ở trong nước và nước ngoài nửa thế kỷ nay, còn không ít hình ảnh Nguyễn Tuân trong quá khứ, Nguyễn Tuân khi đóng phim, đóng kịch, Nguyễn Tuân trong ảnh của Trần Văn Lưu, Hoàng Kim Đáng, Nguyễn Tuân trong nét vẽ của những họa sĩ từng giao du với ông và đến thăm ông, những Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Trọng Kiệm, Nguyễn Trung v.v.. và v.v... Ngồi viết giữa một cảnh tượng văn hoá như thế, là cả một sự thách thức. Sự cặm cụi của Nguyễn Tuân, đúng hơn, sự đơn độc của ông lúc này mới có được cái ý nghĩa mà nó phải có: ông muốn đối mặt với tất cả. Ông muốn thêm vào một cái gì xứng đáng với tinh hoa văn hoá đang vây bủa quanh ông và đã là một phần sự sống trong ông.

Giả kể có đoán khi viết, Nguyễn Tuân thường thấp lên mấy nén hương, chắc cũng chả ai nhọc nhằn!

Giữa một cuộc sống trần tục xô bồ, trước sau ông vẫn là một nhà văn xem trọng sự thiêng liêng nghề nghiệp và sống với nó thành kính thật sự.

Nhìn lại cả đời văn Nguyễn Tuân, chúng ta thấy gì ? Chúng ta nghĩ đến sự công bằng. Ai đối xử với nghề nghiệp ra sao, sẽ được nghề nghiệp đối xử lại như vậy. Cố nhiên, rộng hơn câu chuyện tác phẩm còn có câu chuyện về chính con người đã tạo ra các tác phẩm này nữa. Trong sự độc đáo của mình, cuộc đời Nguyễn Tuân có hấp dẫn chúng ta, nhưng suy cho cùng, đó không phải là lối nêu gương để chung quanh bắt chước. Không, Nguyễn Tuân không thể làm thế. Với tất cả cái hay cái dở, cái tài cái tật vốn có, lời kêu gọi của ông giản dị hơn: Mỗi người hãy sống đúng với bản sắc của mình.

Thật vậy, sau khi nói rằng sự làm người là nghiêm chỉnh, rằng chúng ta phải sống đúng sống tốt, như cái phần lương tri trong chúng ta vẫn yêu cầu, cuộc đời Nguyễn Tuân như còn muốn nhắn nhủ thêm một điều này nữa: muốn hay không muốn mỗi chúng ta đều là một thực thể đơn nhất, riêng biệt, không giống một ai khác và không ai thay thế nổi. Khi điều đó không phụ thuộc vào ý muốn của riêng ai mà là một cái gì tất yếu “không thể sửa chữa” thì tại sao chúng ta không tạm bằng lòng với mình, yên tâm là mình, nó trước tiên giúp ta tự vệ, tức tránh bớt được những dằn vặt vô ích, mà sau đó biết đâu chẳng phải là một cách để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng đồng loại và do đó trở nên có ích hơn hết?

1985

[1] [Cesare Pavese](#) (1908-1950), tác giả tập tiểu thuyết *Il mestiere di vivere*, in 1952, sau khi tác giả qua đời.

Chuyện ít biết về cha tôi – nhà văn Nguyễn Huy Tưởng và bác Nguyễn Nguyễn Huy Thắng



Khó có thể nói gọn trong một từ, bác Nguyễn Tuân với cha tôi (nhà văn Nguyễn Huy Tưởng) có phải là những người bạn thân không.

Nhà văn Vân Thanh, trong một lần hầu chuyện “cụ Nguyễn” đã không quên hỏi “cụ” về chuyện bạn bè. Chị đã rất ngạc nhiên khi nghe nhà văn nói rằng mình không có bạn thân trong giới văn nghệ sĩ. Bác Nguyễn chỉ nhận mình có người bạn thân duy nhất là bác sĩ Trần Hữu Tước, một giáo sư tai mũi họng nổi tiếng, đồng thời cũng là người dịch một số truyện của nhà văn Nguyễn Tuân sang tiếng Pháp.

Nhà văn Vân Thanh sau đấy đã nói lại với tôi kèm lời nhận xét: “Thế mà chị cứ tưởng thế nào bác Nguyễn Tuân cũng nhắc đến bố em trong số những người bạn thân của mình cơ đấy!”. Còn về phần bố Tưởng tôi thì thế nào? Cha tôi mất sớm, khi tôi mới 5 tuổi. Tuổi thơ non nớt của tôi luôn được nghe nhắc đến, giữa những câu chuyện trong gia đình, về “chú Thi, bác Tuân...” như những người bạn thân thiết của cha tôi, đồng thời cũng là chỗ dựa về tinh thần của gia đình chúng tôi sau khi cha tôi qua đời.

Thế nên tôi đã khá bất ngờ khi đọc nhật ký của cha mình, tôi thấy có một câu như thế này: “Tuân đi Tây Bắc. Nói chuyện về kịch bản (Lũy Hoa) của mình. Anh ta có vẻ thích... Khuyến nên tập trung vào phim” (10/4/1959). Chữ “anh ta” rõ ràng là một đại từ không mấy thân thiết, ít nhất cũng là theo cảm nghĩ của tôi lúc ấy. Mặc dù sau đây cha tôi có viết tiếp: “Trong thâm tâm cũng thấy đồng ý với lời khuyên của bạn”, song hai chữ “anh ta” vẫn ám ảnh tôi khá mạnh! Lớn lên, tôi có dịp đọc kỹ hơn nhật ký của cha mình. Cũng chữ “anh ta” ấy, cha tôi còn dùng với một nhà văn trẻ khác mà ông đặc biệt quý mến – nhà văn Siêu Hải: “Góp ý với Siêu Hải về tiểu thuyết về pháo binh của anh ta. Siêu Hải có vẻ không vui. Cần phải động viên ghê lắm. Con người dễ thương” (23/4/1957). Và tôi đã ngộ ra.

Chữ cha tôi dùng (trong nhật ký, khi nhà văn cho phép mình được viết một cách thoải mái nhất những suy nghĩ tức thời) chỉ là một phương tiện truyền tải, trần thuật. Điều quan trọng là ở thái độ của nhà văn trước mỗi sự việc mà ông thuật lại. Như ở cả hai trường hợp trích dẫn trên, cha tôi “trong thâm tâm” bao giờ cũng rất trân trọng bạn, nâng niu bạn! Bất luận bác Nguyễn Tuân với cha tôi có phải là hai người bạn thân không, một cách duy danh định nghĩa. Bất luận trong làng văn, thiên hạ xếp “mâm bát” giữa các cụ với nhau như thế nào. Tôi chỉ biết, bằng vào những gì đã thật sự diễn ra giữa bác Nguyễn Tuân và cha tôi, để có cảm nhận xác thực về các cụ.

Cha tôi bắt đầu có quan hệ gắn bó với bác Tuân là từ sau Cách mạng Tháng Tám, khi ông đảm đương công tác Văn hóa cứu quốc. Ngày 25/9/1946, hai ông gặp nhau trong buổi lễ kỷ niệm ngày giỗ Vũ Trọng Phụng, có lẽ do Hội Văn hóa cứu quốc tổ chức, mà có lẽ cũng là lễ tưởng niệm đầu tiên sau 7 năm nhà văn sớm đi xa.

(Ông trời run rủi thế nào mà giờ đây cả ba ông – Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng – lại có tên phổ kề bên nhau, lại được gắn cả con đường mang tên vì sao Khuê Nguyễn Trãi!). Vài hôm sau, nhà văn Nguyễn Tuân đến chơi, biếu cha tôi một cuốn Chùa đàn mới xuất bản. Cha tôi đã đọc ngay cuốn sách đó và ghi trong nhật ký cùng ngày: “Xem Chùa đàn. Thán phục văn tài và lòng thành thực của Nguyễn Tuân” (28/9/1946).

Ba năm sau, hai ông lại có mặt bên nhau trong bức ảnh nổi tiếng của nhà nhiếp ảnh Trần Văn Lưu, chụp các văn nghệ sĩ ở Xóm Chòi, Thái Nguyên. Trong ảnh, bác Tuân mặc quần soóc, áo lính, còn cha tôi mặc bộ đồ bà ba đen. Trông ông có vẻ buồn buồn.

Ông buồn vì không viết được như ý, hay ông buồn vì mẹ tôi còn đang bị kẹt lại trong thành, chưa ra được chiến khu với ông? Hay cũng có lẽ cả hai? Và tôi hình dung, bác Tuân đã thật khéo động viên cha tôi khi tặng ông một cuốn sổ tay với những lời đề tặng vừa hóm hỉnh vừa cũng đầy cảm thông, khiến người nhận chỉ có thể mỉm cười: “Biểu một anh bạn khủng hoảng “sáng tác” để anh giải quyết “sinh lý” lên tập giấy trình tiết này – những lúc đêm dài tha thẩn một mình với bóng!”.

Hòa bình lập lại (năm 1954), cha tôi và bác Nguyễn Tuân càng có dịp “bó kết” với nhau hơn qua vụ Nhân văn Giai phẩm. Hai ông không hề viết cho báo Nhân văn, nhưng cũng không tham gia vào việc đánh “Nhân văn”, chẳng những thế còn tỏ thái độ thông cảm! Thế cũng đủ để bác Nguyễn Tuân và cha tôi bị coi là “hữu”, rằng các ông là những “cây đa, cây đề, tập hợp chung quanh mình những phần tử xấu” (!) Rồi dường như có một chỉ đạo gọi là “chống Tuân lui Tưởng”, và chủ trương: “Dù là những cây đa cây đề cũng đập mạnh” (những chữ trong ngoặc kép ở đây đều là trích nguyên văn nhật ký của cha tôi trong mấy tháng cao trào của cuộc đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ).

Dễ hiểu trong hoàn cảnh như thế, các ông phải chịu rất nhiều sức ép. Cũng dễ hiểu trong hoàn cảnh như thế, các ông càng cần dựa vào nhau. Nhật ký của cha tôi những ngày này hay nhắc đến bác Tuân như một điểm sáng về nhân cách và bản lĩnh nhà văn, khi mà tình bạn giữa các

văn nghệ sĩ, dù đã được thử thách trong kháng chiến, vẫn bị xáo động rất mạnh do chuyện cải cách ruộng đất và đặc biệt, do những bất đồng xung quanh vụ việc “Nhân văn Giai phẩm”. Một ngày cuối đông năm 1956, Chi bộ Văn nghệ họp để thảo luận về vấn đề này. Nhiều người lớn tiếng mạt sát “bọn họ”. Đến lượt cha tôi phát biểu, ông tỏ ý “thương anh em Nhân văn”. Lời phát biểu của cha tôi tức thì bị nhiều người phản ứng, đến mức ông tự thấy mình “chui quá”. Giữa lúc ông “đang sa sút tinh thần”, như ông ghi trong nhật ký ngày 15/12/1956 thì buổi tối bác Tuấn đến, động viên cha tôi “không nên siu đi. Lúc này càng phải hăng hái”!

Tôi đã được đọc một số hồi ký, bài viết về những ngày này của các nhà văn: Tô Hoài, Phùng Quán, Lê Đạt... Bấy giờ, những lời, những ý ngược với số đông thường rất khó nói ra, vì nó lạc lõng và nhất là vì nó có thể gây nguy hiểm. Nhưng cũng chính vì thế, nếu có, lại càng quý, dù chỉ là về tinh thần. Nhà thơ Lê Đạt trong một bài viết gần đây kể rằng, một buổi tối, ông cùng cha tôi và một số người nữa, trong đó có cả những người không cùng “cạ” gặp nhau ở nhà bác Tô Hoài, trước khi bước vào lớp đấu tranh “tư tưởng” Thái Hà II.

Lúc ra về, đang đi, cha tôi bỗng nói: “Các ông ấy thật buồn cười, bắt mình học một tháng chứ học một năm, mình cũng không bao giờ kết luận thắng Lê Đạt là phản động, mình ở với nó mãi, mình còn lạ gì”. Không biết cha tôi có nghĩ đến những nguy hiểm có thể xảy với mình lúc ấy không. Tất nhiên, hoàn cảnh của cha tôi có khác nhiều so với nhà thơ Lê Đạt. Giỏi lắm thì ông cũng chỉ đến nước bị quy “thân nhân văn” là cùng (mặc dù như thế đã đủ mệt lắm rồi!). Nhưng cũng như nhà thơ Lê Đạt, cha tôi rất cần được cảm thông, chia sẻ. Sự động viên kịp thời của bác Tuấn đã tiếp sức cho cha tôi rất nhiều, khi đó cũng như sau này, khi đã “sóng yên bể lặng” lại là lúc cha tôi lâm trọng bệnh. Những ngày ông nằm bệnh viện Việt Xô, những bó hoa tươi bác Tuấn thường xuyên đem vào cho người bệnh cùng những câu chuyện không dứt về nào là Vũ Như Tô xây Cầu trùng đài, nào là xê-na-ri-ô hay tiểu thuyết về Thủ đô... hẳn đã làm dịu bớt nỗi đau của cha tôi khi biết mình mang bệnh nan y. Chuyện này đã được bác Tuấn kể khá chi tiết trong Lời Bạt viết cho kịch bản phim Lũy Hoa của cha tôi xuất bản một năm sau khi ông qua đời, tôi xin miễn nói thêm.

Tháng 8 năm 1978, tôi tốt nghiệp đại học ở Rumani về nước. Thăm hỏi trong gia đình xong, tôi được mẹ đưa lên chào bác Nguyễn Tuấn. Bác rất vui như ngày nào, khi chúng tôi còn nhỏ, mỗi bận mẹ tôi cho các con lên thăm bác.

Tôi còn nhớ hồi ấy, chúng tôi luôn chờ đợi lúc bác với tay lấy cái hộp “ghi gô” đã xin màu, từ tốn mở hộp lấy cho chúng tôi mỗi đứa một cái kẹo. Kẹo của bác Nguyễn Tuấn thường là loại kẹo ngon, chỉ có bán trong “giao tế” (cửa hàng phục vụ cán bộ cấp cao thời bao cấp). Bấy giờ cái gì cũng thiếu thốn, đường, kẹo lại càng khan.

Nhưng tôi vẫn nhớ mình không bao giờ ăn ngay, mà cũng không bao giờ mong bác lấy thêm cho một cái kẹo nữa. Dường như tôi linh cảm được rằng, với bác Nguyễn Tuấn, đừng có mà nghĩ đến số lượng. Và ngay bây giờ đây, tôi như thấy bác nheo nheo mắt mà bảo rằng, nếu anh ăn đến cái kẹo thứ hai, liệu vị nó có ngon hơn không?

Lại nói cái hôm mẹ tôi đưa tôi lên chào bác. Lúc này tôi đã là một thanh niên, nhưng bác Nguyễn Tuấn vẫn muốn cho tôi một cái quà gì như ngày nào. Vừa hay nhà in mới mang đến cho bác một cuốn Sông Đà lần đầu được tái bản sau nhiều năm ra đời.

Cuốn sách mẫu chưa vào bìa, cũng chưa đóng xén. Cả ruột và bìa được chuyển thẳng đến cho tác giả xem. Bác rút một chiếc bút dạ, nghĩ một hồi rồi viết: “Chủ nhật 8 VIII 78 – tặng “thằng” Huy Thắng – Nguyễn Tuấn”. Đã định trao cho tôi rồi, ngấm nghĩ thế nào, bác lại viết tiếp thêm mấy chữ: “Hà Nội, nó về được hai ngày”. Trời ạ! Giờ tôi mới hiểu ra, vì sao trong câu chuyện, bác cứ hỏi đi hỏi lại tôi “Mới về à? Mới có hai ngày à?”.

Vâng, thưa bác Nguyễn Tuân, cháu mới về. Cháu mới về được hai ngày và đương nhiên, cháu muốn được theo mẹ cháu lên chào bác ngay. Vậy là bác đã cảm động vì tôi đã sớm lên thăm bác, tôi, con trai duy nhất của người bạn thân của bác – nhà văn Nguyễn Huy Tưởng!...